

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01624

Trang 1/1

Môn Học : Chi tiết máy (207100) - Số Tin Chì: 3

Ngày Thi : 09/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD104

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11154001	TRẦN THẾ AN	DH11OT		<i>Trần Thế An</i>	1	1	4	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154181	HOÀNG LÊ ANH	DH12OT		<i>Anh</i>	0,5	0,5	4	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12344009	NGUYỄN NGỌC TUÂN	CD12CI		<i>Tuân</i>	0	0	3	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11154002	NGUYỄN TUÂN ANH	DH11OT		<i>Tuân</i>	0,5	0,5	4	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12118015	NGUYỄN HỮU CHIẾN	DH12CC		<i>Chiến</i>	0,5	0,5	4	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154190	TRẦN VĂN CHINH	DH12OT		<i>Chinh</i>	0,5	0	3	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11154024	LÊ PHÚC CƯỜNG	DH11OT		<i>Cường</i>	0,5	0,5	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11138013	TRẦN MẠNH CƯỜNG	DH11CD		<i>Cường</i>	1,5	0	4	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12115315	LÊ THỊ DUNG	DH12GN			0	0	V		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	08137010	TRƯƠNG BÁ DUY	CD11CI			0	0	V		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11118004	NGUYỄN MỘNG ĐẠT	DH11CC		<i>Đạt</i>	1	0,5	5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11153016	TRẦN THANH HIỆU ĐẾ	DH11CD			0	0	V		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11344022	NGUYỄN HOÀNG DIỆP	CD11CI		<i>Diệp</i>	1	0	4	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12344039	NGUYỄN QUANG DỨC	CD12CI		<i>Dức</i>	0	0	4	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12138046	NGUYỄN THẾ HIỂN	DH12TD		<i>Hiển</i>	1	0,5	5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11115003	VÕ VĂN HIỂN	DH11CB		<i>Hiển</i>	0	0	4	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11154033	NGUYỄN VĂN HÒA	DH11OT		<i>Hòa</i>	0,5	0	4,5	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12344055	NGUYỄN ĐẮC HOÀNG	CD12CI		<i>Hoàng</i>	1	0,5	3	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2.

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Vương Đình Bằng
Ngô Thị Hồng Diệp

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Phạm Văn Tuấn

Cán bộ chấm thi 1&2

Phạm Văn Tuấn
Trương Quốc Tuấn

Ngày 17 tháng 1 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01624

Trang 2/1

Môn Học : Chi tiết máy (207100) - Số Tài Chí: 3

Ngày Thi : 09/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD104

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	111344020	TRẦN VĂN HỒ	CD11CI		Hồ?	0	0	1	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11137004	BÙI MẠNH HÙNG	DH11CC		Bùi	1	1	5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11153024	NGUYỄN VIỆT HÙNG	DH11CD		Việt	0,5	0,5	5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11118001	ĐÀO THANH HUY	DH11CC		Đào	0,5	0	4	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11138008	HỒ VĂN HƯNG	DH11CD		Hồ	0	0,5	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11119007	NGUYỄN PHƯỚC HƯNG	DH11CC		Phước	1	0	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11119005	ĐOÀN THỊ HUƠNG	DH11CC		Đoàn	0,5	1,5	5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11118010	SENG ALOUN KASEUTH	DH11CC		Angk	0,5	0	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11137006	TRẦN VĂN KHANH	DH11CC		Trần	1	0	4	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10153019	NÔNG VĂN KHIÊM	DH10CD		Ngô	0,5	0,5	2	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11119001	NGUYỄN NGOC LÂM	DH11CC		Ngô	1	0	3	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11119008	HỒ TÀI LINH	DH11CC		Hồ	0,5	1	5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11115004	TRẦN THỊ MAI LINH	DH11CB		Trần	0,5	0	4	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12115249	PHẠM THỊ KIM LOAN	DH12CB		Phạm	0	0	4	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11154042	NGÔ HOÀNG LUÂN	DH11OT		Ngô	0	0	4	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12344084	NGUYỄN NHƯ LUÂN	CD12CI		Như	0	0	3	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12344145	VÕ BÀ LUÂN	CD12CI		Võ	0,5	0	4	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11154009	ĐINH CÔNG LỤC	DH11OT		Đinh	0,5	0	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Vương Đình Bằng
Nguyễn Hồng Thiệp

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Phạm Đức Dũng

Cán bộ chấm thi 1&2

Phạm Đức Dũng
Trương Quốc Dũng

Ngày 17 tháng 1 năm 2014

Trang 3/1

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

Số bài:.....; Số tờ:.....
 Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
 Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
 Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và
 đã nhân trong số

Vương đình Bàng Ng
Ng Thị Hằng Diệp

is 17 that Ten

Phạm Đức Dũng
7 Tháng 12 Tháng 1

Ngày 12 tháng 1 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01625

Trang 1/1

Môn Học : Chi tiết máy (207100) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 09/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD105

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12115157	THÁI THỊ KIM	NGÂN	DH12GN		0	0	✓		● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11344048	LÊ VĂN	NGOÂN	CD11CI		0	0	0	0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12115005	NGUYỄN THANH	NGOC	DH12GN		0,5	0	3	3,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154147	PHẠM HUỖNH ĐẠT	NHÂN	DH12OT		0,5	0	4	4,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11169023	ĐOÀN THỊ KIM	OANH	DH11GN		1	0	5	6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11154012	NGUYỄN THANH	PHONG	DH11OT		1	0,5	5	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11119013	QUÁCH ĐẠI HỒNG	PHÚC	DH11CC		1	0,5	5,5	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11115005	PHAN VŨ MINH	PHƯƠNG	DH11CB		0,5	0,5	4	5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11344038	LÂM TUẤN	QUANG	CD11CI		0	0	4	4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154247	NGUYỄN CHÁNH	QUANG	DH12OT		0,5	0	4	4,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12115051	HÀ THƯ	QUANG	DH12GN		0	0	1,5	1,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154191	NGUYỄN HOÀNG	QUÍ	DH12OT		0	0	✓		○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11154013	NGÔ VĂN	QUYẾT	DH11OT		0,5	0,5	5,5	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11344065	PHẠM QUỐC	SINH	CD11CI		1	0	5	6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11119010	KIỀU VĂN THÁI	SƠN	DH11CC		0,5	0	5,5	6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11115009	NGÔ THÀNH	SƠN	DH11CB		0,5	0	5	5,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11115006	NGUYỄN HOÀNG	SƠN	DH11CB		0,5	0	5	5,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11154049	NGUYỄN HOÀNG	SƠN	DH11OT		0	0	4	4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 35; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần N. V. Kiệp
Trưởng Ấp Trại

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Phạm Đức Dũng
Trưởng Ấp Trại

Cán bộ chấm thi 1&2

Phạm Đức Dũng
Trưởng Ấp Trại

Ngày 17 tháng 1 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01625

Trang 2/1

Môn Học : Chi biế máy (207100) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 09/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD105

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11154043	TRẦN ĐỨC TÀI	DH11OT			0,5	0,5	4	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11153013	LÊ VĂN TÂM	DH11CD			1	1	5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11154016	TRƯƠNG CHÍ TÂM	DH11OT			0,5	0,5	5,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11154044	TRẦN MINH THANH	DH11OT			0,5	0,5	5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11118006	PHẠM TÂN THÀNH	DH11CC			0,5	0,5	5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11154048	BÙI MINH THIÊN	DH11OT			0,5	1,5	5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11154019	TRƯƠNG HIỮU THIÊN	DH11OT			0	0	4,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11118007	LÊ SỸ THỊNH	DH11CC			0,5	0	4	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11153031	PHAN TRƯỜNG THỊNH	DH11CD			1	0,5	5,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11118005	MAO THANH THUẬN	DH11CC			0,5	0,5	5,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11169015	LÊ TÂN THƯƠNG	DH11GN			0,5	0	1	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11154062	NGUYỄN MINH TIÊN	DH11OT			0,5	0,5	5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11154031	NGUYỄN CHÍ TRAI	DH11OT			0,5	0,5	5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11154034	ĐINH QUỐC TRUNG	DH11OT			0,5	1,5	5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11154061	NGUYỄN ANH TUÂN	DH11OT			0	0	2	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12154011	LÊ PHÚ TÙNG	DH12OT			0,5	0	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11169025	NGUYỄN THUY TUYẾT VÂN	DH11GN			1	0	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11154054	PHẠM NHƯ VÂN	DH11OT			0,5	0,5	5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 35; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

N. V. Kiệp
Trưởng Phòng Đào Tạo

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

B. V. Hải Tiên

Cán bộ chấm thi 1&2

Phạm Đức Bình
Trưởng Phòng Đào Tạo

Ngày 17 tháng 1 năm 2014

Trang 3/1

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

Số bài: 15; Số tờ: ...
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Thầy N. V. Kiep
& Giảng Sư Trương

12 12th Dec

Ngày 17 tháng 1 năm 2014

Phạm Đức Dũng
2² Trường Q. Tân Phú

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01626

Trang 1/1

Môn Học : Chi tiết máy (207100) - Số Tin Chíc 3

Ngày Thi : 09/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD305

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10154056	TRẦN NGỌC AI	DH10OT		<i>huc</i>	0	0	5	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11153001	NGUYỄN ĐỨC DUY	DH11CD			0	0	V		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09154012	NGUYỄN HỮU ĐỒ	DH09OT		<i>do</i>	1	0,5	4	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11154051	TRỊNH XUÂN HÀNH	DH11OT			0	0	V		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	09137029	NGUYỄN THANH HIỆP	DH09NL		<i>hiep</i>	1	0,5	5,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11153021	NGUYỄN VĂN HÒA	DH11CD		<i>h2</i>	1,5	0	5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10154087	HOÀNG VĂN KHÁNH	DH10OT		<i>kh</i>	0,5	0	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12118021	BÙI XUÂN LÂM	DH12CC			0	0	V		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11137008	ĐẶNG PHÚC LỘC	DH11CD		<i>phuc</i>	0,5	0,5	5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12115139	NGUYỄN HOÀNG NAM	DH12GN		<i>hnam</i>	0,5	0	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11115011	MAI THỊ TUYẾT NHUNG	DH11CB		<i>tn</i>	1	0	5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11137001	NGUYỄN MINH PHÁT	DH11CD		<i>phuc</i>	1	0,5	5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	09153068	LÊ HOÀI PHONG	DH09CD			0	0	V		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	09137012	THẦN THẾ PHONG	DH09NL		<i>ph</i>	0,5	1	5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11344037	VÕ PHI PHỤNG	CD11CI		<i>phung</i>	0	0	3	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11153009	VÕ MINH PHƯƠNG	DH11CD		<i>phuc</i>	1	1	4	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12344113	VŨ THIÊN TÂM	CD12CI		<i>tham</i>	1	0	3	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11153032	PHẠM CÔNG TÂN	DH11CD		<i>ph</i>	1	1	5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Văn Tiến
Võ Văn Xích

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Tiến

Cán bộ chấm thi 1&2

Phạm Quốc Bình
Trương Quốc Tuấn

Ngày 17 tháng 1 năm 2014

Trang 2/1

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

Số bài:.....; Số tờ:.....
 Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
 Điểm thi. Điểm thi cuối kỳ.
 Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và
 đã nhân trọng số

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

✓Cán bộ chấm thi 18.2

Ngày 17 tháng 1 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01627

Trang 1/1

Môn Học : Chi tiết máy (207100) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 09/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV303

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (26%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (Đ1+Đ2)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12344002	HỒ VIỆT AN	CD12CI	1	<i>ao</i>	1,4	0,3	1	2,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11134006	LÂM NGỌC BÍCH	DH11GB	2	<i>Phu</i>	1,9	1,4	4,2	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12344164	ĐẶNG MINH CHÂU	CD12CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12344193	NGUYỄN HẢI CHÍ	CD12CI	1	<i>Chm</i>	0,8	0,5	2	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10138019	TRẦN VĂN CƯỜNG	DH10TD	1	<i>gla</i>	0	0,4	0	0,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	09153083	ĐÀO KHẮC DIỆN	DH09CD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12344030	TRẦN ANH DŨNG	CD12CI	1	<i>D</i>	1,9	0,6	3,6	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10153055	ĐOÀN ANH DUY	DH10CD	1	<i>duy</i>	0,3	0,8	1,2	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12344140	LƯƠNG VĂN DUY	CD12CI	1	<i>Duy</i>	1,7	0,7	3,8	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12344032	NGUYỄN TRÙNG DƯƠNG	CD12CI	1	<i>duy</i>	2	0,8	3,2	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12344033	TRẦN ĐÀI	CD12CI	1	<i>Đai</i>	2	0,4	3	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10138032	CHU VĂN ĐẠT	DH10TD	1	<i>Đat</i>	0,8	0,4	0,9	2,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11169017	NGUYỄN SĨ ĐĂNG	DH11GN	1	<i>Đang</i>	2	0,8	3,6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12344043	LƯƠNG QUỐC ĐÔNG	CD12CI	1	<i>duy</i>	1,7	0,5	2,9	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10115001	ĐOÀN THỊ HẠT	DH10CB	1	<i>hat</i>	2	1	4,3	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11169004	NGUYỄN THỊ KIM HÒA	DH11GN	1	<i>Kim</i>	2	1,3	3,1	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12344169	LÊ MINH HÒA	CD12CI	1	<i>Minh</i>	2	1,3	2,9	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	09115016	NGUYỄN DƯƠNG NHẬT HOÀNG	DH09CB	2	<i>Phu</i>	1,9	0,5	4,1	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 16; Số tờ: 33

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi, Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Kiều Thanh
Phạm Minh Hiền
Trần Thị Thanh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Kiều Thanh

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Kiều Thanh
Nguyễn Thị Thanh

Ngày 15 tháng 1 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01627

Trang 2/1

Môn Học : Chi tiết máy (207100) - Số Tín Chỉ : 3

Ngày Thi : 09/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV303

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11154056	NGUYỄN TÂM HOC	DH11OT	2	Hoc	2	2	5,4	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12344195	TRINH VĂN HON	CD12CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	09115018	HẦU ĐỨC HUÂN	DH09CB	1	Hau	0,8	0,3	0,4	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10115003	ĐỖ TIẾN HÙNG	DH10CB	1	Tuy	1,8	1	3,4	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12344187	HỒ TRẦN HUY	CD12CI	1	Huy	1,8	0,8	4,8	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11154063	TRẦN HOÀNG HUY	DH11OT	1	Huu	2	1,7	5,4	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10169033	TRẦN MINH HUY	DH10GN	1	Huu	1,6	1,1	3	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	09153007	NGUYỄN VĂN HUYNH	DH09CD	1	Huu	1,8	0,7	3,3	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11169021	KHẨU MINH KHA	DH11GN	1	Khu	2	1,7	3,7	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10138040	LA ĐÌNH KHÁNH	DH10TD	2	Nha	1,8	1,2	5,6	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11169014	ĐOÀN MAI MINH KHÔI	DH11GN	1	Kho	2	1,4	11,4	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11154038	NGUYỄN CAO VĨNH KHƯƠNG	DH11OT	1	Khu	2	2	5,2	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12344068	TRẦN VĂN LAI	CD12CI	1	Lai	2	0,8	2,8	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11169012	NGUYỄN THANH LIÊM	DH11GN	1	Lien	1,9	0,9	2,8	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12344075	TRẦN XUÂN LIÊN	CD12CI	1	Lien	1,2	0,4	2,8	11,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12344014	NGUYỄN VŨ LINH	CD12CI	1	Linh	1,9	0,9	3,4	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	10115005	HÀ VĂN LONG	DH10CB	1	Lieu	2	1,5	5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12344077	LÊ THÀNH LỘC	CD12CI	2	Lieu	0,8	0,4	11,4	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 30; Số tờ: 30

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Kiều Thanh
Hà Phan Minh Hiền
Trần Thị Thanh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Kiều Thanh

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Kiều Thanh
Lê Văn Hoàng

Ngày 15 tháng 1 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01627

Trang 3/1

Môn Học : Chi tiết máy (207100) - Số Tin Chì : 3

Ngày Thi : 09/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV303

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (0,5%)	Đ2 (1,0%)	Điểm thi (0,5%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	12344027	NGUYỄN THÀNH	LOI	CD12CI	1	1/6	0,6	0,5	2	3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	11169013	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	DH11GN	1	2	0,3	3,5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11138009	PHAM MINH	LÝ	DH11CD	2	1,7	4,6	3,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	10115017	ĐOÀN VĂN	MANH	DH10CB	1	2	0,7	4,3	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12344127	VÕ TÁ	MANH	CD12CI	1	0,6	1,5	2	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11169031	NGUYỄN HÀ	MI	DH11GN	1	2	1,7	4,8	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	10115024	BÙI ĐỨC QUANG	MINH	DH10CB	1	1,9	1,1	3,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	10137048	NGÔ HỮU	NGHĨA	DH10NL	1	0,8	1	0,4	2,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11169006	PHAN TRỌNG	NGHĨA	DH11GN	2	2	1,2	3,3	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	09137010	NGUYỄN ĐÌNH	NGHIỆP	DH09NL	1	1,6	0,9	4	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11154028	LÊ ANH	NGUYỄN	DH11OT	1	1,7	0,6	4	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	10169011	HỒ TRẦN THỊ MINH	NGUYỆT	DH10GN	1	1,9	1,5	5,4	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11169007	TRẦN MINH	NHUÔNG	DH11GN	1	1,1	0,5	2,8	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	10115007	NGUYỄN HÂN	NY	DH10CB	1	2	1,2	3,1	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	12344102	DƯƠNG QUỐC	PHÁP	CD12CI	1	2	0,6	2,6	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	12344105	BÙI VĂN	PHÚ	CD12CI	1	1,2	0,8	1,9	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11169008	ĐỒNG CHÂU	QUANG	DH11GN	1	2	1,8	4,3	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	10134019	HUỖNH THỊ KIM	QUÝ	DH10GB	1	2	1,7	2,8	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 3; Số tờ: 2,3

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thị Kiều Hằng
Phạm Minh Hiền
Trần Thị Thanh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Thị Kiều Hằng

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thị Kiều Hằng
Nguyễn Thị Kiều Hằng

Ngày 1 tháng 1 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01627

Trang 4/1

Môn Học : Chi tiết máy (207100) - Số Tín Chỉ : 3

Ngày Thi : 09/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV303

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (80%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	09154037	TRẦN ĐÌNH SƠN	DH09OT							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	12154236	TRINH THANH SƠN	DH12OT	1		2	0,8	4,1	6,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	10154035	HỒ THÁI ANH	DH10OT	1		0,6	1	3,8	5,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	12344191	HÀ TÂN	CD12CI	1		0,8	1	3,3	5,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	12344194	TRẦN NGUYỄN MINH	TÂN	1		1,4	1,1	4,1	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	12344175	PHẠM NGỌC	CD12CI	1		1,6	0,6	1,8	4,10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	09154041	NGUYỄN NGỌC	THẠCH	2		0,6	1,9	4,4	6,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	10154041	ĐỖ TÂN	DH10OT	1		0,3	1,1	0,3	1,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	12344116	ĐỖ VĂN	CD12CI	1		0,6	0,7	2,7	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	11154058	LÊ VĂN	DH11OT	1		2	0,9	5,3	8,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	11153037	PHAN HIỂN	DH11CD	2		2	1,9	5,8	9,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	09115048	VÕ THỊ HƯƠNG	DH09CB	1		1,9	1,3	4,1	7,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	11134010	LÊ TRÀ	DH11GB	1		2	1,1	2,9	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	09153076	TRẦN MINH	DH09CD	1		1,7	0,5	0,5	2,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	11169010	HỒ VĂN	DH11GN	1		1,8	1,1	3,1	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	10153046	LÊ VĂN	DH10CD	2		2	0,4	4	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	11153028	HUỖNH NGỌC	DH11CD	1		2	0,9	5,3	8,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	12344183	NGUYỄN VĂN	CD12CI	1		0,7	1,4	1,9	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 36; Số tờ: 87

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh
Nguyễn Minh Hiền
Trần Thị Thanh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh
Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày 15 tháng 1 năm 2014

Trang 5/1

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

Số bài: 36; Số tờ: 87
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trong số

Ngày 15 tháng 1 năm 2014

III Ngô Tấn Kiên - Trưởng
 Đoàn Thanh Niên
IV Trần Thị Thanh

12/17/2020

Ngày 1/10/2023

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 05203

Trang 1/1

Môn Học : Cơ học lý thuyết (207103) - Số Tín Chỉ : 3

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD104

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (/4%)	Đ2 (/6%)	Điểm thi (/10%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	13334001	VÕ NGOC AN	CD13CI		An	0	0	0.0	0.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13334004	LÊ QUỐC ANH	CD13CI		An	1	0	0.5	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13334005	LÊ THANH TÚ	CD13CI		anh	1	0.5	0.5	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13334010	ĐOÀN TRI AN	CD13CI		an	1	0.0	0.0	1.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13334016	TRẦN THANH BÌNH	CD13CI		binh	1	0.5	0.0	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13334018	NGUYỄN VĂN CẢNH	CD13CI		canh	1	1	0.5	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13334023	LÊ TUẤN CHIẾN	CD13CI		chuan	1	0	0.5	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13334025	VI VĂN CHUÔNG	CD13CI		chuan	1	0	0.5	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13334030	NGUYỄN THÁNH DANH	CD13CI		danh	1	0	0.5	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13334033	NGUYỄN VĂN DÂN	CD13CI		dan	1	0	0.0	1.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13334034	BÙI XUÂN DUY	CD13CI		duy	1	1	3.5	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13334037	TRẦN THANH DUY	CD13CI		duy	1	0	0.5	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13334041	NGUYỄN THÁI DƯƠNG	CD13CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13334042	NGUYỄN TRIỆU DƯƠNG	CD13CI		duy	1	0.5	0.5	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13334046	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	CD13CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13334047	TRẦN QUỐC ĐẠT	CD13CI		duy	1	1	0.5	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13334253	TRẦN TIẾN ĐẠT	CD13CI		dat	1	0.5	0.5	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13334048	NGÔ HUỖNH ĐĂNG	CD13CI		duy	1	0	0.0	1.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi, Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

(Chữ ký)
Kiến Nam Đuê

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

(Chữ ký)
Vương Đình Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

(Chữ ký)
Vương Đình Bình

Ngày tháng 02 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 05203

Trang 2/1

Môn Học : Cơ học lý thuyết (207103) - Số Tín Chỉ : 3

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD104

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (/10)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	13334049	NGUYỄN HUY ĐÔNG	CD13CI		<i>Đông</i>	1	1	0.5	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13334050	NGUYỄN TÂN ĐỨC	CD13CI		<i>Tân</i>	1	0.5	0.0	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13334051	NGUYỄN VĂN ĐỨC	CD13CI		<i>Đức</i>	1	0	0.0	1.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13334056	TRẦN ANH HẢO	CD13CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13334061	NGUYỄN THẾ HIẾN	CD13CI		<i>Thế</i>	1	1	0.5	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13334062	NGUYỄN VĂN HIẾN	CD13CI		<i>M</i>	1	0	0.5	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13334070	THÁI MINH HIỆP	CD13CI		<i>Minh</i>	1	0.5	1.0	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13334067	PHAN DUY HIỆU	CD13CI		<i>Hiệu</i>	1	0	0.5	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13334074	LUÔNG VĂN HOÀNG	CD13CI		<i>Hoàng</i>	1	1	1.0	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13334075	NGUYỄN HUY HOÀNG	CD13CI		<i>Hoàng</i>	1	1	0.5	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13334077	ĐƯỜNG KHOA HỌC	CD13CI		<i>K</i>	1	1	0.5	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	10344083	TRẦN VĂN HOC	CD10CI		<i>Trần</i>	1	0	0.5	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13334085	NGUYỄN VĂN HÙNG	CD13CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13334087	VÕ HÙNG	CD13CI		<i>Hùng</i>	1	0.5	0.5	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13334078	BIỆN NGỒ SỸ HUY	CD13CI		<i>Sỹ</i>	1	0	0.5	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13334079	ĐINH LÂM HUY	CD13CI		<i>Lâm</i>	1	1	0.0	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13334080	LÊ VĂN HUY	CD13CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13334081	NGUYỄN BÁ HUY	CD13CI		<i>Bá</i>	1	0	0.0	1.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Vũ Thị Tiên
Nguyễn Văn Đức

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Vũ Thị Tiên

Cán bộ chấm thi 1&2

Vũ Thị Tiên

Ngày tháng 02 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 05203

Trang 3/1

Môn Học : Cơ học lý thuyết (207103) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD104

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	D1 (%)	D2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	13334083	PHAN TÂN HUY	CD13CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13334090	TRẦN DUY	CD13CI		<i>Trần Duy</i>	1	0	0.5	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13334092	NGUYỄN VĂN HỮU	CD13CI		<i>Nguyễn Văn Hữu</i>	1	0	0.0	1.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13334093	ĐINH HOÀI KHA	CD13CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	13334099	TRẦN HỮU KHÁNH	CD13CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13334256	LÊ ANH KHOA	CD13CI		<i>Lê Anh Khoa</i>	1	0.5	0.0	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13334102	PHẠM TRUNG KIÊN	CD13CI		<i>Phạm Trung Kiên</i>	1	0	0.0	1.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13334105	NGUYỄN ANH SƠN LÂM	CD13CI		<i>Nguyễn Anh Sơn Lâm</i>	1	1.0	3.5	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13334116	HỒ SỸ LỰC	CD13CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13334129	PHẠM CÔNG NGHĨA	CD13CI		<i>Phạm Công Nghĩa</i>	1	1	0.0	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13334147	NGUYỄN HOÀNG THIÊN PHÚC	CD13CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13334169	NGUYỄN VĂN TÀI	CD13CI		<i>Nguyễn Văn Tài</i>	1	1	0.0	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13334170	TÔNG MINH TÀI	CD13CI		<i>Tông Minh Tài</i>	1	0	0.5	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	13334182	PHẠM VĂN THẠCH	CD13CI		<i>Phạm Văn Thạch</i>	1	1	1.0	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13334175	ĐOÀN THIÊN THANH	CD13CI		<i>Đoàn Thiên Thanh</i>	1	0	0.0	1.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	13334181	TRẦN VĂN THÀNH	CD13CI		<i>Trần Văn Thành</i>	1	0	0.5	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	13334218	TRẦN VĂN TRANG	CD13CI		<i>Trần Văn Trang</i>	1	0	1.0	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Văn Tiên
Nguyễn Văn Tiên

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Tiên

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Văn Tiên

Ngày tháng 22 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01629

Trang 1/1

Môn Học : Cơ học lý thuyết (207103) - Số Tín Chỉ : 3

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD105

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	13334104	NGÔ TẤN LÂM	CD13CI		<i>Lâm</i>	1	0.5	0.0	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13334106	NGUYỄN VĂN LÂN	CD13CI		<i>Lân</i>	0	0	0.5	0.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13334110	LÊ PHƯỚC LỘC	CD13CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13334111	TRẦN VĂN LỘC	CD13CI		<i>Lộc</i>	1	0	0.0	1.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13334113	MAI VINH LOT	CD13CI		<i>Vinh</i>	1	0	0.0	1.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13334114	NGUYỄN THÀNH LUÂN	CD13CI		<i>Luân</i>	1	0	0.0	1.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13334117	NGUYỄN CÔNG LỰC	CD13CI		<i>Long</i>	1	0	0.5	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13334119	NGUYỄN THANH LÝ	CD13CI		<i>R</i>	1	0	0.5	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13334121	CHÂU QUANG MINH	CD13CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13334124	ĐẶNG THANH NAM	CD13CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11344035	NGUYỄN KHOA NAM	CD11CI		<i>Khoa</i>	0	0	0.5	0.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13334131	VÕ KHÁNH NGUYỄN	CD13CI		<i>Khánh</i>	1	0	0.0	1.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12115006	LÊ HỒ ÁI NHÂN	DH12GN		<i>Ái Nhân</i>	1	0	0.0	1.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13334133	LÊ HỮU NHÂN	CD13CI		<i>Hữu Nhân</i>	1	1	0.5	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13334135	NGUYỄN MINH NHẬT	CD13CI		<i>Minh</i>	1	1	0.5	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13334137	NGÔ SĨ PHÁT	CD13CI		<i>Sĩ Phát</i>	1	0	0.0	1.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13334138	ĐINH VĂN PHI	CD13CI		<i>Phi</i>	1	0.5	1.0	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13334143	NGUYỄN HỒNG PHÚ	CD13CI		<i>Phú</i>	1	1	0.0	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 24; Số tờ: 24

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

N. V. Kiệp
Ngô Duy Quý

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Đình Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Đỗ Văn Hùng

Ngày tháng 02 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01629

Trang 2/1

Môn Học : Cơ học lý thuyết (207103) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD105

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (20%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	13334145	HUYNH XUÂN PHÚC	CD13CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13334152	VŨ CÔNG QUANG	CD13CI		<i>Quang</i>	1	0.5	1.0	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13334154	NGUYỄN VĂN QUÍ	CD13CI		<i>Quí</i>	1	0	0.5	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12138127	PHAN THANH QUÍ	DH12TD		<i>Quí</i>	1	0.5	0.0	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13334155	NGUYỄN TẤN QUỐC	CD13CI		<i>Quốc</i>	1	0	0.0	1.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13334159	HUYNH LÊ SANG	CD13CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13334161	ĐẶNG CHIẾU SINH	CD13CI		<i>Sinh</i>	1	0	0.5	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13334167	LAI ĐỨC TÀI	CD13CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13334168	LÊ TẤN TÀI	CD13CI		<i>Tài</i>	1	1	2.0	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13334171	TRẦN TẤN TÀI	CD13CI		<i>Tài</i>	1	0.5	0.0	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13334172	NGUYỄN MINH TÂM	CD13CI		<i>Tâm</i>	1	0	0.0	1.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12118089	BÙI TẤN TÀI	DH12CK							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	10154041	ĐỖ TẤN THÀI	DH10OT		<i>Thài</i>	0	0	0.5	0.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: *24*; Số tờ: *24*

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Văn Kiệp
Nguyễn Huy Cường

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Kiệp

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Văn Kiệp

Ngày tháng *02* năm *2016*

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01630

Trang 1/1

Môn Học : Cơ học lý thuyết (207103) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD106

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (30%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	13334179	PHAN VĂN THÀNH	CD13CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11344036	ĐỖ VĂN THẮNG	CD11CI		<i>Đỗ Văn Thắng</i>	1	0	0.0	1.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13334188	NGUYỄN NGÔ MINH THẾ	CD13CI		<i>Nguyễn Ngô Minh Thế</i>	0	0	0.0	0.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13334189	ĐẶNG TUẤN THỊ	CD13CI		<i>Đặng Tuấn Thị</i>	1	0	0.0	1.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13334193	NỮ ĐỨC THIÊN	CD13CI		<i>Nữ Đức Thiên</i>	0	0	0.0	0.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	09119038	BÙI TẤN THỊNH	DH09CC		<i>Bùi Tấn Thịnh</i>	0	0	2.0	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11134010	LÊ TRÀ THỊNH	DH11GB		<i>Lê Trà Thịnh</i>	1	0	0.0	1.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13334197	TRƯƠNG TRỌNG THỊNH	CD13CI		<i>Trương Trọng Thịnh</i>	1	1	1.0	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13334204	NGUYỄN HỒNG THUẬN	CD13CI		<i>Nguyễn Hồng Thuận</i>	1	0.5	1.0	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12344168	NGUYỄN VĂN THUẬN	CD12CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13334205	VÕ THÁI THUẬN	CD13CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13334208	NGUYỄN MẠNH TRẦN TIÊN	CD13CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13334209	PHẠM THÀNH TIÊN	CD13CI		<i>Phạm Thành Tiên</i>	1	0	0.5	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13334212	LÂM QUỐC TIÊN	CD13CI		<i>Lâm Quốc Tiên</i>	1	0	0.0	1.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13334214	TRẦN QUỐC TÍN	CD13CI		<i>Trần Quốc Tín</i>	1	0	1.0	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13334215	PHẠM MINH TOÀN	CD13CI		<i>Phạm Minh Toàn</i>	1	1.0	1.0	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13334216	PHẠM VĂN TOÀN	CD13CI		<i>Phạm Văn Toàn</i>	1	0	0.5	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10153064	HOÀNG VĂN TRANG	DH10CD		<i>Hoàng Văn Trang</i>	1	0	5.0	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 25; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trương Quang Tuấn
Trần Văn Tuấn

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Tuấn

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Văn Tuấn

Ngày tháng 02 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01630

Trang 2/1

Môn Học : Cơ học lý thuyết (207103) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD106

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (20%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	13334222	TÚ HỮU	TRÍ	CD13CI	Tú	1	0	1,5	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13334219	NGUYỄN VĂN	TRIỆU	CD13CI	Trệu	1	0	0,0	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13334226	ĐẶNG	TRUNG	CD13CI	Trung	1	0	0,0	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13334227	PHẠM THANH	TRUNG	CD13CI	Trang	1	1	0,5	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10344084	TRẦN HIẾU	TRUNG	CD10CI	Tr	1	0,5	0,5	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13334236	PHẠM MINH	TÚ	CD13CI	Tú	1	0	0,5	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13334233	NGUYỄN HOÀNG	TUẤN	CD13CI	Tr	1	0	0,0	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13334234	ĐOÀN THANH	TÙNG	CD13CI						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13334240	HỒ HOÀI	VIỆN	CD13CI						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13334244	LÊ QUANG	VINH	CD13CI	Qu	1	0	0,0	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13334249	NGUYỄN TÂN	WIN	CD13CI	Win	1	0	0,0	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13334250	LÂM VĂN HOÀI	XUÂN	CD13CI	Xu	1	0	0,0	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13334252	NGUYỄN TÂN NHƯ	Ý	CD13CI	Anh	1	0	1,0	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 25; Số tờ: 25

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Q. Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Vương Đình Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Văn Tuấn

Ngày tháng 02 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01633

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện (207109) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (40%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12154022	BÙI NGỌC AN	DH12OT		An	6	8	3,5	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12344002	HỒ VIỆT	CD12CI		Viết	7,5	10	4	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12344005	LÊ TRƯỜNG	CD12CI		Trường	5	8	3	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154181	HOÀNG LÊ ANH	DH12OT		Anh	6	10	4	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12344009	NGUYỄN NGỌC TUÂN	CD12CI		Tuân	4,5	4	1,5	1,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154034	TRẦN TUÂN ANH	DH12OT		Anh	6,5	9	5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154026	VÕ QUANG BÌNH	DH12OT		Quang	5,5	10	2,5	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154190	TRẦN VĂN CHÍNH	DH12OT		Chinh	6,5	10	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12344030	TRẦN ANH DŨNG	CD12CI		Anh	5,5	9	5,5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	09158009	TRẦN TỰ DŨNG	DH09SK		Tự	7	7	0,5	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12344012	ĐÀO CÔNG DUY	CD12CI		Duy	7,5	9	5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12344140	LƯƠNG VĂN DUY	CD12CI		Duy	8	9	5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12344028	NGUYỄN LÊ NHẬT DUY	CD12CI		Duy	5	8	1,5	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12344032	NGUYỄN TRUNG DƯƠNG	CD12CI		Dương	7,5	6	5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12344033	TRẦN ĐÀI	CD12CI		Đài	6	10	6,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12138035	PHAN TIẾN ĐẠT	DH12TD		Đạt	7,5	10	6,5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154215	BÙI ĐỨC GIANG	DH12OT		Giăng	6,5	9	5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12118111	LÊ MINH HẢI	DH12CC		Hải	6	9	5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Đặng Trung Nam
Lê Quang Trí

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Tuấn

Cán bộ chấm thi 1&2

Vương Đình Bình

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01633

Trang 2/1

Môn Học : Kỹ thuật điện (207109) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (30%)	Điểm tổng kết	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12154227	HỒ THANH HẬU	DH12OT		<i>Th.B</i>	6	9	6	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12344049	NGUYỄN PHÚC	CD12CI		<i>Đ.P</i>	5,5	6	4,5	2,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11344013	PHAN NGUYỄN PHÚC	CD11CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12115002	TRẦN THỤC KHÁNH	DH12GB		<i>Kuc</i>	6,5	10	8,5	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154229	HỒ VĂN HIẾN	DH12OT		<i>An</i>	7	10	5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12344169	LÊ MINH HÒA	CD12CI		<i>nh</i>	5,5	9	5,5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12138047	DƯƠNG VĂN HOÀN	DH12TD		<i>Hu</i>	6,5	8	6,5	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12154006	VÌ VIỆT	DH12OT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12344195	TRÌNH VĂN HON	CD12CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12344187	HỒ TRẦN HUY	CD12CI		<i>Ang</i>	5,5	10	3,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12344200	TRẦN QUỐC HUY	CD12CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12115291	VĂN NGỌC MỸ	DH12GN		<i>Stuyen</i>	5,5	10	0	2,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12115145	LÊ THỊ HƯƠNG	DH12GB		<i>Nh</i>	7	10	0,5	2,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	08118028	NGUYỄN ANH KỲ	DH08CX		<i>Xe</i>	6	10	5,5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12344067	TRÌNH CAO KỲ	CD12CI		<i>Xe</i>	6	9	6	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12344068	TRẦN VĂN LAI	CD12CI		<i>Stu</i>	5,5	7	5	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12137007	VŨ ĐÌNH LỊCH	DH12NL		<i>Lịch</i>	6,5	10	3,5	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11169012	NGUYỄN THANH LIÊM	DH11GN		<i>bu</i>	7	10	3	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Đông Trung Nam
Lê Quang Tiến

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Thy *Đ.N. Xuân*

Cán bộ chấm thi 1&2

Vương Đình Bổng

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01633

Trang 3/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện (207109) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (30%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	12115318	HỒ THÚY LINH	DH12CB		<i>[Signature]</i>	6,5	10	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11115004	TRẦN THỊ MAI	DH11CB		<i>[Signature]</i>	8	10	5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12344027	NGUYỄN THÀNH LỢI	CD12CI		<i>[Signature]</i>	6,5	10	2	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12344127	VÕ TÁ	CD12CI		<i>[Signature]</i>	3	8	2	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12138122	NGUYỄN THANH MỸ	DH12TD		<i>[Signature]</i>	5	8	6	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12115205	LÊ VĂN NGÂN	DH12GB		<i>[Signature]</i>	7,5	10	6	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	10115006	LÊ TRỌNG NGHĨA	DH10CB		<i>[Signature]</i>	7	10	5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12115005	NGUYỄN THANH NGỌC	DH12GN		<i>[Signature]</i>	6,5	10	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12154144	TRẦN XUÂN NGOC	DH12OT		<i>[Signature]</i>	5,5	10	6,5	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12154138	MAI THÁNH NHÂN	DH12OT		<i>[Signature]</i>	7	10	5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12115298	ĐẶNG QUỲNH NHƯ	DH12GN		<i>[Signature]</i>	6	10	5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11169007	TRẦN MINH NHƯỜNG	DH11GN		<i>[Signature]</i>	7	10	5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12344102	DƯƠNG QUỐC PHÁP	CD12CI		<i>[Signature]</i>	5	9	4,5	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12115271	ĐẶNG HOÀNG PHÉP	DH12CB		<i>[Signature]</i>	7	10	5,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	12344101	LÊ HỒNG PHONG	CD12CI		<i>[Signature]</i>	7,5	10	5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	12344185	NGUYỄN THANH PHONG	CD12CI		<i>[Signature]</i>	7	10	3	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	12154122	NGUYỄN XUÂN PHONG	DH12OT		<i>[Signature]</i>	7	9	7	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12115150	PHẠM CÔNG PHÚ	DH12OT		<i>[Signature]</i>	5,5	10	4,5	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature]
Lê Quang Trí

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

[Signature]

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature]

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01633

Trang 4/1

Môn Học : Kỹ thuật điện (207109) - Số Tin Chì : 2

Ngày Thi : 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (30%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	12344107	NGUYỄN LỘC PHÚC	CD12CI		<i>Phúc</i>	7,5	9	5,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	11158100	TRẦN MINH PHỤNG	DH11SK		<i>Phy</i>	5,5	10	6	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	12137036	LÊ HỮU PHƯỚC	DH12NL		<i>Phu</i>	6	9	7	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	12115153	ĐẶNG HOÀI PHƯƠNG	DH12GB		<i>Pho</i>	6,5	8	1,5	3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	11115005	PHAN VŨ MINH	DH11CB		<i>Phu</i>	8,5	10	5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	12115012	NGUYỄN THỊ KIM	DH12GB		<i>Phung</i>	8,5	10	6	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	12137035	TA NHẬT QUANG	DH12NL		<i>Quang</i>	7,5	10	2	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	09154037	TRẦN ĐÌNH SƠN	DH09OT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	12344191	HÀ TẤN TÀI	CD12CI		<i>Qui</i>	6,5	10	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	12344046	HOÀNG XUÂN TÀI	CD12CI		<i>Qui</i>	5	9	4	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	12344194	TRẦN NGUYỄN MINH TÂM	CD12CI		<i>Ng</i>	1	4	4	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	12344114	TRẦN PHẠM THANH TÂN	CD12CI		<i>Tran</i>	5	9	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	09154041	NGUYỄN NGỌC THẠCH	DH09OT		<i>Thu</i>	8	8	5,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	12154178	PHAN QUỐC THÁI	DH12OT		<i>Phu</i>	6	9	5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	12344116	ĐỖ VĂN THANH	CD12CI		<i>Thanh</i>	8,5	8	5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	12154179	TRẦN TRUNG THÀNH	DH12OT		<i>Thanh</i>	6	8	7,5	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	12137042	NGUYỄN VĂN THẮNG	DH12NL		<i>Thang</i>	6	9	6,5	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	12344128	VÕ MINH THUẬN	CD12CI		<i>W</i>	6,5	9	5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2.
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Đặng Trung Nam
Lê Quang Trí

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Tuấn

Cán bộ chấm thi 1&2

Vũ Đình Bằng

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01633

Trang 5/1

Môn Học : Kỹ thuật điện (207109) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (30%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	11158024	LÊ THỊ KIM THƯƠNG	DH11SK		<i>[Signature]</i>	6	10	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	12154193	VÕ MẠNH TÍNH	DH12OT		<i>[Signature]</i>	5,5	10	4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	12154018	NGUYỄN VĂN TRANG	DH12OT		<i>[Signature]</i>	7,5	10	5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	12344183	NGUYỄN VĂN TRÂM	CD12CI		<i>[Signature]</i>	5,5	10	2	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	12344149	HOÀNG DUY LINH	CD12CI		<i>[Signature]</i>	6	9	4,5	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	12344151	TRẦN MẠNH TƯỜNG	CD12CI		<i>[Signature]</i>	7	6	4,5	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	12137049	NGUYỄN QUỐC VINH	DH12NL		<i>[Signature]</i>	6	9	4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	12344085	HỒ TRẦN VŨ	CD12CI		<i>[Signature]</i>	5,5	9	3,5	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
81	11344058	NGUYỄN MINH VƯỢNG	CD11CI		<i>[Signature]</i>	0	0	3	2,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
82	12115128	PHẠM THỊ THANH XUÂN	DH12GN		<i>[Signature]</i>	7	10	5,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature]
[Signature]

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

[Signature]

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature]

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01634

Trang 1/1

Học Kỳ I - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện (207109) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD106

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (40%)	Điểm thi (30%)	Điểm tổng kết	Tổ đệm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đệm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12118009	TRẦN TUÂN AN	DH12CK		<i>Am</i>	6,5	9	5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12344164	ĐẶNG MINH CHÂU	CD12CI		<i>Chau</i>	6,5	10	0	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12118015	NGUYỄN HỮU CHIẾN	DH12CC		<i>Chi</i>	8	8	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12115073	NGUYỄN ĐỨC DUY	DH12GN							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10158072	LÊ THỊ MỸ DUYÊN	DH10SK		<i>Thy</i>	6,5	10	6	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12344163	VÂN VÂN DƯ	CD12CI		<i>Van</i>	6	8	2,5	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	08158034	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	DH08SK		<i>Da</i>	7	7	5,5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154069	BUI THANH ĐÀO	DH12OT		<i>Thanh</i>	8,5	10	6,5	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154205	NGÔ HỒ ĐIỆP	DH12OT		<i>Diep</i>	6,5	6	7	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154148	NGUYỄN TRIỆU ĐÌNH	DH12OT		<i>Diep</i>	6	6	0,5	2,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12137012	NGUYỄN VĂN ĐUA	DH12NL		<i>Dua</i>	6,5	10	6,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12118104	TRẦN ĐỨC GIAP	DH12CK		<i>Giap</i>	6,5	9	5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12118036	TRẦN VĂN HIỆP	DH12CK		<i>He</i>	7	10	5,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12115289	ĐỖ NGỌC HIẾU	DH12CB		<i>Hieu</i>	7	10	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154222	LÊ QUANG HÒA	DH12OT		<i>Th</i>	7	10	0,5	2,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12115018	DƯƠNG VĂN HOÀNG	DH12CB		<i>Hong</i>	6	9	3,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	09118006	VÕ BÀ HOÀNG	CD12CI		<i>Ho</i>	0	0	0,5	0,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12118113	PHAN THÁI HOC	DH12CK		<i>Hoc</i>	5,5	9	5,5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 30; Số tờ: 80

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi. Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn N.V. Kép
Nguyễn Hữu Hòa

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Kép

Cán bộ chấm thi 1&2

Vũ Đình Bình

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01634

Trang 2/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện (207109) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD106

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (40%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12153108	NGUYỄN NHẬT HỒ	DH12CD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	12118042	NGUYỄN DƯƠNG HOÀNG	DH12CC		<i>Hoàng</i>	7	9	4,5	3,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
21	12118029	NGUYỄN TẤT	DH12CK		<i>Tất</i>	5,5	10	3	4,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	12118030	NGUYỄN VIỆT	DH12CC							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	12115003	TRẦN LÊ ANH	DH12GN		<i>Anh</i>	7	10	5	5,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
24	12115077	TRẦN THỊ	DH12GB		<i>Thị</i>	7	10	4	5,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	12118109	VŨ NHƯ	DH12CC		<i>Như</i>	6,5	8	6,5	6,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	12344198	CAI TRUNG	CD12CI		<i>Trung</i>	5,5	6	5	5,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	12118100	PHAN THANH	DH12CK		<i>Thanh</i>	8	10	4	5,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	12115048	VŨ TRƯƠNG TỔ	DH12GN		<i>Tổ</i>	7	10	5	5,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
29	12115208	NGUYỄN VƯƠNG	DH12GN		<i>Vương</i>	0	0	2,5	1,7	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	10119003	NGUYỄN VĂN	DH10CC		<i>Văn</i>	6	8	8	7,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	10115017	ĐOÀN VĂN	DH10CB		<i>Văn</i>	6	6	5	5,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	12118062	VŨ THANH	DH12CC		<i>Thanh</i>	7	9	2	3,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	12118063	LÊ MINH	DH12CC		<i>Minh</i>	5,5	9	5,5	5,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

Số bài: 30; Số tờ: 10

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

N.V. Kiệp
Ngô Xuân Hòa

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Kiệp

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Đình Bằng

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01635

Trang 1/1

Môn Học : Kỹ thuật điện (207109) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD201

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (40%)	Điểm thi (20%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12115157	THÁI THỊ KIM NGÂN	DH12GN		<i>[Signature]</i>	7	7	5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12118064	NGUYỄN THÁI NGỌC	DH12CK		<i>[Signature]</i>	6	10	4,5	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12115144	MAI THỊ THẢO NGUYỄN	DH12GN		<i>[Signature]</i>	5,5	8	5,5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12115251	THÁI THỊ THANH NHÂN	DH12GN		<i>[Signature]</i>	6	9	3,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12115151	PHẠM HOÀNG YẾN	DH12GN		<i>[Signature]</i>	5,5	8	6,5	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11154012	NGUYỄN THANH PHONG	DH11OT		<i>[Signature]</i>	8	10	5,5	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12137054	BÙI VĂN PHÚC	DH12NL		<i>[Signature]</i>	6	9	5,5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11134012	HUỶNH NGỌC PHƯƠNG	DH11GB		<i>[Signature]</i>	8	10	2	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12115024	NGUYỄN TRẦN ĐĂNG QUANG	DH12CB		<i>[Signature]</i>	8	9	6	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	08158135	DƯƠNG THỊ KIỀU QUANH	DH08SK		<i>[Signature]</i>	6	6	4	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12118075	LƯƠNG QUỐC QUÂN	DH12CC		<i>[Signature]</i>	7	10	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12118080	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG QUÝ	DH12CC		<i>[Signature]</i>	6	10	5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12118022	ĐINH CÔNG SƠN	DH12CK		<i>[Signature]</i>	5,5	9	2,5	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154173	LÊ VĂN SƠN	DH12OT		<i>[Signature]</i>	7	10	6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12118115	NGUYỄN NGỌC TÀI	DH12CK		<i>[Signature]</i>	6	8	0	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12115026	HOÀNG VĂN TAM	DH12CB		<i>[Signature]</i>	8	8	7,5	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12118023	THÂN THIÊN TÂN	DH12CC		<i>[Signature]</i>	5,5	10	5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12115256	TRẦN VIỆT TÂN	DH12GN		<i>[Signature]</i>	6,5	10	3,5	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 24; Số tờ: 24

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature]
[Signature]

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

[Signature]

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature]

Ngày tháng năm

Trang 2/1

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 1

Số bài: 24; Số tờ: 24
Lưu ý: D1, D2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, D1, D2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trong số

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01636

Trang 1/1

Môn Học : Kỹ thuật điện (207109) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD202

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (40%)	Điểm thi (80%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12115031	LÊ VĂN THỊ	DH12GB		<i>[Signature]</i>	8	8	5,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	08158158	ĐỖ CÔNG SỸ	DH08SK		<i>[Signature]</i>	6	6	0	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12344168	NGUYỄN VĂN THUẬN	CD12CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12115196	TRẦN THỊ MINH THƯ	DH12GB		<i>[Signature]</i>	8	8	8,5	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12118097	LONG QUỐC TIẾN	DH12CK		<i>[Signature]</i>	5,5	9	5,5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12115033	PHAN MINH TIẾN	DH12GN		<i>[Signature]</i>	5,5	9	7	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12118095	DƯƠNG CÔNG TRACH	DH12CK		<i>[Signature]</i>	5,5	10	4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12115156	TRẦN THỊ THÙY TRANG	DH12CB		<i>[Signature]</i>	7	9	5,5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12115217	NGÔ THỊ BÍCH TRÂM	DH12GN		<i>[Signature]</i>	8	10	4,5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12115213	PHẠM THỊ BÍCH TRÂM	DH12GB		<i>[Signature]</i>	7	8	7,5	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12115178	TRẦN HOÀNG PHƯƠNG TRÂM	DH12GN		<i>[Signature]</i>	6	10	5,5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12115107	TRẦN NGỌC TRÂM	DH12GB		<i>[Signature]</i>	6,5	10	7	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12118006	NGUYỄN VĂN TRỌNG	DH12CK		<i>[Signature]</i>	6	8	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12137003	LÊ THÀNH TRUNG	DH12NL		<i>[Signature]</i>	5,5	8	2,5	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12115162	PHẠM TRÍ TRUNG	DH12GN		<i>[Signature]</i>	7,5	10	4	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11344059	TRẦN QUANG TRƯỜNG	CD11CI		<i>[Signature]</i>	6	10	5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12118055	NGUYỄN TRUNG TUẤN	DH12CK		<i>[Signature]</i>	6,5	9	4	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154065	ĐINH LÊ HOÀNG TUẤN	DH12OT		<i>[Signature]</i>	6	9	4,5	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature] N.H. Đặng
[Signature] Kiên V. Trúc

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

[Signature] Trần Quốc

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature] Vương Đình Bửu

Ngày tháng năm

Trang 2/1

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 003 - Đợt 1

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Tổng N. H. Đảng
Hội Khoa V. Học

Thyphlo on gum

Viết lại thành BẢNG

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01637

Trang 1/1

Học Kỳ I - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện (207109) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD103

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (50%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11344002	NGUYỄN THANH AN	CD11CI	1	<i>[Signature]</i>	7	10	6,5	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154127	HỒ BẢO ANH	DH12OT	4	<i>[Signature]</i>	6,5	9	6,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12138009	NGÔ HOÀNG ANH	DH12TD		<i>[Signature]</i>	6,5	10	6	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12138011	NGÔ NHẬT ANH	DH12TD		<i>[Signature]</i>	7,5	10	7	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12138017	TRẦN ĐỨC BẢO	DH12TD		<i>[Signature]</i>	8	10	4,5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12138115	BÙI VĂN BẢO	DH12TD		<i>[Signature]</i>	7,5	10	5,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10154075	LÊ VĂN CHIẾN	DH10OT		<i>[Signature]</i>	7	10	8	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12138001	NGUYỄN TRƯỜNG CHÍNH	DH12TD		<i>[Signature]</i>	6,5	8	5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12115315	LÊ THỊ DUNG	DH12GN		<i>[Signature]</i>	7	10	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12115234	NGUYỄN ANH DŨNG	DH12GN		<i>[Signature]</i>	6,5	9	7,5	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12138002	LÊ ĐỨC DUY	DH12TD		<i>[Signature]</i>	5,5	10	7,5	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154060	NGUYỄN THÁI DUY	DH12OT		<i>[Signature]</i>	6	9	5,5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154075	NGUYỄN TẤT ĐẠT	DH12OT		<i>[Signature]</i>	6	7	4,5	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12344036	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	CD12CI		<i>[Signature]</i>	7,5	10	5,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12138068	LÊ HOÀNG ĐÚ	DH12TD		<i>[Signature]</i>	7	9	6,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12115046	HUỲNH KIM HẢI	DH12CB		<i>[Signature]</i>	9,5	9	6	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12138060	NGUYỄN VĂN HẢI	DH12TD		<i>[Signature]</i>	7,5	5	4,5	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12115287	TRẦN THỊ THU HẢI	DH12CB		<i>[Signature]</i>	6	9	5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature]
[Signature]

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

[Signature]
[Signature]

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature]
[Signature]

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01637

Trang 2/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện (207109) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD103

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (40%)	Điểm thi (30%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12138117	NGUYỄN VĂN HẢO	DH12TD		<i>nguyễn văn hảo</i>	8	10	5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12115242	PHẠM THỊ THÚY	DH12GB		<i>phạm thị thúy</i>	6	10	4,5	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11344021	NGUYỄN THỊ HOA	CD11CI		<i>nguyễn thị hoa</i>	6	10	4,5	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154005	LÊ TÂN	DH12OT		<i>le tan</i>	7,5	10	5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12138049	NGUYỄN TRỌNG	DH12TD		<i>nguyễn trọng</i>	6,5	9	6,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12115019	PHẠM QUỐC	DH12GN		<i>phạm quốc</i>	7	10	6,5	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11134004	VÒNG BẢO	DH11GB		<i>vòng bảo</i>	7	9	4,5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10119018	NGUYỄN MINH	DH10CC		<i>nguyễn minh</i>	6	10	5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12138003	NGUYỄN HUY	DH12TD		<i>nguyễn huy</i>	7,5	8	7	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12154110	TRẦN DUY	DH12OT		<i>trần duy</i>	6,5	9	7,5	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12115004	TRƯƠNG THỊ	DH12GN		<i>trương thị</i>	5,5	9	8,5	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12138055	HUỖNH TẤN	DH12TD		<i>huỳnh tấn</i>	7,5	10	7,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12115207	TRẦN HÀ	DH12CB		<i>trần hà</i>	9	9	4,5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12138071	TRẦN VŨ NAM	DH12TD		<i>trần vũ nam</i>	7,5	9	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12138058	NGUYỄN XUÂN	DH12TD		<i>nguyễn xuân</i>	8,5	10	5,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12154015	NGUYỄN THIÊN	DH12OT		<i>nguyễn thiên</i>	7	7	5,5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12138121	LÊ PHÚC	DH12TD		<i>le phuc</i>	6	10	5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 35; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Văn Xương
Nguyễn Văn Xương

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Xương
Nguyễn Văn Xương

Cán bộ chấm thi 1&2

Vương Đình Bông
Vương Đình Bông

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01638

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện (207109) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD104

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (30%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12154016	NGUYỄN DUY KHÁNH	DH12OT		<i>[Signature]</i>	7	10	6,5	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12137028	NGUYỄN VĂN KHOA	DH12NL		<i>[Signature]</i>	5	10	5,5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12138126	NGUYỄN DUY KHƯƠNG	DH12TD		<i>[Signature]</i>	7,5	10	4,5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12138062	TĂNG VÕ LÂM	DH12TD		<i>[Signature]</i>	8	10	5,5	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12137032	PHẠM PHÚ LÂN	DH12NL		<i>[Signature]</i>	5	10	4	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12115202	PHẠM THỊ THU LINH	DH12GN		<i>[Signature]</i>	7,5	10	5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10169029	TRẦN PHAN THỊ THÙY	DH10GN		<i>[Signature]</i>	7	8	1	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12138118	DƯƠNG HỒNG LĨNH	DH12TD		<i>[Signature]</i>	7	10	5,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10134011	NGUYỄN PHÚC LONG	DH10GB		<i>[Signature]</i>	7	7	1	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12138072	DƯƠNG VĂN LỘC	DH12TD		<i>[Signature]</i>	7	10	7,5	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154128	ĐOÀN XUÂN LỘC	DH12OT		<i>[Signature]</i>	5,5	9	4,5	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12138069	NGUYỄN BÁ LỘC	DH12TD		<i>[Signature]</i>	8	10	3,5	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12115084	TRẦN THỊ LỢI	DH12CB		<i>[Signature]</i>	7,5	9	3	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12115250	NGUYỄN THÀNH LUÂN	DH12GN		<i>[Signature]</i>	7,5	10	5,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154240	NGUYỄN THANH LƯƠNG	DH12OT		<i>[Signature]</i>	7,5	9	5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12115136	HỒ THỊ MỸ LÝ	DH12GN		<i>[Signature]</i>	7	10	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12138075	NGUYỄN HUY MINH	DH12TD		<i>[Signature]</i>	8	10	5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12138123	NGUYỄN TÂN NGHIÊM	DH12TD		<i>[Signature]</i>	7,5	9	6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 32; Số tờ: 3

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature]
[Signature]

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

[Signature]

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature]

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01638

Trang 2/1

Môn Học : Kỹ thuật điện (207109) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD104

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (40%)	Điểm thi (20%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12138131	LÊ QUANG NGOC	DH12TD		<i>[Signature]</i>	7	10	6,5	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12115089	LÊ THI NGUYET	DH12GN		<i>[Signature]</i>	6,5	10	6,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12138044	PHAM PHUC	DH12TD		<i>[Signature]</i>	6,5	8	4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12115006	LÊ HỒ AI	DH12GN		<i>[Signature]</i>	5	8	0	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12138054	NGUYEN HUU	DH12TD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12154147	PHAM HUYNH DAT	DH12OT		<i>[Signature]</i>	5,5	5	4,5	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12138059	HUYNH TAN	DH12TD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12154152	NGUYEN TAN	DH12OT		<i>[Signature]</i>	8,5	10	4,5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12115007	NGUYEN DAI	DH12GN		<i>[Signature]</i>	7	10	7,5	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12154191	NGUYEN HOANG	DH12OT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11115013	TRAN DINH	DH11CB		<i>[Signature]</i>	6,5	8	2	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12118079	VU HONG	DH12CK		<i>[Signature]</i>	7	10	7,5	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12115302	BUI NGUYEN NHU	DH12GN		<i>[Signature]</i>	6,5	10	3,5	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12138090	NGUYEN NGOC	DH12TD		<i>[Signature]</i>	6,5	10	6,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12115203	THAN THI MONG	DH12CB		<i>[Signature]</i>	7	10	5,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12115164	NGO THI THANH	DH12GN		<i>[Signature]</i>	6	10	5,5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12138067	NGUY THANH	DH12TD		<i>[Signature]</i>	6,5	10	4	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:; Số tờ:3

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature]
[Signature]

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

[Signature]

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature]

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01639

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện (207109) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD105

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (40%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08118015	LƯƠNG HOÀNG THÁI	DH08CK			9	9	7	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12115257	TRẦN THỊ LAN	DH12CB			7,5	8	6	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154180	NGUYỄN VĂN THÀNH	DH12OT			6	9	1,5	3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12138041	LÊ TRONG THẾ	DH12TD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10158083	NGUYỄN VĂN THẾ	DH10SK			6	9	5,5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154234	NGUYỄN NGỌC THÍCH	DH12OT			7	9	7	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154186	LÊ QUÝ THIỆU	DH12OT			7,5	10	5,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	09119038	BÙI TẤN THỊNH	DH09CC			5,5	9	7	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12115054	TRẦN QUỐC THỊNH	DH12CB			5,5	9	7,5	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12115212	PHẠM THỊ HỒNG THU	DH12CB			7,5	10	7	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12115009	BÙI THỊ CẨM TIỀN	DH12GB			7,5	10	5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154192	TRẦN VĂN TIỀN	DH12OT			6	10	8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12115056	TRẦN HỮU TÍNH	DH12CB			6,5	9	7	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12115176	NGUYỄN HOÀI THIÊN TRANG	DH12CB			7,5	9	7	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12115262	NGUYỄN THỊ TRANG	DH12CB			7	10	5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154201	NGUYỄN THANH TRỌNG	DH12OT			5,5	8	2	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12344137	LÊ HIẾU TRUNG	CD12CI			7,5	10	2	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12138130	PHẠM VIỆT TRUNG	DH12TD			6,5	10	4,5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 50 Số tờ: 80

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01639

Trang 2/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện (207109) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD105

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số lời	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (30%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12138134	VÕ ĐÌNH TRƯỞNG	DH12TD			8	10	2	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12344144	LOAN THANH TUÂN	CD12CI			6,5	9	6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12138104	PHẠM VĂN TUÂN	DH12TD			6	9	5,5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12118099	TA QUANG TUÂN	DH12CC			6,5	10	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12115182	NGUYỄN THỊ HỒNG	DH12GN			6	10	5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12138087	TRƯƠNG THỊ TUYẾT	DH12TD			6,5	10	4	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12115190	ĐẶNG NGỌC TỰ	DH12GN			6,5	9	4	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12138083	BUI MINH VI	DH12TD			6,5	10	5,5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12149092	HOÀNG VĂN VIẾT	DH12TD			7,5	10	5,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12138006	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	DH12TD			5,5	10	6,5	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12118103	TÔNG THANH VINH	DH12CC			6,5	8	4,5	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12138135	PHẠM VĂN VŨ	DH12TD			9	10	5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12118106	PHẠM VĨNH VŨ	DH12CC			6,5	7	1	2,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 30; Số tờ: 30

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01641

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện tử (207110) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 15/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi TV301

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11154001	TRẦN THẾ AN	DH11OT		<i>[Signature]</i>	8	9	1	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10344093	NGUYỄN MINH AN	CD10CI		<i>[Signature]</i>	9	5	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10137061	NGUYỄN NGỌC BÁCH	DH10NL		<i>[Signature]</i>	7	5	1	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12153029	CHÂU THÁI BẢO	DH12CD		<i>[Signature]</i>	8	5	1	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11158076	NGUYỄN THỊ CHÂU	DH11SK		<i>[Signature]</i>	6	0	2	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11154024	LÊ PHÚC CƯỜNG	DH11OT		<i>[Signature]</i>	8	8	7	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	09153043	NGUYỄN TÂN CƯỜNG	DH09CD		<i>[Signature]</i>	9	0	3	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	09153003	ĐÀO KHẮC DIỄN	DH09CD		<i>[Signature]</i>	9	0	5	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10153003	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	DH10CD		<i>[Signature]</i>	8	9	4	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	08158034	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	DH08SK		<i>[Signature]</i>	0	0	0	0,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153059	HỒ ANH ĐỒNG	DH12CD		<i>[Signature]</i>	8	9	4	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12153062	NGUYỄN VĂN ĐỨC	DH12CD		<i>[Signature]</i>	9	8	5	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10154008	HÀ XUÂN ĐƯƠNG	DH10OT		<i>[Signature]</i>	0	5	4	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	09154015	NGUYỄN MINH HẢI	DH09OT		<i>[Signature]</i>	9	9	10	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11154051	TRỊNH XUÂN HÀNH	DH11OT		<i>[Signature]</i>	9	0	3	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12138014	ĐOÀN TRỌNG HIẾU	DH12TD		<i>[Signature]</i>	7	9	0	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11154033	NGUYỄN VĂN HÓA	DH11OT		<i>[Signature]</i>	9	6	2	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10344082	NGUYỄN HỮU HOÀNG	CD10CI		<i>[Signature]</i>	7	6	2	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 7; Số tờ: 57

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature]
Nguyễn Khoa Khoa
Phạm Minh Hiếu

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

[Signature]
Nguyễn Xuân Dương

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature]
Trần Thị Kim Ngân
Đào Duy Việt

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01641

Trang 2/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện tử (207110) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 15/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi TV301

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09118006	VÕ BÀ HOÀNG	CD12CI			0	0	0	0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12153175	LƯU GIA HUÂN	DH12CD			8	6	2	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10134013	NGUYỄN HƯNG	DH10GB							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11119007	NGUYỄN PHƯỚC HƯNG	DH11CC			8	3	4	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11119005	ĐOÀN THỊ HƯƠNG	DH11CC			9	7	4	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11154057	NGÔ TRÍ HỮU	DH11OT			6	5	4	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11154042	NGÔ HOÀNG LUÂN	DH11OT			9	5	3	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10134021	NGUYỄN THỊ MAI	DH10GB			9	9	2	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11154045	CHU ĐỨC MINH	DH11OT			8	9	3	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	09158048	TRẦN ĐỨC NHON	DH09SK			9	3	2	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	08153034	LÊ HỒNG PHONG	DH08CD			6	9	4	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12153120	MAI TUÂN PHONG	DH12CD			8	5	6	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11154012	NGUYỄN THANH PHONG	DH11OT			7	5	4	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12137054	BUI VĂN PHÚC	DH12NL			7	9	4	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	10344019	TRẦN HỮU PHƯỚC	CD10CI			9	8	5	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12153125	ĐỖ BÀ QUANG	DH12CD			6	5	1	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	08158135	DƯƠNG THỊ KIỀU QUANH	DH08SK			9	0	2	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11154014	NGUYỄN NGỌC QUÝ	DH11OT			9	5	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 57; Số tờ: 59

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01641

Trang 3/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện tử (207110) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 15/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi TV301

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11154013	NGÔ VĂN QUYẾT	DH11OT		<i>Quyết</i>	9	8	5	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11344065	PHẠM QUỐC SINH	CD11CI		<i>Sinh</i>	9	5	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11154049	NGUYỄN HOÀNG SƠN	DH11OT		<i>Sơn</i>	0	7	0	1,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	10158035	HỒ NGỌC TÀI	DH10SK		<i>Tài</i>	9	7	4	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11154025	TRẦN NHẬT TÂN	DH11OT		<i>Tân</i>	8	0	0	1,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12153104	PHẠM VĂN TÂY	DH12CD		<i>Tây</i>	8	8	0	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	08118015	LƯƠNG HOÀNG THAI	DH08CK							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	09118016	ĐÀO NHẬT THÀNH	DH09CK							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	09154095	TRẦN HUY THÀNH	DH09OT		<i>Thành</i>	6	7	1	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	10134009	NGUYỄN HOÀNG THẮNG	DH10GB		<i>Thắng</i>	7	8	4	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12153143	PHẠM QUỐC THẮNG	DH12CD		<i>Thắng</i>	9	5	1	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11154048	BUI MINH THIÊN	DH11OT		<i>Thiên</i>	7	8	4	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11154019	TRƯƠNG HỮU THIÊN	DH11OT		<i>Thiên</i>	8	9	6	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	09153076	TRẦN MINH THOẠI	DH09CD		<i>Thoại</i>	9	9	3	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	08158158	ĐỖ CÔNG SỸ THOẢNG	DH08SK		<i>Thoảng</i>	7	0	0	1,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11344049	LÂM HÒA THUẬN	CD11CI		<i>Thuận</i>	9	6	2	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	10153045	VÕ HUỖNH THUẬN	DH10CD		<i>Thuận</i>	5	6	4	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	11158039	NGUYỄN THỊ THUY TIẾN	DH11SK		<i>Thị Tiến</i>	6	3	1	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 57 Số tờ: 57

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Khoa Khoa
Phạm Minh Hiền

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Kel
Nguyễn Văn Dũng

Cán bộ chấm thi 1&2

Trần Thị Kim Nga
Đào Duy Vũ

Ngày tháng năm

Trang 4/1

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

Số bài: 17; Số tờ: 17
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi, Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trong số

Ngày tháng năm

Lưu Hoàng Khoa 
Phạm Minh Hải 

Hàng Thủ Duyệt

Trans The Karmage The
Date By US

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01648

Trang 1/1

Môn Học : Nguyên lý máy (207111) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV219

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (30%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12154223	LÊ CÔNG TUẤN ANH	DH12OT	1		1	1.0	0.5	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153027	LÊ ĐỨC ANH	DH12CD	1		1	1.0	2,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12153025	TRẦN PHẠM TUẤN ANH	DH12CD		V					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12118016	LÝ PHAN BÌNH	DH12CC	1		0.5	1.0	1,0	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12138025	PHẠM THANH BÌNH	DH12TD	2		1	1.0	3,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154047	NGUYỄN TRUNG CHIÊN	DH12OT	1		0	0.0	0,0	0.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12344022	NGUYỄN HOÀNG CÔNG	CD12CI	1		1	0.5	0,5	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12153003	LAI VĂN CƯỜNG	DH12CD	1		1	1.0	2,3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12344023	HÀ VĂN CƯỜNG	CD12CI	1		1	0.5	0,5	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153041	NGUYỄN CHÍ CƯỜNG	DH12CD	1		1	1.0	2,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153043	HỒ THÀNH DANH	DH12CD	1		0.5	0.5	0,0	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12344059	DƯƠNG QUỐC DUY	CD12CI		V					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154059	NGUYỄN HOÀNG DUY	DH12OT	1		0.5	1.0	0,5	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	08137010	TRƯƠNG BÀ DUY	CD11CI		V					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12344163	VĂN VĂN DUY	CD12CI	1		1	1.0	2,8	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153053	DƯƠNG NGỌC ĐA	DH12CD	1		1	0.5	2,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11153018	ĐINH PHÚC ĐA	DH11CD	1		1	1.0	2,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154069	BÙI THÀNH ĐÁO	DH12OT	1		1	1.0	4,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 26 Số tờ: 28

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 02 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01648

Trang 2/1

Môn Học : Nguyên lý máy (207111) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV219

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	D1 (0%)	D2 (2%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12137012	NGUYỄN VĂN ĐUA	DH12NL	2	<i>Đua</i>	1	2.0	4.5	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12341040	TRẦN VIỆT ĐỨC	CD12CI	1	<i>Đức</i>	1	0.5	1.0	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12138060	NGUYỄN VĂN HẢI	DH12TD	1	<i>Hải</i>	0.5	0	1.0	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154112	NGUYỄN CÔNG HẬU	DH12OT	1	<i>Hậu</i>	0.5	0.0	2.0	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12138014	ĐOÀN TRỌNG HIẾU	DH12TD	1	<i>Hieu</i>	0.5	1.0	2.5	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12154104	ĐẶNG NGỌC HÒA	DH12OT	1	<i>Hoa</i>	1	1.0	2.5	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12153174	NGUYỄN KHẮC HÒA	DH12CD	1	<i>Hoa</i>	1	0.5	3.0	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12154082	NGUYỄN THANH HÒA	DH12OT	1	<i>Thang</i>	1	1.0	0.5	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12153080	NGUYỄN VĂN HÒA	DH12CD	1	<i>Hoa</i>	0.5	0.0	0.0	0.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12118038	NGUYỄN XUÂN HÒA	DH12CK	1	<i>Hu</i>	1	0.5	0.5	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12153037	NGUYỄN AN HOÀI	DH12CD	1	<i>Hao</i>	1	0.0	1.5	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 26; Số tờ: 28

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Minh Hiền

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Thị Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thị Bình

Ngày tháng 02 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01649

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nguyên lý máy (207111) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV223

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (T/N)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12138049	NGUYỄN TRONG HOÀN	DH12TD		<i>Hoàn</i>	1	1.0	3,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154074	NGUYỄN PHƯỚC HOÀNG	DH12OT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12153108	NGUYỄN NHẬT HỒ	DH12CD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10344063	VÕ THỊ HÓN	CD10CI		<i>Thi</i>	1	1.5	1,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153175	LƯU GIA HUÂN	DH12CD		<i>Xuân</i>	1	4.0	1,5	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12138042	HOÀNG PHI HÙNG	DH12TD		<i>Phi</i>	1	1.0	3,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12138003	NGUYỄN HUY HÙNG	DH12TD		<i>Thi</i>	1	0.5	3,0	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12138053	VŨ QUANG HÙNG	DH12TD		<i>Hùng</i>	1	1.0	3,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154086	HUYỀN MINH HUY	DH12OT		<i>Minh</i>	1	1.0	2,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12118030	NGUYỄN VIỆT HUY	DH12CC							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153105	QUÁCH TRỌNG HUY	DH12CD		<i>Trọng</i>	0.5	0.5	0.0	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12137023	LƯU ĐÌNH HƯNG	DH12NL		<i>Đình</i>	1	1.0	2,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153046	VŨ QUANG HƯNG	DH12CD		<i>Hùng</i>	1	1.0	3,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12138056	PHẠM NGỌC KHA	DH12TD		<i>Kha</i>	1	1.0	0,5	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11153019	LÊ HOÀNG KHẢI	DH11CD		<i>Khải</i>	1	0.5	0,5	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154066	TRẦN CÔNG KHANG	DH12OT		<i>Khong</i>	1	0.5	3,0	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11344026	QUẢNG ĐẠI KHÂM	CD11CI		<i>Khâm</i>	0.5	0.5	0,5	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10153019	NÔNG VĂN KHIÊM	DH10CD		<i>Khiem</i>	1	0.5	0,5	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần & Tuấn
Nguyễn Kiều Hạnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Đình Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Văn Tiến

Ngày tháng 02 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01649

Trang 2/1

Môn Học : Nguyên lý máy (207111) - Số Tin Chì: 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV223

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tổ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (Điểm)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12153074	TRẦN TRỌNG	KHIÊM	DH12CD	<i>Trần Trọng</i>	1	1.0	2.3	4.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12153090	NGUYỄN MINH	KHOẢNH	DH12CD	<i>Nguyễn Minh</i>	1	1.0	2.3	4.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12153092	NGUYỄN ANH	KIỆT	DH12CD	<i>Nguyễn Anh</i>	1	0.5	2.5	4.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12153095	VŨ VĂN	LÂM	DH12CD						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10154019	NGUYỄN KỲ	LÂN	DH10OT	<i>Nguyễn Kỳ</i>	1	1.0	3.5	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12137007	VŨ ĐÌNH	LỊCH	DH12NL	<i>Vũ Đình</i>	1	1.0	3.0	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11169012	NGUYỄN THANH	LIÊM	DH11GN	<i>Nguyễn Thanh</i>	0	0.0	0.5	0.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12137019	PHAN VĂN	LINH	DH12NL	<i>Phan Văn</i>	1	0.5	1.0	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12118046	NGUYỄN	LONG	DH12CC	<i>Nguyễn</i>	0.5	0.5	1.0	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12118058	NGUYỄN TÂN	LỘC	DH12CC	<i>Nguyễn Tân</i>	1	1.0	2.5	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11154060	ĐOÀN THẾ	LUÂN	DH11OT	<i>Đoàn Thế</i>	1	0.5	1.5	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12153197	TÔ THÁI	MINH	DH12CD	<i>Tô Thái</i>	1	1.0	0.0	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12153106	BÙI VIỆT	NAM	DH12CD	<i>Bùi Việt</i>	1	0.5	4.5	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	08118013	NGÔ VĂN	NGHĨA	DH08CK	<i>Ngô Văn</i>	0	0.0	0.0	0.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11154041	VŨ ĐÌNH	NHINH	DH11OT	<i>Vũ Đình</i>	1	1.0	3.0	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12153119	ĐỖ THÀNH	PHÁT	DH12CD	<i>Đỗ Thành</i>	1	1.0	3.5	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12344155	NGUYỄN VĂN	PHÊ	CD12CI	<i>Nguyễn Văn</i>	1	0.5	1.0	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12344101	LÊ HỒNG	PHONG	CD12CI	<i>Le Hong</i>	1	1.0	1.0	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Kiều Hạnh
Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Văn Bình

Ngày tháng 02 năm 2014

Trang 3/1

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

Số bài..... Số tờ.....
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi, Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Ngày tháng 02 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01650

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nguyên lý máy (207111) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV225

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12137035	TA NHẬT QUANG	DH12NL		<i>Quang</i>	1	1.0	3.5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10134019	HUỖNH THỊ KIM QUỲ	DH10GB		<i>Kim</i>	1	1.0	0.5	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154008	NGUYỄN CHỨC QUYÊN	DH12OT		<i>Quyên</i>	1	0.5	0.5	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12153130	ĐỖ VĂN SANG	DH12CD		<i>Sang</i>	1	1.0	0.5	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12118022	ĐINH CÔNG SƠN	DH12CK		<i>Sơn</i>	1	1.0	1.0	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12137038	VÔ DUY SƠN	DH12NL							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153181	ĐẶNG QUỐC SỸ	DH12CD		<i>Sỹ</i>	0.5	0.5	0.5	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11154043	TRẦN ĐỨC TÀI	DH11OT		<i>Tài</i>	0.5	0.0	0.5	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12115027	BÙI VĂN TÂM	DH12CB		<i>Tâm</i>	1	1.0	0.5	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12344197	NGUYỄN THANH TÂM	CD12CI		<i>Thanh</i>	1	0.0	0.5	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153133	NGUYỄN THANH TÂN	DH12CD		<i>Tân</i>	0.5	0.5	3.0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12118090	NGUYỄN HỮU TÂN	DH12CK							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153081	TRẦN ĐẶNG THÔNG THÁI	DH12CD		<i>Thái</i>	1	0.5	4.0	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12118092	NGUYỄN CHÍ THANH	DH12CK		<i>Thanh</i>	1	0.5	0.0	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153012	LÂM MINH THẮNG	DH12CD		<i>Thắng</i>	1	1.0	4.5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153144	LƯU THẾ THẮNG	DH12CD		<i>Thế</i>	1	0.0	0.5	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12153016	VÕ CAO THẮNG	DH12CD		<i>Thắng</i>	1	1.0	1.0	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12138041	LÊ TRỌNG THẾ	DH12TD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 44; Số tờ: 47

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Văn Việt
Nguyễn Văn Hùng

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Hùng

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Văn Hùng

Ngày tháng 02 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01650

Trang 2/1

Môn Học : Nguyên lý máy (207111) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV225

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (Đ1+Đ2)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12115215	NGUYỄN XUÂN THẾ	DH12GN		<i>Xuân Thế</i>	1	4.0	0.0	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12344111	VÕ TẤN THIÊN	CD12CI		<i>Thiên</i>	1	0.5	0.5	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12153146	NGUYỄN LÝ THỜI	DH12CD		<i>Lý Thời</i>	1	0.0	0.5	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12344192	NGUYỄN VĂN THỜI	CD12CI		<i>Văn Thời</i>	1	0.5	0.5	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154177	NGUYỄN THÀNH THUẬN	DH12OT		<i>Thành Thuận</i>	1	0.5	1.0	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12137053	NGUYỄN VIỆT TRIỀU	DH12NL							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12344134	ĐÀO MINH TÌNH	CD12CI		<i>Minh Tình</i>	1	1.0	1.5	3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11118009	NGUYỄN THÁI TÌNH	DH11CD		<i>Thái Tình</i>	1	1.0	4.5	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11153010	NGUYỄN QUỐC TOÀN	DH11CD		<i>Quốc Toàn</i>	1	1.0	5.5	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11154031	NGUYỄN CHỈ TRAI	DH11OT		<i>Chỉ Trai</i>	1	1.5	3.0	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12154201	NGUYỄN THANH TRONG	DH12OT		<i>Thanh Trong</i>	1	0.5	1.0	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12153199	ĐẶNG NHƯ TRUNG	DH12CD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12137003	LÊ THÀNH TRUNG	DH12NL		<i>Thành Trung</i>	0.5	0.0	0.5	1.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	10137072	NGUYỄN THÀNH TRUNG	DH10NL		<i>Thành Trung</i>	0	0.0	0.0	0.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12154043	DƯƠNG NHẬT TRƯỜNG	DH12OT		<i>Nhật Trường</i>	1	0.0	0.5	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12138103	PHẠM VĂN TRƯỜNG	DH12TD		<i>Văn Trường</i>	1	1.0	0.5	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12154124	TRƯƠNG THANH TRƯỜNG	DH12OT		<i>Thanh Trường</i>	0.5	0.5	0.5	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12153014	CAO MINH TÚ	DH12CD		<i>Minh Tú</i>	1	1.0	4.0	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 4.6; Số tờ: 1.5

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi, Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trưởng N.V. Kiệp
Nguyễn Hoàng Khương

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Thị Ngọc

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thị Ngọc

Ngày tháng 02 năm 2016

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01650

Trang 3/1

Môn Học : Nguyên lý máy (207111) - Số Tin Chì : 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV225

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	12153192	NGÔ QUANG TUẤN	DH12CD		<i>Quang</i>	1	1.0	0.0	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11115015	TRẦN QUANG TUẤN	DH11CB		<i>Quang</i>	1	0.5	0.0	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12154158	NGUYỄN VŨ VĂN	DH12OT		<i>Vũ Văn</i>	1	1.0	4.5	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	10153051	NGUYỄN TRỌNG	DH10CD		<i>Trọng</i>	1	1.5	0.5	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12153193	LÊ VĂN	DH12CD		<i>Lê Văn</i>	0	0.0	1.0	1.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12153165	NGUYỄN THANH	DH12CD		<i>Thanh</i>	1	0.5	0.0	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12153160	PHẠM VĂN	DH12CD		<i>Phạm Văn</i>	1	0.5	0.5	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12153162	HOÀNG TRỌNG	DH12CD		<i>Hoàng Trọng</i>	0.5	0.0	0.0	0.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12118105	NGUYỄN THANH	DH12CC		<i>Thanh</i>	1	0.5	1.5	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12138007	VÕ QUỐC	DH12TD		<i>Quốc</i>	1	1.0	2.0	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11138011	HUỖNH MINH	DH11CD		<i>Minh</i>	1	0.5	1.0	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12138135	PHẠM VĂN	DH12TD		<i>Phạm Văn</i>	0.5	0.5	2.0	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12153126	TRƯƠNG QUANG	DH12CD		<i>Quang</i>	1	1.0	3.5	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 44; Số tờ: 47

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Văn Kiệp
Nguyễn Văn Khoa

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Khoa

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Văn Khoa

Ngày tháng 02 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01657

Trang 1/1

Môn Học : Nguyên lý máy (207111) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi CT305

Nhóm Thi : Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (16%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (4%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12138012	LÊ TUẤN ANH	DH12TD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12138027	LƯƠNG THẾ ANH	DH12TD		<i>HL</i>	1	0.0	0.0	1.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12138009	NGÔ HOÀNG ANH	DH12TD		<i>HL</i>	1	0.5	1.5	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11344001	NGUYỄN VIỆT ANH	CD11CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12115279	HUỖNH VĂN CAO	DH12CB							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10118016	ĐÀNG HOÀNG DIỆU	DH10CK		<i>HL</i>	1	1.0	4.0	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153042	NGÔ ANH DŨNG	DH12CD		<i>HL</i>	1	1.0	5.5	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12138032	NGUYỄN QUỐC DŨNG	DH12TD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12138035	PHAN TIẾN ĐẠT	DH12TD		<i>HL</i>	1	1.0	2.0	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12344043	LƯƠNG QUỐC DŨNG	CD12CI		<i>HL</i>	1	0.0	0.5	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153059	HỒ ANH ĐÔNG	DH12CD		<i>HL</i>	1	0.5	2.5	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12344143	HỒ VĂN HẠ	CD12CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12138018	NGUYỄN VIỆT HẢO	DH12TD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11154006	ĐOÀN MINH HIẾU	DH11OT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12138047	DƯƠNG VĂN HOAN	DH12TD		<i>HL</i>	1	0.5	0.5	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12138121	LÊ PHÚC KHANH	DH12TD		<i>HL</i>	1	1.0	3.5	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	09138033	NGUYỄN MINH KHÔNG	DH09TD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12138118	DƯƠNG HỒNG LĨNH	DH12TD		<i>Linh</i>	1	1.0	2.5	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thị Hoàng
Nữ học Xích

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Thị Hoàng

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thị Hoàng

Ngày tháng năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01657

Trang 2/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nguyên lý máy (207111) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi CT305

Nhóm Thi : Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (30%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12138044	PHAM PHÚC NHA	DH12TD			1	0.5	1.5	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12138054	NGUYỄN HỮU NHÂN	DH12TD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12138125	NGUYỄN THANH NHÂN	DH12TD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12138059	HUỖNH TẤN PHÁT	DH12TD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11154012	NGUYỄN THANH PHONG	DH11OT			1	1.0	4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12153093	HỒ VINH PHU	DH12CD			1	0.5	1,5	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12153125	ĐỖ BÀ QUANG	DH12CD			1	1.0	2,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12138127	PHAN THANH QUÍ	DH12TD			1	0.5	0,5	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11344067	NGUYỄN TẤN TÀI	CD11CI			1	0.0	0,0	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12138067	NGUYỄN THANH TÂM	DH12TD			0.5	0.5	1,5	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12344194	TRẦN NGUYỄN MINH TÂM	CD12CI			1	0.0	1,0	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11154019	TRƯƠNG HỮU THIÊN	DH11OT			1	1.0	5,0	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12154187	NGUYỄN QUỐC THỊNH	DH12OT			1	0.0	0,5	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12154197	TRẦN NGỌC TOÀN	DH12OT			1	0.5	1,5	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12344181	VĂN ĐỨC TOÀN	CD12CI			1	0.5	0,0	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12344139	NGUYỄN BÀ TRUNG	CD12CI			1	0.5	3,0	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12344148	TRẦN MINH TÚ	CD12CI			1	1.0	4,0	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12138132	LÊ ĐẮC TUẤN	DH12TD			1	0.5	1,0	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 02 năm 2016

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01657

Trang 3/1

Môn Học : Nguyên lý máy (207111) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi CT305

Nhóm Thi : Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	12138104	PHAM VĂN TUÂN	DH12TD		<i>Pham Van Tuan</i>	4	1.0	3.0	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12138107	VŨ MINH TUẾ	DH12TD		<i>Tuoi</i>	0.5	1.0	0.5	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12138109	ĐẶNG KHÁNH TÙNG	DH12TD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	08137009	NGUYỄN THANH TÙNG	DH08NL							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12118101	NGUYỄN THANH TÙNG	DH12CC		<i>Nguyen Thanh Tung</i>	1	0.0	2.0	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12344149	HOÀNG DUY LINH	CD12CI		<i>Hoang Duy Linh</i>	1	1.0	1.0	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	10154053	NGUYỄN LƯƠNG TUYẾN	DH10OT		<i>Nguyen Luong Tuyen</i>	4	0.5	1.5	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12118117	NGUYỄN HUỖNH TÚ	DH12CC		<i>Nguyen Huynh Tu</i>	1	1.0	2.0	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12149092	HOÀNG VĂN VIẾT	DH12TD		<i>Viêt</i>	1	1.0	2.0	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	09119040	NGUYỄN HÙNG VINH	DH09CC		<i>Vinh</i>	0	0.0	1.5	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12115134	NGUYỄN QUANG VINH	DH12CB		<i>Quang Vinh</i>	1	1.0	0.5	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	09118020	NGUYỄN VĂN VŨ	DH09CK		<i>Vũ</i>	1	0.5	3.0	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12118106	PHAM VINH VŨ	DH12CC		<i>Vũ</i>	1	0.0	1.5	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Hải Thanh
Vũ Văn Xích

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Vũ Văn Xích

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Văn Xích

Ngày

tháng 02 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01659

Trang 1/1

Môn Học : Nguyên lý máy (207111) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD305

Nhóm Thi : Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (gộp)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12344030	TRẦN ANH DŨNG	CD12CI			1	0.5	1.0	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12344028	NGUYỄN LÊ NHẬT DUY	CD12CI			1	0.8	0.5	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154094	ĐẶNG HẢI MINH	DH12OT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12344036	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	CD12CI			1	0.0	1.5	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12344049	NGUYỄN PHÚC HẬU	CD12CI			0	0	0.0	0.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154092	NGUYỄN ĐỨC HIỂN	DH12OT			1	0.5	2.5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154229	HỒ VĂN HIỂN	DH12OT			1	1.5	3.0	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154123	VÕ THANH HÙNG	DH12OT			1	0.8	0.5	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154107	HỒ CÔNG HUY	DH12OT			1	0.5	0.5	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154087	MÃ NHẬT HUY	DH12OT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154117	NGUYỄN DUY KHANH	DH12OT			0	0	0.0	0,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12344094	HUỖNH DUY KHÁNH	CD12CI			1	1.0	2,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154118	NGUYỄN BÌNH KHÁNH	DH12OT			1	1.5	2.5	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154237	NGUYỄN CHÁNH LÂN	DH12OT			1	0.5	1.5	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12344048	NHỮ VĂN LINH	CD12CI			1	1.0	2,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10153070	NGUYỄN DUY LONG	DH10CD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12344080	NGUYỄN THÁNH LỢI	CD12CI			1	1.0	0.5	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154239	NGUYỄN VĂN LUÂN	DH12OT			0	0.5	0.5	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi. Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 02 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01659

Trang 2/1

Môn Học : Nguyên lý máy (207111) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD305

Nhóm Thi : Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (30%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12344118	NGUYỄN NGỌC NGUYỄN	CD12CI			1	0.5	0.5	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154146	PHAN TRỌNG NHÂM	DH12OT			0.5	0.0	0.0	0,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12344105	BÙI VĂN PHÚ	CD12CI			1	0.5	1,5	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154247	NGUYỄN CHÁNH QUANG	DH12OT			1	1.0	3,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154191	NGUYỄN HOÀNG QUÍ	DH12OT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12154235	NGUYỄN ĐÌNH QUỲ	DH12OT			1	0.5	1,5	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12154174	LÊ TRẦN MINH TÂM	DH12OT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12154238	PHAN VĂN TÂM	DH12OT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12344113	VŨ THIÊN TÂM	CD12CI			1	1.0	2,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12154246	NGUYỄN THÀNH TÂN	DH12OT			1	1.0	2,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12344175	PHAM NGỌC TÂN	CD12CI			1	0.5	0.5	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12154185	NGUYỄN VĂN THIÊN	DH12OT			1	1.0	3,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12154261	NGUYỄN QUỐC TRONG	DH12OT			0	0.0	0.5	0,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12154111	MAI BẢO TRUNG	DH12OT			0.5	0.5	0.5	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12154129	NGUYỄN QUỐC TUẤN	DH12OT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12344153	TRẦN ĐÌNH TƯỜNG	CD12CI			1	0.5	1,5	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 02 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01662

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sức bền vật liệu (207113) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 11/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV335

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11169001	HÀN NHỊ QUỐC AN	DH11GN		An	1	5	1	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12118009	TRẦN TUÂN	DH12CK		Am	8	6	3	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11169002	ĐỖ VĂN ANH	DH11GN		as	1	6	1	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11344022	NGUYỄN HOÀNG	CD11CI		Ng	6	2	1	2,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10344082	NGUYỄN HỮU	CD10CI		Am	8	6	3	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	09118006	VÕ BÁ	CD12CI		ba	1	0	1	0,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	09115018	HÀU ĐỨC	DH09CB		huat	6	6	1	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11169026	NGUYỄN THỊ	DH11GN		thi	9	8	5	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11118010	SENG ALOUN	DH11CC		am	9	6	1	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11169014	ĐOÀN MAI MINH	DH11GN		ma	9	6	5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10169029	TRẦN PHAN THỊ THÙY	DH10GN		thi	2	6	1	2,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11154042	NGÔ HOÀNG	DH11OT		ho	9	6	1	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153179	ĐINH QUANG	DH12CD		Quang	4	6	5	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11169031	NGUYỄN HÀ	DH11GN		ha	9	3	4	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11169005	TRƯƠNG NGỌC	DH11GN		ng	9	7	2	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12118063	LÊ MINH	DH12CC		le	7	6	5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	08118013	NGÔ VĂN NGHĨA	DH08CK		cho	2	6	1	2,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11169006	PHAN TRỌNG	DH11GN		tr	7	4	5	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 35; Số tờ: 35

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Lê Quang Đức
Nguyễn Thị Phương Thảo

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Đình Bổng

Cán bộ chấm thi 1&2

Đỗ Hữu Toàn

Ngày 15 tháng 1 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01662

Trang 2/1

Môn Học : Sức bền vật liệu (207113) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 11/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV335

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	D1 (20%)	D2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11154046	NGUYỄN TRỌNG NHƠN	DH11OT			9	6	1	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11169023	ĐOÀN THỊ KIM	DH11GN			9	4	5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12115150	PHẠM CÔNG PHÚ	DH12OT			9	5	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154020	HUỖNH THANH PHÙNG	DH12OT			8	6	1	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11115013	TRẦN ĐÌNH QUÍ	DH11CB			5	6	1	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12138090	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	DH12TD			9	8	3	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11344065	PHẠM QUỐC SINH	CD11CI			6	3	1	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	09154090	NGUYỄN MINH TÂM	DH09OT			5	6	7	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12118090	NGUYỄN HỮU TÂN	DH12CX			1	0	1	0,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12153173	ĐOÀN LÝ THUYẾT	DH12CD			7	6	1	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11154062	NGUYỄN MINH TIỀN	DH11OT			9	6	5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12138103	PHẠM VĂN TRƯỜNG	DH12TD			9	6	5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	10153051	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	DH10CD			4	6	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	09119040	NGUYỄN HÙNG VINH	DH09CC			2	3	5	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12137049	NGUYỄN QUỐC VINH	DH12NL			9	6	2	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	10138053	NGUYỄN VĂN VƯƠNG	DH10TD			1	0	5	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	08138017	NGUYỄN VĂN VƯƠNG	DH08TD			2	6	5	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 35 Số tờ: 35

Lưu ý: D1, D2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ

Điểm thi, D1, D2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Quang Trí
Nguyễn Thị P. Thảo

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Hoàng Đình Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Đỗ Hữu Toàn

Ngày 15 tháng 1 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01664

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sức bền vật liệu (207113) - Số Tín Chỉ : 3

Ngày Thi : 11/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV319

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12154022	BÙI NGỌC AN	DH12OT			2	3	5	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154127	HỒ BẢO ANH	DH12OT			2	8	6	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154034	TRẦN TUẤN ANH	DH12OT			2	6	5	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154037	TRẦN THIÊN ẮN	DH12OT			2	8	7	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154030	LÊ QUỐC BẢO	DH12OT			5	6	5	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12344193	NGUYỄN HẢI CHÍ	CD12CI			1	4	1	1,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154047	NGUYỄN TRUNG CHIẾN	DH12OT			0	1	1	0,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12153172	NGUYỄN CƯỜNG	DH12CD			6	8	2	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154062	ĐỖ VĂN DUY	DH12OT			2	9	7	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11153001	NGUYỄN ĐỨC DUY	DH11CD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11153018	ĐINH PHÚC ĐAI	DH11CD			6	9	2	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154205	NGÔ HỒ ĐIỆP	DH12OT			6	9	8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12344040	TRẦN VIỆT ĐỨC	CD12CI			5	6	5	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154085	LÊ ĐÌNH TRƯỜNG GIANG	DH12OT			0	1	3	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154004	HỒ ĐỨC HANH	DH12OT			6	8	6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154226	KIỀU VĂN HÂN	DH12OT			6	8	6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154229	HỒ VĂN HIỀN	DH12OT			5	9	6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11154056	NGUYỄN TÂM HỌC	DH11OT			8	9	3	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Phương Thuần
Trần Trung Nam

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Vương Đình Bang

Cán bộ chấm thi 1&2

Đỗ Hữu Tôn

Ngày 15 tháng 1 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01665

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sức bền vật liệu (207113) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 11/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV333

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tổ đệm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đệm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12154123	VÕ THANH HÙNG	DH12OT		<i>Thanh</i>	2	5	1	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153082	PHAM NGOC ĐĂNG	DH12CD		<i>Ngoc</i>	1	8	1	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12153176	ĐOÀN TỔ HỮU	DH12CD		<i>Huu</i>	5	9	9	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154119	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	DH12OT		<i>Khoa</i>	6	8	2	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12344158	NGÔ VŨ LINH	CD12CI		<i>Linh</i>	4	7	1	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10134011	NGUYỄN PHÚC LONG	DH10GB		<i>Long</i>	4	4	1	2,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154259	TRẦN KIM LỘC	DH12OT		<i>Kim</i>	5	7	5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10134024	VY NAM PHƯƠNG	DH10GB		<i>Nam</i>	4	9	5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154164	TRẦN XUÂN QUANG	DH12OT		<i>Xuan</i>	6	6	1	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154191	NGUYỄN HOÀNG QUÍ	DH12OT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154238	PHAN VĂN TÂM	DH12OT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12118089	BÙI TÂN	DH12CK							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153146	NGUYỄN LÝ THỜI	DH12CD		<i>Thoi</i>	6	8	1	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12344168	NGUYỄN VĂN THUẬN	CD12CI		<i>Thuan</i>	4	4	1	2,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11153010	NGUYỄN QUỐC TOÀN	DH11CD		<i>Toan</i>	5	9	3	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154198	NGUYỄN VĂN TOÀN	DH12OT		<i>Toan</i>	2	8	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154199	NGUYỄN THANH TÔNG	DH12OT		<i>Tong</i>	2	6	1	2,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154201	NGUYỄN THANH TRỌNG	DH12OT		<i>Trong</i>	2	6	1	2,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thanh Tuấn
Nguyễn Thanh Tuấn

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Vũ Đình Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Đỗ Hữu Tuấn

Ngày 15 tháng 1 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01665

Trang 2/1

Môn Học : Sức bền vật liệu (207113) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 11/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV333

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12154111	MAI BẢO TRUNG	DH12OT			2	1	3	2,4	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	12154154	KIM THANH TUÂN	DH12OT							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
21	12154129	NGUYỄN QUỐC TUÂN	DH12OT							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	12344052	PHẠM CHÍ TUÂN	CD12CI			5	7	1	3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	12118101	NGUYỄN THANH TÙNG	DH12CC			2	2	1	1,4	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

Môn Học : Thực tập gia công - 02-207114

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12154030	LÊ QUỐC BẢO	DH12OT			3,7	3,8		7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12344059	DƯƠNG QUỐC DUY	CD12CI			3,5	4,1		7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12344163	VĂN VĂN DƯ	CD12CI			3,8	3,9		7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12138035	PHAN TIẾN ĐẠT	DH12TD			4,7	4,3		9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11344024	ĐÌNH VĂN HẢI	CD11CI			3,6	3,9		7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10344083	TRẦN VĂN HỌC	CD10CI			4,1	4		8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154142	NGUYỄN DOãn LỘC	DH12OT			3,8	3,9		7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154239	NGUYỄN VĂN LUẬN	DH12OT			3,2	3,8		7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154240	NGUYỄN THANH LƯƠNG	DH12OT			3,4	3,9		7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12138075	NGUYỄN HUY MINH	DH12TD			3,5	4,3		7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10344028	NGUYỄN VĂN NGHĨA	CD10CI			4,2	3,9		8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12344103	PHẠM VĂN PHÁT	CD12CI			4,3	3,6		7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154090	TRẦN HỮU PHƯƠNG	DH12OT			3,1	4,3		7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154206	PHẠM HÙNG QUYỀN	DH12OT			3,8	4,3		8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	09154037	TRẦN ĐÌNH SƠN	DH09OT			4	0		4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12344124	LƯƠNG ĐỨC THÔNG	CD12CI			3,4	3,8		7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154192	TRẦN VĂN TIẾN	DH12OT			3,6	4,3		7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12344181	VĂN ĐỨC TOÀN	CD12CI			4,2	4		8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2,

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 3 tháng 1 năm 14

(Chữ ký)

(Chữ ký)

Hoc Kỳ 1 - Năm Học 13-14

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

Số bài..... Số tờ.....
 Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
 Điểm thi. Điểm thi cuối kỳ.
 Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và
 đã nhân trong số

Cán bộ coi thi 18.2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Cán bộ chấm thi 18/2

Ngày 3 tháng 1 năm 14

is up there too

24[✓] T. Q. T. Long

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập gia công - 03-207114

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11154007	ĐẶNG MINH HOÀNG	DH11OT			4,7	3,1		7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11137004	BÙI MANH HÙNG	DH11CC			4,9	4,2		9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10154067	DƯƠNG HOÀNG HUY	DH10OT			4,8	4,3		9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11154057	NGÔ TRÍ HỮU	DH11OT			4,7	3,9		8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11118010	SENG ALOUN KASEUTH	DH11CC			4,9	4,0		8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11137006	TRẦN VĂN KHANH	DH11CC			4,9	4,4		9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11154045	CHU ĐỨC MINH	DH11OT			4,7	3,9		8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154147	PHẠM HUỲNH ĐẠT	DH12OT			4,8	4,3		9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11154025	TRẦN NHẬT TÂN	DH11OT			4,9	3,7		8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11154058	LÊ VĂN THÀNH	DH11OT			4,7	3,9		8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10137029	NGUYỄN TĂNG THÁNH	DH10NL			3,8	3,6		7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10154042	LÂM QUANG THIÊN	DH10OT			4,8	4,2		9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11154053	HUỲNH THANH TÙNG	DH11OT			4,7	3,7		8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	09137051	NGUYỄN TRẦN HỮU VỊNH	CD10CI			4,8	3,6		8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11118003	LÝ QUANG VƯƠNG	DH11CC			4,9	4,2		9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2.

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 3 tháng 1 năm 14

(Chữ ký)

(Chữ ký)
T. Q. Trương

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập gia công - 04-207114

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số lời	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12154223	LÊ CÔNG TUẤN ANH	DH12OT			4,8	3,7		8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11154002	NGUYỄN TUẤN ANH	DH11OT			4,3	3,3		7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12344006	TRẦN LÊ ANH	CD12CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154052	NGUYỄN QUỐC CÔNG	DH12OT			4,8	4,3		9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11154024	LÊ PHÚC CƯỜNG	DH11OT			4,3	4,3		8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11119006	TRẦN VŨ NGÂN	GIANG			4,8	4,3		9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12344143	HỒ VĂN HA	CD12CI			4,8	4,1		8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154092	NGUYỄN ĐỨC HIỀN	DH12OT			4,8	3,0		8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10153070	NGUYỄN DUY LONG	DH10CD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11154060	ĐOÀN THẾ LUÂN	DH11OT			4,8	4,1		8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10137008	NGUYỄN THÀNH PHÂN	DH10NL			4,8	4,1		8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11154034	ĐINH QUỐC TRUNG	DH11OT			4,3	4		8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10137072	NGUYỄN THÀNH TRUNG	DH10NL			3,9	3,7		7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154065	ĐINH LÊ HOÀNG TUẤN	DH12OT			4,8	4,2		9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154208	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	DH12OT			4,8	4,2		9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số lời:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 3 tháng 4 năm 14

(Signature)

(Signature)
T. Q. Tường

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập gia công - 05-207114

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11154051	TRINH XUÂN HẠNH	DH11OT			4,4	3,8	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11154033	NGUYỄN VĂN HÒA	DH11OT			3,6	4,2	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12344078	TRẦN ĐỨC LONG	CD12CI			3,6	3,4	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11154042	NGÔ HOÀNG LUÂN	DH11OT			3,3	3,9	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11344063	TRIỀU CÁ MÜN	CD11CI			3,6	3,9	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11154046	NGUYỄN TRỌNG NHON	DH11OT			4,4	3,8	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11154049	NGUYỄN HOÀNG SƠN	DH11OT			3,6	3,6	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11154059	LÊ XUẤT THÂN	DH11OT			4,2	4,1	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11154019	TRƯƠNG HỮU THIÊN	DH11OT			3,9	3,6	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12344128	VÕ MINH THUẬN	CD12CI			3,7	3,9	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12344069	TRẦN QUỐC THƯƠNG	CD12CI						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11154031	NGUYỄN CHÍ TRAI	DH11OT			3,9	4,1	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11154052	PHAN THANH TRUNG	DH11OT			4,2	3,8	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11154061	NGUYỄN ANH TUÂN	DH11OT			3,7	4,2	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12344085	HỒ TRẦN VŨ	CD12CI			3,4	3,6	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
									V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
									V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
									V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....
 Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2,
 Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
 Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
 đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 3 tháng 1 năm 14

Nguyễn Văn Kiệp

Nguyễn Văn Kiệp
T. O. Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thúc tập gia công - 06-207114

CBGD: Nguyễn Duy Quý (320)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11154001	TRẦN THẾ AN	DH11OT			4,3	4,8		9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12344032	NGUYỄN TRÚNG	CD12CI			4,2	4,8		9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12344036	NGUYỄN THÀNH	CD12CI			4,1	4,8		8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12344083	PHAN VĂN ĐÔNG	CD12CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11154056	NGUYỄN TÂM	DH11OT			3,2	4,8		8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11154063	TRẦN HOÀNG	DH11OT			3,6	4,8		8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11154038	NGUYỄN CAO VINH	DH11OT			4	4,8		8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12137005	NGÔ VĂN MINH	DH12NL			3,5	4,3		7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12344172	TRINH HỮU NGHĨA	CD12CI			2,6	3,8		6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11154041	VŨ ĐÌNH NHINH	DH11OT			3,9	4,3		8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12344102	DƯƠNG QUỐC PHÁP	CD12CI			4,1	4,8		8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11154012	NGUYỄN THANH PHONG	DH11OT			3,4	4		7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11154043	TRẦN ĐỨC TÀI	DH11OT			3,2	4,3		7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10154088	LÊ VĂN TUẤN	DH10OT			4,3	4,8		9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	06119033	TRẦN THẾ VĂN	DH08CK							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2.

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 5 tháng 1 năm 14

(Chữ ký)

(Chữ ký) N.V. Kiệp
T. Q. Tường

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : AutoCAD - 01-207117

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (25%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (50%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10344093	NGUYỄN MINH AN	CD10CI		<i>Minh</i>	0,7	1,8	2,3	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10344047	TRẦN ĐỨC	CD10CI		<i>Minh</i>	0,8	1,8	2,0	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	08137010	TRƯƠNG BÁ DUY	CD11CI						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11344024	ĐINH VĂN HẢI	CD11CI						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12344164	ĐẶNG MINH CHÂU	CD12CI		<i>Châu</i>	1,0	2,2	3,8	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12344059	DƯƠNG QUỐC DUY	CD12CI						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12344140	LƯƠNG VĂN DUY	CD12CI		<i>Duy</i>	0,2	1,8	1,0	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12344187	HỒ TRẦN HUY	CD12CI		<i>Huy</i>	0	1,8	0,3	2,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12344084	NGUYỄN NHƯ LUÂN	CD12CI		<i>Như</i>	0	0,9	2,8	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12344082	LÊ VĂN LUYẾN	CD12CI		<i>Luyến</i>	0,7	2,1	2,5	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12344186	HIỂN DUY PHÁT	CD12CI						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12344103	PHẠM VĂN PHÁT	CD12CI		<i>Phát</i>	0	2,1	2,0	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12344046	HOÀNG XUÂN TÀI	CD12CI						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12344116	ĐỖ VĂN THANH	CD12CI						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	08118023	MAI NHẬT HUY	DH08CK		<i>Minh</i>	1,4	2,1	1,5	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	07132086	TRẦN CÔNG TẤN	DH08SK						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	09118016	ĐÀO NHẬT THÀNH	DH09CK						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	09158022	THẠCH THỊ HUỖNH	DH09SK		<i>Thạch</i>	0,7	2,5	3,5	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Ngô Minh Hải N.H. Đăng
Thạch Lê Văn Tuấn

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Huy

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngô Minh Hải N.H. Đăng
Thạch Lê Văn Tuấn

Ngày 20 tháng 1 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : AutoCAD - 01-207117

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (40%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (50%)	Điểm tổng kết	Tổ đệm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đệm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10154029	NGUYỄN VŨ AN	NINH	DH10OT		0,1	1,5	2,3	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10154034	NGUYỄN PHƯỚC	SON	DH10OT		1,5	1,5	3,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10154038	NGUYỄN HOÀNG	THÀNH	DH10OT		0,7	1,5	2,3	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10154040	HUỖNH	THẢO	DH10OT		0,3	1,5	2,0	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10154050	HUỖNH CÔNG	TRÍ	DH10OT		1,0	1,5	4,0	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10158002	LÊ QUANG GIA	BẢO	DH10SK		1,8	2,7	4,0	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10158077	NGUYỄN THỊ TRÚC	LIÊN	DH10SK		1,6	2,7	5,0	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10158055	LƯƠNG THỊ QUỲNH	PHƯƠNG	DH10SK		2,0	2,7	4,0	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10158046	QUÁCH CAO	QUÝ	DH10SK		1,2	1,8	3,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10158035	HỒ NGỌC	TÀI	DH10SK		1,3	2,7	3,5	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10158047	LƯU THỊ MINH	TÂM	DH10SK		1,6	2,7	3,5	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	10158037	ĐỒNG NGỌC	THUẬN	DH10SK		1,0	2,7	3,2	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	10158039	HOÀNG VĂN	THÚY	DH10SK		1,6	2,7	3,5	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	10158040	TIỀN QUỐC	TÍN	DH10SK		1,7	2,7	3,5	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	10158069	ĐẶNG CẨM	TÚ	DH10SK		1,8	2,7	3,5	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11154055	CHÂU NGỌC	HIỆP	DH11OT		0,8	0,9	2,3	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11154046	NGUYỄN TRỌNG	NHƠN	DH11OT					✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11154013	NGÔ VĂN	QUYẾT	DH11OT		1,1	2,7	3,8	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ;

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Văn Tuấn

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Hải Đăng

Cán bộ chấm thi 1&2

Lê Văn Tuấn

Ngày 20 tháng 1 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : AutoCAD - 01-207117

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số lô	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (50%)	Điểm tổng kết	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11154058	LÊ VĂN THÀNH	DH11OT		<i>Thạch</i>	0,7	0,9	2,0	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11154034	ĐÌNH QUỐC	DH11OT		<i>Quốc</i>	1,2	0,9	3,5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11154052	PHAN THANH	DH11OT		<i>Thanh</i>	1,2	0,9	2,5	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11158076	NGUYỄN THI CHÂU	DH11SK		<i>Châu</i>	1,0	2,7	3,8	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11158051	HUỖNH THỊ BÍCH	DH11SK		<i>Bích</i>	1,2	2,7	3,0	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11158069	NGUYỄN LÊ HOÀI	DH11SK		<i>Hoài</i>	0,7	2,7	3,5	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11158089	LÊ MINH HOÀNG	DH11SK		<i>Minh</i>	1,0	2,7	3,3	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11158042	VÕ MINH KHA	DH11SK		<i>Kha</i>	0,3	2,7	3,3	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11158041	THÔNG MINH KHANG	DH11SK		<i>Thông</i>	1,1	2,7	3,3	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11158079	NGUYỄN MINH KHƯƠNG	DH11SK		<i>Khương</i>	1,4	2,8	4,8	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11158087	ĐẶNG THỊ ÁNH	DH11SK		<i>Ánh</i>	1,3	2,7	3,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11158073	CAO THỊ LÊ MAI	DH11SK		<i>Mai</i>	0,5	2,7	3,3	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11158071	NGUYỄN MẬU HOÀNG	DH11SK		<i>Mậu</i>	1,3	2,7	3,3	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11158024	LÊ THỊ KIM THƯƠNG	DH11SK		<i>Kim</i>	0,7	2,7	3,3	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11158027	PHẠM LÊ KIM TÙNG	DH11SK		<i>Kim</i>	1,5	2,7	3,8	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11158028	PHẠM NGỌC VẪNG	DH11SK		<i>Ngọc</i>	1,3	2,7	3,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	12153082	PHẠM NGỌC ĐĂNG	DH12CD		<i>Đặng</i>	0,6	2,1	1,5	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12118019	HỒ TẤN DUY	DH12CK		<i>Duy</i>	0,2	1,8	2,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Typhu N.H. Đăng
Thạch Lê Văn Tuấn

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Phu Ngọc Huy

Cán bộ chấm thi 1&2

Typhu N.H. Đăng
Thạch Lê Văn Tuấn

Ngày 20 tháng 1 năm 2014

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

Số bài.....; Số tờ.....
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2,
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trong số

Cán bộ coi thi 18/2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Cán bộ chấm thi 182

Ngày 20 tháng 1 năm 2074

Trần N. H. Đăng
Khu vực Lê Văn Thuần

(Quản lý môn học)

Tên họ N.H. Đăng
Số báo Lê Văn Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01667

Trang 1/1

Môn Học : Vật liệu phi kim loại (207120) - Số Tin Chỉ : 2

Ngày Thi : 08/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD403

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (30%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (50%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12118015	NGUYỄN HỮU CHIẾN	DH12CC		<i>[Signature]</i>	2,3	1,4	3,1	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11118004	NGUYỄN MỘNG ĐẠT	DH11CC		<i>[Signature]</i>	2,8	1,2	3,3	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12118002	BÙI VĂN HẢI	DH12CC		<i>[Signature]</i>	1,8	1,3	2,9	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11137004	BÙI MANH	DH11CC		<i>[Signature]</i>	2,4	1,5	3,0	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11118001	ĐÀO THANH HUY	DH11CC		<i>[Signature]</i>	1,8	1,5	3,2	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12118042	NGUYỄN DƯƠNG HOÀNG	DH12CC		<i>[Signature]</i>	2,8	1,4	2,8	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11119007	NGUYỄN PHƯỚC HƯNG	DH11CC		<i>[Signature]</i>	2,3	1,1	2,4	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11119005	ĐOÀN THỊ HƯƠNG	DH11CC		<i>[Signature]</i>	2,8	1,5	3,8	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11137006	TRẦN VĂN KHANH	DH11CC		<i>[Signature]</i>	2,4	1,3	2,3	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11119001	NGUYỄN NGỌC LÂM	DH11CC		<i>[Signature]</i>	2,3	1,6	2,9	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12118008	LƯƠNG HỮU MINH	DH12CC		<i>[Signature]</i>	2,0	1,3	2,4	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10119027	VÕ TRỌNG NGHĨA	DH10CC		<i>[Signature]</i>	1,6	0,9	1,7	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12118114	TÔ NGỌC QUANG	DH12CC		<i>[Signature]</i>	2,3	1,3	2,4	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11119010	KIỀU VĂN THÁI	DH11CC		<i>[Signature]</i>	2,3	1,5	3,0	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11118006	PHẠM TÂN THÀNH	DH11CC		<i>[Signature]</i>	2,0	1,5	2,7	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11118007	LÊ SỸ THỊNH	DH11CC		<i>[Signature]</i>	2,4	1,0	2,3	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11118005	MAO THANH THUẬN	DH11CC		<i>[Signature]</i>	2,3	1,6	2,9	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12118097	LONG QUỐC TIÊN	DH12CC		<i>[Signature]</i>	2,0	1,5	2,5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:..... Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature]
[Signature]

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)

[Signature]
[Signature]

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature]

Ngày 14 tháng 1 năm 2014

Trang 2/1

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

Ngày 14 tháng 1 năm 2017

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01675

Trang 1/6

Môn Học : Vẽ cơ khí (207122) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 12/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi RD103

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số lời	Chữ ký SV	Đ1 (2%)	Đ2 (2%)	Điểm thi (6%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12344006	TRẦN LÊ ANH	CD12CI			0	0	V		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153140	VÕ VĂN QUỐC	DH12CD			1	0	2,5	3,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09153043	NGUYỄN TÂN	DH09CD			0	0	V		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12153004	TRẦN VĂN ĐẠT	DH12CD			1	1	5	7,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12118002	BÙI VĂN HẢI	DH12CC			1	0,5	3,5	5,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12115289	ĐỖ NGỌC HIẾU	DH12CB			0,5	0,5	V		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153174	NGUYỄN KHẮC HÒA	DH12CD			0,5	0,5	4	5,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12118038	NGUYỄN XUÂN HÒA	DH12CK			0,5	0	V		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12153084	NGUYỄN HOÀNG HUY	DH12CD			0,5	0,5	2,5	3,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12118029	NGUYỄN TẤT HUY	DH12CK			0,5	0,5	2,5	3,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153082	PHẠM NGỌC ĐĂNG	DH12CD			0,5	0,5	4	5,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12153177	TRẦN QUỐC KHANH	DH12CD			0,5	0	2,5	3,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12118021	BÙI XUÂN LÂM	DH12CC			0	0	V		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10153070	NGUYỄN DUY LONG	DH10CD			0	0	V		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153191	NGUYỄN GIA NGHĨA	DH12CD			1	0,5	2,5	4,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153114	NGUYỄN HOÀI NHÃN	DH12CD			0,5	0,5	3,5	4,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12153120	MAI TUẤN PHONG	DH12CD			1	0,5	2,5	4,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12118114	TÔ NGỌC QUANG	DH12CC			0,5	0,5	0	1,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2.

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 20 tháng 1 năm 2014

(Chữ ký)

(Chữ ký)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01675

Trang 2/6

Môn Học : Vẽ cơ khí (207122) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 12/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi RD103

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12153070	VÕ HIỀN QUÂN	DH12CD			1,5	0,5	4	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10134019	HUỖNH THỊ KIM	DH10GB			0	0	4	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12118115	NGUYỄN NGỌC TÀI	DH12CK			0,5	0,5	5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12153131	NGUYỄN NGỌC TÀI	DH12CD			0,5	0	4,5	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12118092	NGUYỄN CHÍ THANH	DH12CK			0,5	0,5	2,5	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12115258	NGÔ KIM THÁNH	DH12CB			0,5	0,5	V		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12153143	PHẠM QUỐC THẮNG	DH12CD			1	0	2,5	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10153039	HÀ LÊ THÂN	DH10CD			0	0	2,5	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12118097	LONG QUỐC TIẾN	DH12CK			0,5	1	5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12118095	DƯƠNG CÔNG TRẠCH	DH12CK			0	0	4	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12118096	HỒ TRẦN TRUNG TRÍ	DH12CC			0,5	0,5	5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12153156	NGÔ NHẬT TRƯỜNG	DH12CD			1	0,5	4,5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12118108	LÊ QUANG TƯỜNG	DH12CK			0,5	0	V		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12118105	NGUYỄN THANH VINH	DH12CC			0,5	0,5	5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12115130	NGUYỄN HOÀNG VŨ	DH12CB			0,5	0,5	V		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 20 tháng 1 năm 2014

(Signature)

(Signature)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01676

Trang 1/6

Môn Học : Vẽ cơ khí (207122) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 12/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi TV201

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12153027	LÊ ĐỨC ANH	DH12CD			1	1	5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153028	DƯƠNG GIA BẢO	DH12CD			0,5	0,5	5,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12153001	TRẦN QUỐC BỬU	DH12CD			1	0,5	5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12153031	LÊ VĂN CẢNH	DH12CD			0,5	0,5	V		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153002	NGUYỄN TUẤN CHÍNH	DH12CD			0,5	1	5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153036	HỨA THANH CHUNG	DH12CD			0,5	0,5	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153039	LƯƠNG HOÀNG CHƯÔNG	DH12CD			1	1	5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12153003	LẠI VĂN CƯƠNG	DH12CD			0,5	1	4,5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12153172	NGUYỄN CƯỜNG	DH12CD			0,5	0,5	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153041	NGUYỄN CHÍ CƯỜNG	DH12CD			0,5	1	4,5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153043	HỒ THÀNH DANH	DH12CD			0,5	1	5,0	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12153042	NGÔ ANH DŨNG	DH12CD			0,5	1	5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12118019	HỒ TÂN DUY	DH12CK			0,5	1	4,5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10115023	NGUYỄN HOÀNG THẨM DUYÊN	DH10CB			0,5	0,5	5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153053	DƯƠNG NGỌC ĐA	DH12CD			0,5	0,5	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153187	HỒ HỮU ĐẠT	DH12CD			0,5	1	4,5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12153048	TRẦN VĂN ĐẠT	DH12CD			0,5	0,5	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12153062	NGUYỄN VĂN ĐỨC	DH12CD			1	1	4	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 20 tháng 1 năm 2014

(Chữ ký)

(Chữ ký)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01676

Trang 2/6

Môn Học : Vệ cơ khí (207122) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 12/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi TV201

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12153065	TRẦN VĂN HẠNH	DH12CD			0,5	0,4	4,5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12153018	DƯƠNG SỸ HẠNH	DH12CD			0	0,5	3,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12153168	PHAN PHỤNG HIỆP	DH12CD			0,5	0	3,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12153080	NGUYỄN VĂN HÒA	DH12CD			0,5	0,5	3,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12153037	NGUYỄN AN HOÀI	DH12CD			0	0,5	3,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12118113	PHAN THÁI HỌC	DH12CK			0,5	0,5	3,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12153108	NGUYỄN NHẬT HỒ	DH12CD			0	0	V		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12118030	NGUYỄN VIỆT HUY	DH12CC			0	0	V		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12153105	QUÁCH TRỌNG HUY	DH12CD			0	0	4	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12118084	TRẦN QUANG HƯNG	DH12CC			0	0,5	V		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12153046	VŨ QUANG HƯNG	DH12CD			0,5	0,5	4	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12138056	PHẠM NGỌC KHA	DH12TD			0,5	0,5	4	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12118109	VŨ NHƯ KHÁI	DH12CC			0	0,5	V		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12153074	TRẦN TRỌNG KHIÊM	DH12CD			0,5	1	4,5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12153089	NGUYỄN HOÀNG ANH KHOA	DH12CD			0	0	V		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12153090	NGUYỄN MINH KHOẢNH	DH12CD			0,5	1	5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12153005	TRẦN MINH KHƯƠNG	DH12CD			0	0	V		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12153092	NGUYỄN ANH KIẾT	DH12CD			0,5	1	5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ;
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 20 tháng 1 năm 2014

(Chữ ký)

(Chữ ký)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01676

Trang 3/6

Môn Học : Vẽ cơ khí (207122) - Số Tin Chì : 2

Ngày Thi : 12/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi TV201

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số lời	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	12153097	TRƯƠNG NHỊ LÂM	DH12CD			0,5	0,5	2,5	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12153095	VŨ VĂN LÂM	DH12CD			0	0	V		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12118100	PHAN THANH LỄ	DH12CK			0,5	0,5	4	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12153189	TÀ DUY LONG	DH12CD			0,5	1,5	3,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12153179	ĐINH QUANG LƯƠNG	DH12CD			0,5	0,5	4	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12153190	LÊ CÔNG MINH	DH12CD			0,5	0,5	4	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12153197	TÔ THÁI MINH	DH12CD			0,5	0	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12153086	TRẦN ĐÌNH MINH	DH12CD			0,5	1,5	4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12153106	BÙI VIỆT NAM	DH12CD			0,5	1	4,5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12118063	LÊ MINH NAM	DH12CC			1	1	5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12153006	TRƯƠNG HOÀI NAM	DH12CD			0,5	0,5	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12153007	HÀ TRUNG NGHĨA	DH12CD			0,5	0	V		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12153008	LÊ TRỌNG NGHĨA	DH12CD			0,5	0,5	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12153087	HỒ VĂN NHÂN	DH12CD			0,5	0,5	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	12153067	PHÙNG THÁI NHÂN	DH12CD			0,5	0	4	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	12153112	ĐẶNG PHAN TẤN PHÁT	DH12CD			0,5	1	4,5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	12153119	ĐỖ THÀNH PHÁT	DH12CD			0,5	0	4	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12153009	NGUYỄN THANH PHONG	DH12CD			0,5	1,5	4	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2,

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

(Chữ ký)

Cán bộ chấm thi 1&2

(Chữ ký)
Phạm Đức Dũng
Trương Q. Dũng

Ngày 20 tháng 1 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01676

Trang 4/6

Môn Học : Vẽ cơ khí (207122) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 12/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi TV201

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	12153093	HỒ VINH PHU	DH12CD			0,5	1	4,5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	12153128	LÊ HỒNG PHÚC	DH12CD			0,5	1	4,5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	12153068	LÊ HOÀNG PHƯƠNG	DH12CD			0,5	1,5	4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	12153130	ĐỖ VĂN SANG	DH12CD			0,5	0	4	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	10118009	TRẦN VĂN SANG	DH10CK			1	0	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	12118082	LÊ VĂN SƠN	DH12CK			0,5	1	4	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	12153181	ĐẶNG QUỐC SỸ	DH12CD			0,5	1	4	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	12118020	LÊ ĐỨC TÂM	DH12CK			0	0	V		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	10118013	PHAN DUY TÂN	DH10CK			0,5	0,5	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	12118023	THẦN THIÊN TÂN	DH12CC			0,5	0,5	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	12153133	NGUYỄN THANH TÂN	DH12CD			0,5	0,5	4	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	12153081	TRẦN ĐẶNG THÔNG THÁI	DH12CD			0,5	0	2,5	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	12153137	HỒ BẢO THÀNH	DH12CD			0	0	V		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	12153136	LÊ VĂN THÀNH	DH12CD			0,5	1	4	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	12153012	LÂM MINH THẮNG	DH12CD			0,5	1,5	4	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	12153144	LƯU THẾ THẮNG	DH12CD			0,5	0,5	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	12153141	TRẦN NGỌC THẮNG	DH12CD			0,5	0,5	4	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	12153183	TRẦN THANH THOA	DH12CD			0,5	1	4,5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 20 tháng 1 năm 2014

(Chữ ký)

(Chữ ký)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01676

Trang 5/6

Môn Học : Vệ cơ khí (207122) - Số Tin Chì: 2

Ngày Thi : 12/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi TV201

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số lời	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	12153146	NGUYỄN LÝ THÔI	DH12CD			0,5	0,5	2,5	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	10153046	LÊ VĂN THƯƠNG	DH10CD			0,5	0	4	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	12153013	TRẦN MINH TIẾN	DH12CD			0,5	1,5	4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	12153198	PHẠM NGỌC TỊNH	DH12CD			0,5	0,5	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	12153150	NGUYỄN DƯ TOÀN	DH12CD			0,5	0,5	V		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	12153151	PHẠM VĂN TOÀN	DH12CD			0,5	0,5	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	12118006	NGUYỄN VĂN TRONG	DH12CK			1	0,5	4,5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	12153014	CAO MINH TÚ	DH12CD			0,5	1	4,5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
81	12118055	NGUYỄN TRUNG TUẤN	DH12CK			0,5	0,5	3,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
82	12153192	NGÔ QUANG TUẤN	DH12CD			0,5	0	3,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
83	12118101	NGUYỄN THANH TÙNG	DH12CC			0,5	0	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
84	12153123	THIỆU DUY TÙNG	DH12CD			0	1	5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
85	12153193	LÊ VĂN TƯ	DH12CD			0	0	3,5	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
86	12153165	NGUYỄN THANH VĨ	DH12CD			0,5	0	3,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
87	12153160	PHẠM VĂN VIỆN	DH12CD			0,5	0,5	4	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
88	12153162	HOÀNG TRỌNG VINH	DH12CD			0,5	0,5	0	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
89	12118106	PHẠM VĨNH VŨ	DH12CC			0,5	0	3,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
90	12153126	TRƯƠNG QUANG VŨ	DH12CD			0,5	1,5	4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2.

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 20 tháng 1 năm 2014

(Chữ ký)

(Chữ ký)

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01677

Trang 1/1

Môn Học : Vệ cơ khí (207122) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 12/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi RD104

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12118009	TRẦN TUẤN AN	DH12CK	1	<i>[Signature]</i>	2	4	7,2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153029	CHÂU THAI BẢO	DH12CD	1	<i>[Signature]</i>	0,6	1,6	2,5	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12115148	VĂN THỊ LỆ CHI	DH12GB	1	<i>[Signature]</i>	1,6	2	2	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12118015	NGUYỄN HỮU CHIẾN	DH12CC	1	<i>[Signature]</i>	1	2	3,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	09153003	ĐÀO KHẮC DIỆN	DH09CD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153059	HỒ ANH ĐÔNG	DH12CD	1	<i>[Signature]</i>	2	2	2,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10153009	PHẠM HỮU ĐỨC	DH10CD	1	<i>[Signature]</i>	1,8	2,0	5	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12118104	TRẦN ĐỨC GIÁP	DH12CK	1	<i>[Signature]</i>	1,5	2	3,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10153011	NGUYỄN PHƯỚC HẬU	DH10CD	1	<i>[Signature]</i>	1,7	1,8	2	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12118036	TRẦN VĂN HIỆP	DH12CK	1	<i>[Signature]</i>	1,3	2	3,2	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10115002	VÕ THỊ XUÂN HOÀI	DH10CB	1	<i>[Signature]</i>	1,8	2	3,2	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12153175	LƯU GIA HUÂN	DH12CD	1	<i>[Signature]</i>	1,2	1,6	3,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10115003	ĐỖ TIẾN HÙNG	DH10CB	1	<i>[Signature]</i>	1,2	2	3,8	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11153024	NGUYỄN VIỆT HÙNG	DH11CD	1	<i>[Signature]</i>	1,2	1,8	3,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	09153007	NGUYỄN VĂN HUỲNH	DH09CD	1	<i>[Signature]</i>	0,4	2	3,5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10115017	ĐOÀN VĂN MẠNH	DH10CB	1	<i>[Signature]</i>	1,2	2	3,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12118062	VÕ THANH MỆNH	DH12CC	1	<i>[Signature]</i>	1,4	1,8	3,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10153077	NGUYỄN THÀNH NAM	DH10CD	1	<i>[Signature]</i>	1,6	2	4,5	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 17; Số tờ: 17

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature] Trần Thị Thanh
[Signature] Lê Quang Đức

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

[Signature] Lê Văn Thanh

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature] Trần Thị Thanh
[Signature] Ngô T. Kiều Thanh

Ngày 16 tháng 1 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01677

Trang 2/1

Môn Học : Vệ cơ khí (207122) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 12/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi RD104

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (6,0%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12118068	VÕ VĂN NHÂN	DH12CC	1		1,4	2	5,1	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12153088	ĐẶNG HOÀNG	DH12CD	1		0,6	1,6	4,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12153125	ĐỖ BÀ	DH12CD	1		1,8	2	5,2	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12118075	LƯƠNG QUỐC	DH12CC	1		1,5	2	3,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12118079	VÕ HỒNG	DH12CK	1		0,6	0,6	3,5	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12118080	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	DH12CC	1		1,2	2,0	2,5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12118090	NGUYỄN HỮU	DH12CK	1		0	0,4	2	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12118119	NGUYỄN TRUNG	DH12CK	1		1	2	2	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12153104	PHẠM VĂN	DH12CD	1		1,4	2	2,5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	09118016	ĐÀO NHẬT	DH09CK							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12153138	ĐOÀN VĂN	DH12CD	1		1,8	2	5	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	10153042	NGUYỄN CÔNG	DH10CD	1		1,2	1,8	3	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12153157	NGUYỄN ANH	DH12CD	1		1,2	1,8	3,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12118117	NGUYỄN HUỲNH TỬ	DH12CC	1		1,7	2	4	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 13; Số tờ: 13

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 16 tháng 1 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 05430

Trang 1/1

Môn Học : Vận hành BD& S.chữa máy CBNSTP - 01-207201

CBGD: TS. Nguyễn Như Nam (305)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (50%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10119021	PHAN NGUYỄN QUỐC BỬU	DH10CC		<i>Phan</i>	1	2	3	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10119019	MAI XUÂN	DH10CC		<i>mai</i>	2	2,5	4,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10119025	NGUYỄN VINH	DH10CC		<i>vinh</i>	2	2,5	4,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10119018	NGUYỄN MINH HUÂN	DH10CC		<i>Huân</i>	4,5	2,5	1,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10119002	NGUYỄN ĐÌNH LINH	DH10CC		<i>linh</i>	2	2,5	5,0	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10119007	NGUYỄN ĐÌNH LONG	DH10CC		<i>long</i>	2	2,5	4,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10119003	NGUYỄN VĂN LỢI	DH10CC		<i>loi</i>	2	2,5	4,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10119032	VÕ THI NGÀ	DH10CC		<i>nga</i>	2	2,5	4,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10119027	VÕ TRỌNG NGHĨA	DH10CC		<i>trung</i>	2	2,5	5,0	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10119010	PHAN THANH NHÂN	DH10CC		<i>nam</i>	2	2,5	5,0	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10119013	LÊ TRẦN HẠNH NHƯ	DH10CC		<i>nhu</i>	2	2,5	4,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10119004	NGUYỄN VĂN SĨ	DH10CC		<i>si</i>	2	2,5	4,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10119009	NGUYỄN LẠI THANH TRÚC	DH10CC		<i>truc</i>	2	2,5	5,0	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2

Điểm thi, Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trong số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Như Nam
Bà Lê Văn Trúc

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)

Nguyễn Như Nam
Trần Văn Trúc

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Như Nam
Bà Lê Văn Trúc

Ngày 17 tháng 01 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01678

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Vận hành BD& Sửa chữa máy CBNSTP (207201) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 09/01/14

Giờ thi: 12g15 - phút

Phòng thi RD501

Nhóm Thi :

Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (50%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10119021	PHAN NGUYỄN QUỐC BỬU	DH10CC		<i>Buu</i>	1	2	3	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10119019	MAI XUÂN	DH10CC		<i>mai</i>	2	2,5	4,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10119025	NGUYỄN VINH	DH10CC		<i>Vinh</i>	2	2,5	4,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10119018	NGUYỄN MINH HUẤN	DH10CC		<i>Huân</i>	1,5	2,5	4,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10119002	NGUYỄN ĐÌNH LINH	DH10CC		<i>Linh</i>	2	2,5	5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10119007	NGUYỄN ĐÌNH LONG	DH10CC		<i>Long</i>	2	2,5	4,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10119003	NGUYỄN VĂN LỢI	DH10CC		<i>Va</i>	2	2,5	4,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10119032	VÕ THỊ NGÀ	DH10CC		<i>Ngà</i>	2	2,5	4,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10119027	VÕ TRỌNG NGHĨA	DH10CC		<i>Nghĩa</i>	2	2,5	5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10119010	PHAN THANH NHÂN	DH10CC		<i>Nhan</i>	2	2,5	5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10119013	LÊ TRẦN HẠNH	DH10CC		<i>Hanh</i>	2	2,5	4,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10119004	NGUYỄN VĂN SĨ	DH10CC		<i>Si</i>	2	2,5	4,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10119009	NGUYỄN LAI THANH	DH10CC		<i>Lai</i>	2	2,5	5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2.

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Văn Tuấn
Bà Lê Văn Tuấn

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Tuấn
Bà Lê Văn Tuấn

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Văn Tuấn
Bà Lê Văn Tuấn

Ngày 12 tháng 01 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01683

Trang 1/1

Môn Học : Cơ lưu chất (207202) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 09/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11154001	TRẦN THẾ AN	DH11OT	1	<i>Trần Thế An</i>	9.5	6	5	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154127	HỒ BẢO ANH	DH12OT		<i>Hồ Bảo Anh</i>	8.5	7	3.5	5.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12153029	CHÂU THÁI BẢO	DH12CD		<i>Châu Thái Bảo</i>	9.5	7	5	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12153001	TRẦN QUỐC BỬU	DH12CD		<i>Trần Quốc Bửu</i>	3.5	6	3	3.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10154057	VÕ THÀNH CÔNG	DH10OT		<i>Võ Thành Công</i>	9	6.5	3	4.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153172	NGUYỄN CƯỜNG	DH12CD		<i>Nguyễn Cường</i>	8.5	8.5	2	4.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12344059	DƯƠNG QUỐC DUY	CD12CI		<i>Dương Quốc Duy</i>	2.5	2	✓	✓	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12118019	HỒ TÂN DUY	DH12CK		<i>Hồ Tân Duy</i>	4	4	3	3.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12137012	NGUYỄN VĂN ĐUA	DH12NL		<i>Nguyễn Văn Đua</i>	9.5	8.5	8	8.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153062	NGUYỄN VĂN ĐỨC	DH12CD		<i>Nguyễn Văn Đức</i>	8.5	6	4	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12118111	LÊ MINH HẢI	DH12CC		<i>Le Minh Hai</i>	9	9	5	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154112	NGUYỄN CÔNG HẬU	DH12OT		<i>Nguyễn Công Hậu</i>	4	6	6	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12344049	NGUYỄN PHÚC HẬU	CD12CI		<i>Nguyễn Phúc Hậu</i>	1.5	3	3	2.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11344013	PHAN NGUYỄN PHÚC HẬU	CD11CI		<i>Phan Nguyễn Phúc Hậu</i>	4.5	8	✓	✓	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154229	HỒ VĂN HIỀN	DH12OT		<i>Hồ Văn Hiền</i>	9	8	5	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11154055	CHÂU NGỌC HIỆP	DH11OT		<i>Châu Ngọc Hiệp</i>	9	6	7	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12118036	TRẦN VĂN HIỆP	DH12CK		<i>Trần Văn Hiệp</i>	9.5	7	5	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11154007	ĐẶNG MINH HOÀNG	DH11OT		<i>Đặng Minh Hoàng</i>	9	7.5	1.5	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Vũ Đình Bằng
Đặng Trung Nam

Duyệt của Trưởng Bộ môn:
(Quản lý môn học)

Vũ Đình Bằng

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 07 tháng 2 năm 14

Bùi

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01683

Trang 2/1

Môn Học : Cơ lưu chất (207202) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 09/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09118006	VÕ BÁ	HOÀNG	CD12CI		0	0	0	0.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12118113	PHAN THÁI	HOC	DH12CK		9	6.5	5.5	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12138042	HOÀNG PHI	HÙNG	DH12TD		9	8	5	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12138053	VŨ QUANG	HÙNG	DH12TD		3.5	7.5	5.5	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12118042	NGUYỄN DƯƠNG HOÀNG	HUY	DH12CC		9	3.5	2.5	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12118030	NGUYỄN VIỆT	HUY	DH12CC		4.5	6	2.5	3.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12137023	LƯU ĐÌNH	HÙNG	DH12NL		9	8	1	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11154057	NGÔ TRÍ	HỮU	DH11OT		9.5	6	4.5	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11344027	NGUYỄN HOÀNG XUÂN	KHANG	CD11CI		9	8.5	3	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12118100	PHAN THANH	LÊ	DH12CK		8.5	6.5	4.5	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12344048	NHỮ VĂN	LINH	CD12CI		9	4	1.5	3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12138066	ĐĂNG TIỂU	LONG	DH12TD		4.5	4.5	2	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12118058	NGUYỄN TẤN	LỘC	DH12CC		9	8	6	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12344080	NGUYỄN THÀNH	LỢI	CD12CI		4.5	4	1	2.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11154060	ĐOÀN THẾ	LUÂN	DH11OT		9	8	5	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12344084	NGUYỄN NHƯ	LUÂN	CD12CI		9	6	3	4.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12344145	VÕ BÁ	LUÂN	CD12CI		9.5	6	0	3.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11154009	ĐÌNH CÔNG	LỤC	DH11OT		9	7.5	2.5	4.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Đặng Trung Nam

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 2 tháng 2 năm 14

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01683

Trang 3/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ lưu chấ (207202) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 09/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	12118062	VÕ THANH MỆNH	DH12CC		<i>Minh</i>	9	85	3	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11154045	CHU ĐỨC MINH	DH110T		<i>Đức</i>	8	9	2	4.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12118008	LƯƠNG HỮU MINH	DH12CC		<i>Minh</i>	9	7	55	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12138075	NGUYỄN HUY MINH	DH12TD		<i>Huy</i>	9	85	0	3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12118063	LÊ MINH NAM	DH12CC		<i>Minh</i>	8.5	5	5.5	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	07153064	NGUYỄN VĂN NGHĨ	DH08CD		<i>Nghĩ</i>	4.5	55	35	4.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12153008	LÊ TRỌNG NGHĨA	DH12CD		<i>Trọng</i>	4.5	75	4	4.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12118064	NGUYỄN THÁI NGỌC	DH12CK		<i>Thái</i>	7	7.5	0	2.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12153087	HỒ VĂN NHÂN	DH12CD		<i>Nhan</i>	8.5	85	3	5.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11154046	NGUYỄN TRỌNG NHON	DH110T		<i>Nhon</i>	9	8	15	4.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12344102	DƯƠNG QUỐC PHÁP	CD12CI		<i>Quốc</i>	9	7.5	3	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12344186	HUỖNH DUY PHÁT	CD12CI		<i>Duy</i>	6	2	3	3.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12344155	NGUYỄN VĂN PHÊ	CD12CI		<i>Phê</i>	9	55	25	4.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12137054	BÙI VĂN PHÚC	DH12NL		<i>Phúc</i>	9	8	6	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	12154020	HUỖNH THANH PHÚNG	DH120T		<i>Phung</i>	9	8	4	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	12137035	TẠ NHẬT QUANG	DH12NL		<i>Quang</i>	9	10	7	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	12118075	LƯƠNG QUỐC QUÂN	DH12CC		<i>Quân</i>	9	1	5	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12118079	VÕ HỒNG QUỐC	DH12CK		<i>Quốc</i>	9	7	0	3.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2. Điểm thành phần 1,2:

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Vương Đình Bấy
Xuân Xích
Đặng Trung Nam

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Vương Đình Bấy

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 2 tháng 2 năm 14

Phúc

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01683

Trang 4/1

Môn Học : Cơ lưu chấ (207202) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 09/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	
55	12118080	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	QUÝ	DH12CC		9.5	6	2	4.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	12154008	NGUYỄN CHỨC	QUYÊN	DH120T		8.5	8	2.5	4.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	12138004	HUỖNH	QUỲNH	DH12TD		9	8.5	6	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	12138093	NGUYỄN MINH	TÂM	DH12TD		9	9	5	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	11154016	TRƯƠNG CHÍ	TÂM	DH110T		9	7	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	12344113	VŨ THIÊN	TÂM	CD12CI		9	7	0	3.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	12118023	THÂN THIÊN	TÂN	DH12CC		9	3	0	2.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	11154025	TRẦN NHẬT	TÂN	DH110T		0	0	7	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	12118119	NGUYỄN TRUNG	TẤT	DH12CK		4	4.5	7	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	12118092	NGUYỄN CHÍ	THANH	DH12CK		9	8	1	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	12118121	LÊ QUYẾT	THÀNH	DH12CC		4.5	2	✓	✓	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	11154058	LÊ VĂN	THÀNH	DH110T		9	8.0	3	5.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	12153136	LÊ VĂN	THÀNH	DH12CD		9.5	9	7	7.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	12154021	TRẦN VĂN	THẮNG	DH120T		8.5	8	0	3.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	12137041	ĐOÀN NHẬT	THẮNG	DH12NL		9	9	1	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	12153141	TRẦN NGỌC	THẮNG	DH12CD		4.5	2	2	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	12137043	BÙI VĂN	THẾ	DH12NL		9	8	1	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	12344111	VŨ TÂN	THIỆN	CD12CI		8.5	5	2	3.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Bảng Trung Nam

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 7 tháng 2 năm 14

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01683

Trang 5/1

Môn Học : Cơ lưu chất (207202) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 09/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	12154186	LÊ QUÝ THIẾT	DH12OT			9	8.5	5.5	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	12344178	HỒ MINH THỊNH	CD12CI			0	4	1.5	1.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	12344124	LƯƠNG ĐỨC THÔNG	CD12CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	12344125	TRẦN THANH THÔNG	CD12CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	12344192	NGUYỄN VĂN THỜI	CD12CI			8	4.5	3.5	4.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	11344049	LÂM HÒA THUẬN	CD11CI			9	7	5	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	12344074	NGUYỄN HỒNG THUẬN	CD12CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	12153173	ĐOÀN LÝ THUYẾT	DH12CD			9	7	4.5	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
81	12138099	NGUYỄN ĐÌNH THY	DH12TD			4.5	5.5	2	3.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
82	11154062	NGUYỄN MINH TIẾN	DH11OT			9	7.5	7	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
83	12153013	TRẦN MINH TIẾN	DH12CD			9.5	8	10	9.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
84	12118095	DƯƠNG CÔNG TRẠCH	DH12CK			9	6	7	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
85	11154031	NGUYỄN CHỈ TRAI	DH11OT			9	8.5	6	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
86	11154021	ĐẶNG QUỐC TRÍ	DH11OT			9.5	8.5	8	8.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
87	12137057	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	DH12NL			9.5	7.5	6.5	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
88	12137003	LÊ THÀNH TRUNG	DH12NL			9	5	2	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
89	12154111	MAI BẢO TRUNG	DH12OT			8.5	2	4	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
90	12154043	DƯƠNG NHẬT TRƯỜNG	DH12OT			3.5	8	2	3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2.

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Đặng Trung Nam ±

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 7 tháng 2 năm 14

Trang 6/1

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

Số bài:; Số tờ:
 Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
 Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
 Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và
 đã nhân trong số

Vùng kinh Bắc M

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Ng. Văn. Đình. Bông

Cán bộ chấm thi 18.2

Ngày 7 tháng 2 năm 14

Paul

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01684

Trang 1/1

Môn Học : Công nghệ sản xuất đường mía (207211) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 11/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD501

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (50%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10119021	PHAN NGUYỄN QUỐC BỬU	DH10CC	1	<i>Phu</i>	2	0,6	3,0	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11118004	NGUYỄN MÔNG ĐẠT	DH11CC	1	<i>dat</i>	2	2,1	3,3	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10119019	MAI XUÂN	DH10CC	2	<i>mai</i>	2	2,4	4,5	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10119018	NGUYỄN MINH HUÂN	DH10CC	1	<i>huu</i>	2	4,5	3,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11137004	BÙI MẠNH	DH11CC	1	<i>mai</i>	2	2,7	3,0	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11118001	ĐÀO THANH HUY	DH11CC	1	<i>huy</i>	2	2,4	4,0	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11119007	NGUYỄN PHƯỚC HƯNG	DH11CC	1	<i>ph</i>	2	2,1	3,0	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11119001	NGUYỄN NGỌC LÂM	DH11CC	1	<i>lam</i>	2	2,4	3,5	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11119008	HỒ TÀI LINH	DH11CC	1	<i>linh</i>	2	2,1	3,5	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10119002	NGUYỄN ĐÌNH LINH	DH10CC	1	<i>linh</i>	2	2,7	4,5	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10119003	NGUYỄN VĂN LỢI	DH10CC	1	<i>loi</i>	2	4,5	4,0	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10119032	VÕ THỊ NGÀ	DH10CC	1	<i>nga</i>	2	2,1	4,3	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10119027	VÕ TRONG NGHĨA	DH10CC	1	<i>trung</i>	2	2,7	4,5	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11119013	QUÁCH ĐẠI HỒNG	DH11CC	1	<i>hong</i>	2	2,1	3,0	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10119004	NGUYỄN VĂN SĨ	DH10CC	1	<i>si</i>	2	2,1	3,3	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11119010	KIỀU VĂN THÁI	DH11CC	1	<i>thai</i>	2	2,7	3,3	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11118006	PHẠM TẤN THÀNH	DH11CC	1	<i>thanh</i>	2	2,4	3,3	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11118007	LÊ SỸ THỊNH	DH11CC	1	<i>thinh</i>	2	2,7	3,3	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 20.....; Số tờ: 21.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Văn Tấn
Nguyễn Văn Tấn

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Tấn
Nguyễn Văn Tấn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 11 tháng 01 năm 2014

Nguyễn Văn Tấn
Nguyễn Văn Tấn

Trang 2/1

Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

Đã được duyệt
Thước kẻ Lê Văn Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01685

Trang 1/1

Môn Học : Máy và thiết bị thủy khí (207215) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 10/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD200

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (40%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (80%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11118004	NGUYỄN MỘNG DAT	DH11CC			1,9	2,7	4,4	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11119006	TRẦN VŨ NGÂN	DH11CC			1,7	1,8	4,0	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	111137004	BÙI MANH	DH11CC			1,8	2,7	4,3	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11118001	ĐÀO THANH HUY	DH11CC			1,6	2,4	4,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11119007	NGUYỄN PHƯỚC	DH11CC			1,5	2,1	3,5	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11119005	ĐOÀN THỊ HUƠNG	DH11CC			1,9	2,7	4,4	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11118010	SENG ALOUN KASEUTH	DH11CC			0,9	2,7	1,9	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	111137006	TRẦN VĂN KHANH	DH11CC			1,5	2,7	3,9	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11119001	NGUYỄN NGOC LÂM	DH11CC			1,6	2,1	3,5	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11119008	HỒ TÀI LINH	DH11CC			1,5	2,7	4,2	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11119013	QUÁCH ĐẠI HỒNG	DH11CC			1,3	2,7	4,2	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11119010	KIỀU VĂN THÁI	DH11CC			1,5	1,8	3,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11118006	PHAM TÂN THÀNH	DH11CC			1,6	2,4	4,3	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11118007	LÊ SỸ THỊNH	DH11CC			1,4	1,8	3,6	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11118005	MAO THANH THUẬN	DH11CC			1,6	2,4	4,3	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11119003	NGUYỄN THỊ KIM	DH11CC			1,7	2,4	4,0	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11118003	LÝ QUANG VƯƠNG	DH11CC			1,5	2,1	3,6	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Huệ

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Trần Ngọc Huy

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Phước Mỹ

Ngày 10 tháng 1 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01686

Trang 1/1

Môn Học : Máy năng chuyển (207217) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 15/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD106

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (30%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (10%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10138032	CHU VĂN ĐẠT	DH10TD		<i>[Signature]</i>	1,5	0	1	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10344053	PHẠM THANH HẢI	CD10CI		<i>[Signature]</i>	0	1,2	0,5	1,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09137004	NGUYỄN VŨ HIỆP	DH09NL						V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10137002	THÁI NGUYỄN NGỌC HÒA	DH10NL		<i>[Signature]</i>	2,0	1,5	3,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10138040	LA ĐÌNH KHÁNH	DH10TD		<i>[Signature]</i>	2,0	0	2,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12344048	NHŨ VĂN LINH	CD12CI		<i>[Signature]</i>	0,2	0	1,0	1,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10344026	TRẦN GIANG LINH	CD10CI		<i>[Signature]</i>	1,8	1,3	2,8	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10137018	HỒ TRÍ LUÂN	DH10NL		<i>[Signature]</i>	1,3	1,3	3	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10344047	TRẦN ĐỨC MỸ	CD10CI		<i>[Signature]</i>	1,6	1,3	2,7	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	08138070	TRẦN CHÍ THỐNG	DH08TD		<i>[Signature]</i>	1,1	0	1,0	2,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10137063	TRẦN THANH TRƯỜNG	DH10NL		<i>[Signature]</i>	2,5	1,6	4,5	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	08137009	NGUYỄN THANH TÙNG	DH08NL						V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature] N.H.Đặng
[Signature] Lê Văn Tuấn

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

[Signature]
[Signature]

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature] N.H.Đặng
[Signature] Lê Văn Tuấn

Ngày 20 tháng 1 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 05431

Trang 1/1

Môn Học : ĐA TK nhà máy CBNSTP - 01-207218

CBGD: TS. Nguyễn Như Nam (305)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (50%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10119021	PHAN NGUYỄN QUỐC BÚU	DH10CC		<i>Phan</i>	1,5	4,0	3,0	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10119019	MAI XUÂN	DH10CC		<i>mai</i>	2	3,0	5,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10119025	NGUYỄN VINH	DH10CC		<i>vinh</i>	2	2,0	4,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10119018	NGUYỄN MINH	DH10CC		<i>Minh</i>	2	2,0	4,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10119002	NGUYỄN ĐÌNH LINH	DH10CC		<i>linh</i>	2	3,0	5,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10119007	NGUYỄN ĐÌNH LONG	DH10CC		<i>long</i>	2	3,0	4,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10119003	NGUYỄN VĂN LỢI	DH10CC		<i>loi</i>	2	2,5	4,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10119032	VÕ THỊ NGÀ	DH10CC		<i>nga</i>	2	2,5	4,0	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10119027	VÕ TRONG	DH10CC		<i>trong</i>	2	2,5	4,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10119010	PHAN THANH NHÂN	DH10CC		<i>thanh</i>	2,0	2,0	4,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10119013	LÊ TRẦN HẠNH	DH10CC		<i>hanh</i>	2,0	3,0	4,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10119004	NGUYỄN VĂN SĨ	DH10CC		<i>si</i>	2,0	3,0	4,0	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10119009	NGUYỄN LAI THANH	DH10CC		<i>thanh</i>	2,0	2,0	4,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:....., Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2.
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Như Nam
Nguyễn Văn Tuấn

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Tuấn

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Như Nam
Nguyễn Văn Tuấn

Ngày 17 tháng 01 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01687

Trang 1/1

Môn Học : ĐA TK nhà máy CBNSTP (207218) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 12/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi RD302

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (50%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10119021	PHAN NGUYỄN QUỐC BỬU	DH10CC		<i>Buu</i>	4,5	1,0	3,0	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10119019	MAI XUÂN	DH10CC		<i>mai</i>	2	3,0	5,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10119025	NGUYỄN VINH	DH10CC		<i>Vinh</i>	2	2,0	4,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10119018	NGUYỄN MINH HUÂN	DH10CC		<i>Huan</i>	2	2,0	4,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10119002	NGUYỄN ĐÌNH LINH	DH10CC		<i>linh</i>	2	3,0	5,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10119007	NGUYỄN ĐÌNH LONG	DH10CC		<i>long</i>	2	3,0	4,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10119003	NGUYỄN VĂN LỢT	DH10CC		<i>lot</i>	2	2,5	4,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10119032	VÕ THỊ NGÀ	DH10CC		<i>nga</i>	2	2,5	4,0	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10119027	VÕ TRONG	DH10CC		<i>trong</i>	2	2,5	4,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10119010	PHAN THANH NHÂN	DH10CC		<i>hanh</i>	2	2,0	4,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10119013	LÊ TRẦN HẠNH	DH10CC		<i>hanh</i>	2	3,0	4,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10119004	NGUYỄN VĂN SĨ	DH10CC		<i>si</i>	2	3,0	4,0	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10119009	NGUYỄN LẠI THANH TRÚC	DH10CC		<i>truc</i>	2	2,0	4,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2.

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn

Ngày 17 tháng 01 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01690

Trang 1/1

Môn Học : Nhiệt động lực học kỹ thuật (207220) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 07/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD301

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (40%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12137001	ĐỖ HOÀNG ÁI	DH12NL			9,0	8,5	6,0	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12118016	LÝ PHAN BÌNH	DH12CC			8,0	4,5	5,5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12118015	NGUYỄN HỮU CHIẾN	DH12CC			9,0	9,0	4,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12137015	LÊ VĂN DUY	DH12NL			9,0	7,5	5,5	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11118004	NGUYỄN MÔNG ĐẠT	DH11CC			9,0	9,0	7,0	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11137004	BÙI MẠNH HÙNG	DH11CC			9,0	9,0	9,0	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11118001	ĐÀO THANH HUY	DH11CC			9,0	9,0	8,0	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12137021	PHẠM ĐỨC HUY	DH12NL			9,0	8,5	5,0	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12137023	LƯU ĐÌNH HƯNG	DH12NL			9,0	6,0	5,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11119007	NGUYỄN PHƯỚC HƯNG	DH11CC			9,0	8,5	8,5	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11119005	ĐOÀN THỊ HƯƠNG	DH11CC			9,0	9,5	9,0	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11118010	SENG ALOUN KASEUTH	DH11CC			9,0	7,0	4,0	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11137006	TRẦN VĂN KHANH	DH11CC			9,0	10	7,5	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12137028	NGUYỄN VĂN KHOA	DH12NL			9,0	8,5	4,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11119001	NGUYỄN NGỌC LÂM	DH11CC			9,0	8,0	8,0	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12137032	PHẠM PHÚ LÂN	DH12NL			9,0	8,0	5,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12137007	NỮ ĐÌNH LỊCH	DH12NL			8,0	8,5	3,5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11119008	HỒ TÀI LINH	DH11CC			9,0	8,0	8,0	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 20; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 01 năm 2014

Trang 2/1

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

Ngày 21 tháng 01 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01691

Trang 1/1

Môn Học : Nhiệt động lực học kỹ thuật (207220) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 07/01/14

Giờ thi: 09g30 - phút

Phòng thi RD302

Nhóm Thi :

Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12137005	NGÔ VĂN MINH	DH12NL			9,0	7,0	8,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12137034	VÕ THANH NHANH	DH12NL			9,0	7,0	8,5	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11119013	QUÁCH ĐẠI HỒNG	DH11CC			9,0	4,5	5,5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12137036	LÊ HỮU PHƯỚC	DH12NL			9,0	8,0	6,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11119010	KIỀU VĂN THÁI	DH11CC			9,0	7,0	6,0	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12137039	HOÀNG TUÂN TÀI	DH12NL							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153139	ĐỖ TRONG TÂM	DH12CD			7,0	4,0	3,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11118006	PHẠM TẤN THÀNH	DH11CC			9,0	10	8,0	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12137042	NGUYỄN VĂN THẮNG	DH12NL			9,0	9,0	4,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12137043	BÙI VĂN THẾ	DH12NL			9,0	7,5	3,0	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	09119038	BÙI TẤN THỊNH	DH09CC			9,0	7,5	7,5	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11118007	LÊ SỸ THỊNH	DH11CC			9,0	9,0	5,0	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11118005	MAO THANH THUẬN	DH11CC			9,0	10	9,0	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12137046	BÙI ANH THƯƠNG	DH12NL			9,0	7,0	4,0	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12137053	NGUYỄN VIỆT TRIỀU	DH12NL							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12137057	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	DH12NL			9,0	8,0	3,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12137003	LÊ THÀNH TRUNG	DH12NL			8,0	8,0	2,0	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11119003	NGUYỄN THỊ KIM	DH11CC			9,0	9,0	8,5	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 18; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 01 năm 2014

Trang 2/1

Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

Ngày 22 tháng 01 năm 2014

✓ Đã làm Xếp đặt
quản lý nhân sự

(Quản lý môn học)

Thầy giáo Lê Anh Việt

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01694

Trang 1/1

Môn Học : Kỹ thuật sấy (207222) - Số Tín Chỉ : 3

Ngày Thi : 18/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD304

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10119021	PHAN NGUYỄN QUỐC BỬU	DH10CC		<i>Buu</i>	5,0	7,0	2,0	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10119019	MAI XUÂN	DH10CC		<i>Mai</i>	9,0	8,5	9,5	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10119025	NGUYỄN VINH	DH10CC		<i>Vinh</i>	8,0	7,0	6,0	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10119002	NGUYỄN ĐÌNH LINH	DH10CC		<i>Linh</i>	9,0	8,5	7,5	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10119007	NGUYỄN ĐÌNH LONG	DH10CC		<i>Long</i>	9,0	8,0	8,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10119003	NGUYỄN VĂN LỢI	DH10CC		<i>Loi</i>	9,0	7,0	6,5	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10119032	VÕ THỊ NGÀ	DH10CC		<i>Ngà</i>	9,0	8,5	6,0	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10119027	VÕ TRỌNG NGHĨA	DH10CC		<i>Truong</i>	7,0	8,5	6,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10119010	PHAN THANH NHÂN	DH10CC		<i>Nhan</i>	7,0	8,0	7,0	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10119013	LÊ TRẦN HẠNH	DH10CC		<i>Hanh</i>	9,0	8,0	8,0	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10119009	NGUYỄN LẠI THANH	DH10CC		<i>Lai</i>	9,0	8,0	8,0	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11119003	NGUYỄN THỊ KIM	DH11CC		<i>Kim</i>	9,0	7,5	7,7	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 12; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Le Anh Đức
Le Văn Trián

Duyệt của Trường Bộ môn
(Quản lý môn học)

Phu Ngoc Huy

Cán bộ chấm thi 1&2

Le Anh Đức

Ngày 20 tháng 01 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 05432

Trang 1/1

Môn Học : Thực tập sản xuất - 01-207223

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10119021	PHAN NGUYỄN QUỐC BỬU	DH10CC			0	0	0	0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10119019	MẠI XUÂN	DH10CC			1	2	6,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10119025	NGUYỄN VINH	DH10CC			1	2	6	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10119018	NGUYỄN MINH	DH10CC			1	2	5,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10119002	NGUYỄN ĐÌNH LINH	DH10CC			1	2	6,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10119007	NGUYỄN ĐÌNH LONG	DH10CC			1	2	6	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10119003	NGUYỄN VĂN LỢI	DH10CC			0,5	2	6	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10119032	VÕ THỊ NGÀ	DH10CC			1	2	6	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10119027	VÕ TRỌNG NGHĨA	DH10CC			1	2	5,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10119010	PHAN THANH NHÂN	DH10CC			0,5	2	6,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10119013	LÊ TRẦN HẠNH	DH10CC			1	2	6,0	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10119004	NGUYỄN VĂN SĨ	DH10CC			1	2	6,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10119009	NGUYỄN LAI THANH	DH10CC			1	2	6,0	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 21 tháng 1 năm 2014

(Chữ ký)
Đang học sinh

(Chữ ký)
Nguyễn Thanh Phong

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01695

Trang 1/1

Môn Học : Anh văn kỹ thuật (207300) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 07/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV315

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 2%	Đ2 2%	Điểm thi 62%	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11153006	HUỖNH VŨ AN	DH11CD		Quang	8	8	5.5	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	09153039	PHÙNG HUY BÌNH	DH09CD		Phùng	8	4.5	7	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12153001	TRẦN QUỐC BŨU	DH12CD		Bũu	9	6.5	3	4.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12344164	ĐẶNG MINH CHÁU	CD12CI		Chau	9	7	4	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11153012	BÙI THÁI CHÍNH	DH11CD		Chau	8	7	4.5	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153002	NGUYỄN TUẤN CHÍNH	DH12CD		Chau	9	5.5	6	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	09153002	VŨ VĂN CƯỜNG	DH09CD		Cuong	7	5	3	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	09153003	ĐÀO KHẮC DIỆN	DH09CD		✓				✓	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11153038	LÊ HẢI ĐĂNG	DH11CD		Đen	9	7	6.5	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11153016	TRẦN THANH HIỆU	DH11CD		Hiệu	8	6.5	4.5	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10137033	NGUYỄN DUY ĐOAN	DH10NL		Đoan	9	8	6.5	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12138068	LÊ HOÀNG DŨ	DH12TD		Đu	9	9.5	6	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11137002	LÊ NGỌC ĐỨC	DH11CD		Đức	8	7.5	5	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11344017	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	CD11CI		Đức	8	5	2.5	4.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11119006	TRẦN VŨ NGÂN	DH11CC		Ngân	9	9	5.5	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10119025	NGUYỄN VINH HẢI	DH10CC		Hiệu	9	8	5.5	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11153026	PHAN TRUNG HẬU	DH11CD		Hau	8	6.5	6.5	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12138046	NGUYỄN THẾ HIỀN	DH12TD		Hiên	8	6.5	4	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 10; Số tờ: 20

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thanh Sơn

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Đặng Xuân Dũng

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 1 năm 2014

Nguyễn Thị Bích

Trang 2/1

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

Số bài: 20; Số tờ: 20
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Ngày 17 tháng 04 năm 14

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01696

Trang 1/1

Môn Học : Anh văn kỹ thuật (207300) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 07/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV333

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11344020	TRẦN VĂN HỒ	CD11CI			7	3	2.5	3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11153024	NGUYỄN VIỆT HÙNG	DH11CD			8	4.5	1.5	3.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09153007	NGUYỄN VĂN HUỖNH	DH09CD			8	4	5	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11119005	ĐOÀN THỊ HUƠNG	DH11CC			9	8	8	8.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11153019	LÊ HOÀNG KHÁI	DH11CD			7	2	6	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10119007	NGUYỄN ĐÌNH LONG	DH10CC			9	9	8	8.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11153036	NGUYỄN HỮU LUÂN	DH11CD			8	6	4	5.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10153056	HOÀNG VĂN MỸ	DH10CD			8	7.5	4	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11154028	LÊ ANH NGUYỄN	DH11OT			9	6	8	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10153026	PHẠM ĐỨC NHẬT	DH10CD			7	4	2	3.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11153008	NGUYỄN ĐÌNH NHON	DH11CD			8	8	4	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11137001	NGUYỄN MINH PHÁT	DH11CD			8	9	5.5	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10137042	NGUYỄN HỒNG PHONG	DH10NL			9	7.5	4.5	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11138004	DƯƠNG PHƯỚC PHÚ	DH11CD			8	6	6	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12138090	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	DH12TD			8	6.5	3.5	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11153013	LÊ VĂN TÂM	DH11CD			9	9	7	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12138093	NGUYỄN MINH TÂM	DH12TD			8	6.5	6	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11153032	PHẠM CÔNG TÂN	DH11CD			9	7.5	6	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 2; Số tờ: 2

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 01 năm 14

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01696

Trang 2/1

Môn Học : Anh văn kỹ thuật (207300) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 07/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV333

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10138014	LÊ DUY THÁI	DH10TD			8	5	3	4.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11153029	LÊ DUY THANH	DH11CD			9	9	8	8.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	09118016	ĐÀO NHẬT THÀNH	DH09CK							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11154058	LÊ VĂN THÀNH	DH11OT			7	7	5	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10153039	HÀ LÊ THÂN	DH10CD			7	4	2	3.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11138016	NGUYỄN LÊ HOÀNG	DH11CD			9	8	5	8.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12118006	NGUYỄN VĂN TRỌNG	DH12CK			8	5	4	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11154053	HUỖNH THANH TÙNG	DH11OT			8	6	5	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	08137009	NGUYỄN THANH TÙNG	DH08NL							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	09153033	NGUYỄN NHƯ LONG	DH09CD			9	8	5	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11119003	NGUYỄN THỊ KIM	DH11CC			9	9	7	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 22; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 01 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01697

Trang 1/1

Môn Học : Anh văn kỹ thuật (207300) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 11/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV337

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12138027	LƯƠNG THẾ ANH	DH12TD		<i>At</i>	2	1,5	4	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12138009	NGÔ HOÀNG	DH12TD		<i>Ngô</i>	1,4	0,8	2,9	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12138011	NGÔ NHẬT	DH12TD		<i>Ngô</i>	1,4	0,5	2,1	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11344001	NGUYỄN VIỆT	CD11CI		<i>Ngô</i>	0,6	0,5	1	2,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12138010	TRẦN ĐỨC	DH12TD		<i>Trần</i>	1,4	0,4	2,2	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12138017	TRẦN ĐỨC	DH12TD		<i>Trần</i>	1,2	0,4	1,6	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12138032	NGUYỄN QUỐC	DH12TD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154059	NGUYỄN HOÀNG	DH12OT		<i>Ngô</i>	1,2	1,1	4	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154056	LÂM HỮU	DH12OT		<i>Ngô</i>	0,4	0,2	0,5	1,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153059	HỒ ANH	DH12CD		<i>Ngô</i>	2	1,2	3,9	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12137012	NGUYỄN VĂN	DH12NL		<i>Ngô</i>	1,4	0,5	2,1	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12138117	NGUYỄN VĂN	DH12TD		<i>Ngô</i>	1,4	0,5	2,9	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154082	NGUYỄN THANH	DH12OT		<i>Ngô</i>	1,6	0,7	2,5	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11154033	NGUYỄN VĂN	DH11OT		<i>Ngô</i>	1,6	1,1	2,7	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11154007	ĐẶNG MINH	DH11OT		<i>Ngô</i>	1,4	0,7	1,9	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	08138005	GIANG THANH	DH08TD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11154035	LÊ HUY	DH11OT		<i>Ngô</i>	1,4	0,9	3,1	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12344048	NHỮ VĂN	CD12CI		<i>Ngô</i>	1,4	0,5	0,7	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Ngô Thị Hồng Diệp
TS. Nguyễn Huy Bích

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

TS. Nguyễn Huy Bích

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngô Thị Hồng Diệp

Ngày 14 tháng 01 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01697

Trang 2/1

Môn Học : Anh văn kỹ thuật (207300) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 11/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV337

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12137019	PHAN VĂN LINH	DH12NL		<i>Linh</i>	1,2	0,6	1,5	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12138072	DƯƠNG VĂN LỘC	DH12TD		<i>Loc</i>	1,4	1	2,5	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11154060	ĐOÀN THẾ LUÂN	DH11OT		<i>Th</i>	2	0,6	2,9	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11154009	ĐINH CÔNG LỰC	DH11OT		<i>Luc</i>	1,6	0,4	2,7	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	08118013	NGÔ VĂN NGHĨA	DH08CK		<i>Ng</i>	1,2	1	3,6	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11154047	NGUYỄN LÊ DUY PHÁT	DH11OT		<i>Phat</i>	2	1	4,7	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12344103	PHAM VĂN PHÁT	CD12CI		<i>Ph</i>	1,4	0,9	2,7	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12153120	MAI TUÂN PHONG	DH12CD		<i>Phong</i>	1,6	0,4	3,3	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12153125	ĐỖ BÁ QUANG	DH12CD		<i>Quang</i>	1,6	1	3,5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12153070	VÕ HIỀN QUÂN	DH12CD		<i>Hien</i>	1,4	0,5	1,7	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11154013	NGÔ VĂN QUYẾT	DH11OT		<i>Quy</i>	1,8	0,8	5,4	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12138067	NGUYỄN THÀNH TÂM	DH12TD		<i>Tam</i>	0,8	0,2	2,1	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11154025	TRẦN NHẬT TÂN	DH11OT		<i>Tan</i>	1,2	0,3	2	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11154019	TRƯƠNG HỮU THIÊN	DH11OT		<i>Thien</i>	1,6	0,8	1,6	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11154031	NGUYỄN CHÍ TRAI	DH11OT		<i>Trai</i>	1,4	0,7	2,1	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11154021	ĐẶNG QUỐC TRÍ	DH11OT		<i>Tri</i>	1,6	0,8	2,3	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11154034	ĐINH QUỐC TRUNG	DH11OT		<i>Trung</i>	1,6	1,1	4,1	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12137003	LÊ THÀNH TRUNG	DH12NL		<i>Trung</i>	1,6	1,2	2	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Văn Hùng
Nguyễn Thị Hồng

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)

Nguyễn Huy Bích
TS. Nguyễn Huy Bích

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Văn Hùng
Nguyễn Thị Hồng

Ngày 14 tháng 01 năm 2014

Trang 3/1

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

Số bài: ; Số tờ:
 Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
 Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
 Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và
 đã nhân trong số

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Ngày 14 tháng 01 năm 2014

TS. Nguyễn Huy Bích

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01704

Trang 1/1

Môn Học : Máy nông nghiệp (207319) - Số Tín Chỉ: 4

Ngày Thi : 17/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD403

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11344002	NGUYỄN THANH AN	CD11CI	2	<i>AN</i>	0,8	1,7	3,6	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11344001	NGUYỄN VIỆT ANH	CD11CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10344033	DƯƠNG KỲ	CD10CI	1	<i>KỲ</i>	0,7	1,1	2,2	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11344004	ĐOÀN VŨ THIÊN	CD11CI	1	<i>THIÊN</i>	0,9	2,3	3,7	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11344055	NGUYỄN THANH BÌNH	CD11CI	1	<i>BÌNH</i>	0,7	1,6	0,7	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	08137010	TRƯƠNG BÀ DUY	CD11CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11344022	NGUYỄN HOÀNG ĐIẾP	CD11CI	2	<i>ĐIẾP</i>	0,7	1,6	2,3	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11344017	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	CD11CI	1	<i>ĐỨC</i>	0,8	1,8	2,6	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11344024	ĐINH VĂN HẢI	CD11CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11344013	PHAN NGUYỄN PHÚC HẬU	CD11CI			0,6	0		0,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11344021	NGUYỄN THỊ HOA	CD11CI	1	<i>HOA</i>	0,8	1,6	2,2	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11344020	TRẦN VĂN HỒ	CD11CI	1	<i>HỒ</i>	0,6	1,2	2,2	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10344008	NGUYỄN THANH HUY	CD10CI	2	<i>HUY</i>	0,7	1,7	2,3	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11344027	NGUYỄN HOÀNG XUÂN KHANG	CD11CI	1	<i>XUÂN KHANG</i>	0,8	1,8	2,3	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11344026	QUANG ĐAI KHẨM	CD11CI	1	<i>KHẨM</i>	0,6	1,4	0,6	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11344028	VÕ NGỌC LAM	CD11CI	1	<i>LAM</i>	1	1,7	4,2	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12344054	LÊ VĂN LINH	CD12CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11344060	NGUYỄN XUÂN THẮNG LỢI	CD11CI	1	<i>LỢI</i>	0,9	1,9	2,8	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 54; Số tờ: 40

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Kel Hong Kien Dung
Trần Hồng Kiên Dũng

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

TS. Nguyễn Huy Bích

Cán bộ chấm thi 1&2

Kel Hong Kien Dung
Trần Hồng Kiên Dũng

Ngày 20 tháng 01 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01704

Trang 2/1

Môn Học : Máy nông nghiệp (207319) - Số Tín Chỉ : 4

Ngày Thi : 17/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD403

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11344061	HÀ TÂN	LƯC	CD11CI	1	0,8	1,7	2,2	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11344057	TRẦN QUANG	MÃN	CD11CI	1	0,6	1,1	0,4	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11344034	TRẦN HOÀNG	MỸ	CD11CI	2	0,7	1,8	4,1	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11344035	NGUYỄN KHOA	NAM	CD11CI	1	0,6	0,8	1,1	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11344048	LÊ VĂN	NGOÂN	CD11CI	1	0,9	2	1,6	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11344030	LÊ MINH	NHÂN	CD11CI	1	0,8	1,6	2,2	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11344066	LÊ TÂN	PHÁT	CD11CI	1	0,8	1,6	3,4	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11344037	VÕ PHI	PHỤNG	CD11CI	1	0,8	1,6	2,7	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11344038	LÂM TUẤN	QUANG	CD11CI	1	0,8	1,8	2,4	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11344065	PHẠM QUỐC	SINH	CD11CI	1	0,8	1,8	3,8	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11344067	NGUYỄN TÂN	TÀI	CD11CI	1	0,9	1,8	3	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12344113	VŨ THIÊN	TÂM	CD12CI	1	0,8	1,5	0,3	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11344041	NGUYỄN VĂN	THẢO	CD11CI	1	0,7	1,4	2,6	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11344036	ĐỖ VĂN	THĂNG	CD11CI	1	0,6	1,1	1,3	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11344049	LÂM HÒA	THUẬN	CD11CI	1	0,6	1,7	2,4	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	10344071	DƯƠNG VŨ MINH	TIẾN	CD10CI	1	0,4	0	0,4	0,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11344054	NGUYỄN HOÀNG	TRUNG	CD11CI	2	0,7	1,4	3,2	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11344059	TRẦN QUANG	TRƯỜNG	CD11CI	1	0,9	1,8	2,6	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 34; Số tờ: 40

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Văn Dũng
Nguyễn Văn Dũng

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

TS. Nguyễn Huy Bích

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Văn Dũng
Nguyễn Văn Dũng

Ngày 20 tháng 01 năm 2014

Trang 3/1

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

Số bài: 34; Số tờ: 40

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Ngày 20 tháng 01 năm 2014

¹S. Nguyễn Huy Bích

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01705

Trang 1/1

Môn Học : Kỹ thuật lạnh thực phẩm (207403) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 12/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD404

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10137001	BÙI THỊ TRÂM ANH	DH10NL		<i>[Signature]</i>	9.5	8	9.5	9.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10137061	NGUYỄN NGỌC BÁCH	DH10NL		<i>[Signature]</i>	9	4	8.5	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10137037	NGUYỄN THỊ HỒNG CHÂU	DH10NL		<i>[Signature]</i>	9	7	7	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10137031	ĐỖ VIỆT ĐÌNH	DH10NL		<i>[Signature]</i>	8	8.5	7.5	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10137033	NGUYỄN DUY ĐOAN	DH10NL		<i>[Signature]</i>	9	8.5	6.5	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10137052	TRẦN LÊ GIANG	DH10NL		<i>[Signature]</i>	9	6.5	7	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10137017	NGUYỄN MINH HÀ	DH10NL		<i>[Signature]</i>	10	9	8	8.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10137076	MAI THANH HIỀN	DH10NL		<i>[Signature]</i>	9.5	8.5	9	9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	09137004	NGUYỄN VŨ HIỆP	DH09NL		<i>[Signature]</i>	9	7	6.0	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10137002	THÁI NGUYỄN NGỌC HÒA	DH10NL		<i>[Signature]</i>	8.5	3	6.5	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10137019	VÕ THẾ HOÀNG	DH10NL		<i>[Signature]</i>	9	8	9	8.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10137053	TRẦN THANH HUY	DH10NL		<i>[Signature]</i>	9	6	8.5	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10137004	ĐỒNG PHÚC LỘC	DH10NL							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10137005	VÕ VĂN LỢI	DH10NL		<i>[Signature]</i>	9	6	7	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10137018	HỒ TRÍ LUẬN	DH10NL		<i>[Signature]</i>	9	6	6.5	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10137023	HOÀNG ĐĂNG NAM	DH10NL		<i>[Signature]</i>	9	7	8.5	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10137066	LÊ A NĂM	DH10NL		<i>[Signature]</i>	8.5	7	8	7.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10137048	NGÔ HỮU NGHĨA	DH10NL		<i>[Signature]</i>	8	2	6	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 2; Số tờ: 2

Lưu ý: Đ1, Đ2. Điểm thành phần 1,2.

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature] N.V. Kiep
[Signature] Phan Minh Thien

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

[Signature] Vương Đình Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature]

Ngày 7 tháng 2 năm 14

Trang 2/1

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

Số bài: 26 ; Số từ: 22
 Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2
 Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
 Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
 đã nhân trong số

Trần N. V. Kiệp
Hà Phan Minh Hải

Ng. Văn Đức Bảnh

Ngày 7 tháng 7 năm 1964

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01706

Trang 1/1

Môn Học : Kỹ thuật lạnh thực phẩm (207403) - Số Tin Chì: 2

Ngày Thi : 12/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD501

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10137009	LÊ THẾ QUAN	DH10NL		Quan	8.5	7.5	8.5	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10137010	VŨ ĐÌNH QUANG	DH10NL		Quang	8.5	8.5	8.5	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10137027	NGUYỄN VĂN SANG	DH10NL		Sang	8.5	9	8.5	8.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10137065	LÊ ANH SON	DH10NL		Son	9	8	8	8.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10137011	NGUYỄN THẾ TÀI	DH10NL		Tai	8.5	8	9	8.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10137067	HOÀNG THỊ KIM THANH	DH10NL		Thanh	9	6.5	8.5	8.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10137057	NGUYỄN DUY THÀNH	DH10NL		Thành	9	6.5	7.5	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10137029	NGUYỄN TĂNG THÀNH	DH10NL		Thành	8	5	8.5	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10137030	MAI VĂN THUẬN	DH10NL		Thuận	8.5	6.5	7	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10137013	NGUYỄN THỊ CẨM TIỀN	DH10NL		Cam	8.5	8.5	7	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10137074	BÙI VĂN TÌNH	DH10NL		Tinh	9	8	9	8.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10137014	PHAN CHÍ TOÀN	DH10NL		Toàn	9	7.5	9	8.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10137025	NGUYỄN NHẬT TRIỀU	DH10NL		Triều	8.5	6	7.5	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10137072	NGUYỄN THÀNH TRUNG	DH10NL		Trung		3	6.5	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10137016	NGUYỄN TÂN TRƯNG	DH10NL		Tan	8.5	8	6.5	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10137063	TRẦN THANH TRƯỜNG	DH10NL		Truong	8	9	5	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10137069	VŨ MINH TUẤN	DH10NL		Tuan	9	7	8.5	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10137081	ĐÌNH QUỐC TUẤN	DH10NL		Tuan	9	5	6	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Vũ Đình Bằng
Đặng Trung Nam

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Vũ Đình Bằng

Cán bộ chấm thi 1&2

Bùi

Ngày 7 tháng 2 năm 14

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01707

Trang 1/1

Môn Học : Kỹ thuật điều hòa không khí (207404) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 16/01/14

Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD105

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10137001	BÙI THỊ TRÂM ANH	DH10NL		<i>[Signature]</i>	8,5	9	7,5	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10137061	NGUYỄN NGỌC BÁCH	DH10NL		<i>[Signature]</i>	6	6	4	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10137084	NGUYỄN THIẾU BIẾT	DH10NL		<i>[Signature]</i>	8	8	5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10137037	NGUYỄN THỊ HỒNG CHÂU	DH10NL		<i>[Signature]</i>	9	7,5	7	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10137031	ĐỖ VIỆT ĐÌNH	DH10NL		<i>[Signature]</i>	7	5	5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10137033	NGUYỄN DUY ĐOÀN	DH10NL		<i>[Signature]</i>	8	6	5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10137052	TRẦN LÊ GIANG	DH10NL		<i>[Signature]</i>	9	8	6,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10137017	NGUYỄN MINH HẠ	DH10NL		<i>[Signature]</i>	9	8	8	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	09137004	NGUYỄN VŨ HIỆP	DH09NL		<i>[Signature]</i>	8	8	3	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	09137003	LÝ VĂN HIẾU	DH09NL		<i>[Signature]</i>	7	7	5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10137002	THÁI NGUYỄN NGỌC HÒA	DH10NL		<i>[Signature]</i>	7	7	7	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	09137030	VŨ VĂN HOÀN	DH09NL		<i>[Signature]</i>	6	6	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10137019	MỖ THẾ HOÀNG	DH10NL		<i>[Signature]</i>	6	6	4	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10137053	TRẦN THANH HUY	DH10NL		<i>[Signature]</i>	8,5	8	6	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10137004	ĐỒNG PHÚC LỘC	DH10NL		<i>[Signature]</i>	-	-	-	-	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10137018	HỖ TRÍ LUÂN	DH10NL		<i>[Signature]</i>	8	8	8	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	09137036	HUỖNH THẾ LUÂN	DH09NL		<i>[Signature]</i>	7	7	5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10137023	HOÀNG ĐĂNG NAM	DH10NL		<i>[Signature]</i>	8	7	3	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature]
[Signature]

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

[Signature]

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature]

Ngày 3 tháng 01 năm 2014

Trang 2/1

Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

Ngày 3 tháng 07 năm 2018

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01708

Trang 1/1

Môn Học : Kỹ thuật điều hòa không khí (207404) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD106

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10137008	NGUYỄN THÀNH PHÂN	DH10NL		<i>Thân</i>	7	6	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10137042	NGUYỄN HỒNG PHONG	DH10NL		<i>phong</i>	7	6	5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10137047	LÊ HOÀNG PHÚC	DH10NL		<i>phúc</i>	7	7	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10137009	LÊ THẾ QUAN	DH10NL		<i>Quynh</i>	8	8	4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10137010	VŨ ĐÌNH QUANG	DH10NL		<i>Quynh</i>	7	7	5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10137027	NGUYỄN VĂN SANG	DH10NL		<i>Quynh</i>	8,5	8	8	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10137065	LÊ ANH SƠN	DH10NL		<i>Thân</i>	8	7	6	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10137011	NGUYỄN THẾ TÀI	DH10NL		<i>tai</i>	8	7	7	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10137067	HOÀNG THỊ KIM THANH	DH10NL		<i>Thanh</i>	9	8,5	8,5	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10137057	NGUYỄN DUY THÀNH	DH10NL		<i>Thân</i>	8	8	8	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10137029	NGUYỄN TĂNG THÀNH	DH10NL		<i>Thân</i>	6	6	1	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	09137045	NGUYỄN NGỌC THIÊN	DH09NL		<i>Thân</i>	7	6	1	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10137030	MAI VĂN THUẬN	DH10NL		<i>Thân</i>	8	7	8	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10137013	NGUYỄN THỊ CẨM TIỀN	DH10NL		<i>Thân</i>	6	7	6	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10137074	BÙI VĂN TÌNH	DH10NL		<i>Thân</i>	8	8	7,5	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10137014	PHAN CHÍ TOÀN	DH10NL		<i>Thân</i>	8	8	8	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10137025	NGUYỄN NHẬT TRIỀU	DH10NL		<i>Thân</i>	7	5	5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10137016	NGUYỄN TÂN TRƯNG	DH10NL		<i>Thân</i>	7	6	6	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ;
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 182

N. Huyền Tâm
Vũ Văn Xích Xích

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Vương Đình Bằng

Cán bộ chấm thi 182

Sam Ng. Huyền Tâm

Ngày 3 tháng 01 năm 2014

Trang 2/1

Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

41

Ngày 3 tháng 04 năm 2014

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trong số

N. Hưng Tâm
✓ B. Lê Xích Lộc

Vũ Công Đình Bổng

Can bộ chấm thi 18/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Đồ án thiết bị sấy - 01-207415

CBGD: Nguyễn Hùng Tâm (316)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10137001	BÙI THỊ TRÂM ANH	DH10NL			10	10	9	9.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10137084	NGUYỄN THIẾU BIẾT	DH10NL			9	9	8	8.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10137052	TRẦN LÊ GIANG	DH10NL			9	9	8.5	8.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10137017	NGUYỄN MINH HA	DH10NL			9	9	9	9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10137076	MAI THANH HIỀN	DH10NL			10	9	9	9.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10137002	THÁI NGUYỄN NGỌC HÒA	DH10NL			9	8	9	8.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10137053	TRẦN THANH HUY	DH10NL			9	8.5	8.5	8.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10137048	NGÔ HỮU NGHĨA	DH10NL			10	10	9	9.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10137006	PHAN VÕ TRUNG NGHĨA	DH10NL			10	10	10	10.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10137026	VÕ ĐỨC NGHĨA	DH10NL			10	10	10	10.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10137047	LÊ HOÀNG PHÚC	DH10NL			9	8	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10137010	VŨ ĐÌNH QUANG	DH10NL			9	8	8	8.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10137027	NGUYỄN VĂN SANG	DH10NL			10	10	9	9.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10137065	LÊ ANH SƠN	DH10NL			8	8	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10137057	NGUYỄN DUY THÀNH	DH10NL			9	9	8.5	8.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10137013	NGUYỄN THỊ CẨM TIỀN	DH10NL			9	8.5	8.5	8.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10137016	NGUYỄN TẤN TRÚNG	DH10NL			9	8	8.5	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10137063	TRẦN THANH TRƯỜNG	DH10NL			9	8.5	8.5	8.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Nguyễn Văn Tâm
Nguyễn Văn Tâm

Vương Đình Bảo

Nguyễn Văn Tâm
Nguyễn Văn Tâm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 05440

Trang 1/1

Môn Học : Thực tập sản xuất - 01-207418

CBGD: Lê Quang Giảng (441)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10137001	BÙI THỊ TRÂM ANH	DH10NL						9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10137061	NGUYỄN NGỌC BÁCH	DH10NL						8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10137084	NGUYỄN THIỀU BIẾT	DH10NL						8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10137037	NGUYỄN THỊ HỒNG CHÂU	DH10NL						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10137033	NGUYỄN DUY ĐOAN	DH10NL						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10137052	TRẦN LỆ GIANG	DH10NL						9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10137017	NGUYỄN MINH HA	DH10NL						9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10137076	MAI THANH HIỀN	DH10NL						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10137002	THÁI NGUYỄN NGỌC HÒA	DH10NL						8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10137019	VÕ THẾ HOÀNG	DH10NL						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10137053	TRẦN THANH HUY	DH10NL						8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10137004	ĐỒNG PHÚC LỘC	DH10NL						9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10137005	VÕ VĂN LỢI	DH10NL						9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10137018	HỒ TRÍ LUÂN	DH10NL						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10137023	HOÀNG ĐĂNG NAM	DH10NL						8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10137066	LÂU A NĂM	DH10NL						9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10137048	NGÔ HỮU NGHĨA	DH10NL						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10137006	PHAN VÕ TRUNG NGHĨA	DH10NL						9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 20 tháng 1 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 05440

Trang 2/1

Môn Học : Thực tập sản xuất - 01-207418

CBGD: Lê Quang Giảng (441)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10137026	VÕ ĐỨC NGHĨA	DH10NL						9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10137008	NGUYỄN THÀNH PHÂN	DH10NL						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10137042	NGUYỄN HỒNG PHONG	DH10NL						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10137047	LÊ HOÀNG PHÚC	DH10NL						8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10137009	LÊ THẾ QUAN	DH10NL						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10137010	VŨ ĐÌNH QUANG	DH10NL						9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10137027	NGUYỄN VĂN SANG	DH10NL						9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10137065	LÊ ANH SƠN	DH10NL						8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10137011	NGUYỄN THẾ TÀI	DH10NL						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10137067	HOÀNG THỊ KIM THANH	DH10NL						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10137057	NGUYỄN DUY THÀNH	DH10NL						8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	10137029	NGUYỄN TĂNG THÀNH	DH10NL						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	10137030	MAI VĂN THUẬN	DH10NL						9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	10137013	NGUYỄN THỊ CẨM TIẾN	DH10NL						9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	10137074	BÙI VĂN TÌNH	DH10NL						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	10137014	PHAN CHỈ TOÀN	DH10NL						9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	09137015	PHAN NGỌC TRI	DH09NL						9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	10137072	NGUYỄN THÁNH TRUNG	DH10NL						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2.

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 10 tháng 1 năm 2014

(Chữ ký)

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

CBGD: Lê Quang Giảng (441)

Số bài: ; Số tờ:
 Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
 Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
 Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và
 đã nhân trong số

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Ngày 18 tháng 1 năm 2016

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01713

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật đo lường, cảm biến (207503) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 14/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD101

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số lời	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (Đ1+Đ2)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11153006	HUỖNH VŨ AN	DH11CD			8		5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11153012	BÙI THÁI CHINH	DH11CD			8		5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09153001	TRẦN SỸ CƯỜNG	DH09CD			8		5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11138013	TRẦN MẠNH CƯỜNG	DH11CD			8		5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10154004	LÊ QUỐC DŨNG	DH10OT			9		5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11153001	NGUYỄN ĐỨC DUY	DH11CD			8		5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11153038	LÊ HẢI ĐĂNG	DH11CD			8		5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11153016	TRẦN THANH HIẾU	DH11CD			0		5	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11137002	LÊ NGỌC ĐỨC	DH11CD			8		10	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11153026	PHAN TRUNG HẬU	DH11CD			8	8	8	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12138046	NGUYỄN THẾ HIẾN	DH12TD			8		6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11153021	NGUYỄN VĂN HÒA	DH11CD			8		5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11153007	UNG MINH HOAN	DH11CD			8		7	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	09138028	NGUYỄN MẠNH HOÀN	DH09TD			8	2	2	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11153017	NGUYỄN VĂN HÙNG	DH11CD			8		5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12138053	VŨ QUANG HÙNG	DH12TD			8		6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	09153007	NGUYỄN VĂN HUỖNH	DH09CD			0		3	2,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11137008	ĐẶNG PHÚC LỘC	DH11CD			7	2	2	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01713

Trang 2/1

Môn Học : Kỹ thuật đo lường, cảm biến (207503) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 14/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD101

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11153036	NGUYỄN HỮU LUÂN	DH11CD			8		7	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	08154017	SÂN SỬU	DH08OT			0		0	0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11138009	PHAM MINH LÝ	DH11CD			8	5	5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11153027	BÙI CÔNG NAM	DH11CD			8	3	3	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	07153064	NGUYỄN VĂN NGHĨ	DH08CD			8	3	3	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11153008	NGUYỄN ĐÌNH NHƠN	DH11CD			8	3	3	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11137001	NGUYỄN MINH PHÁT	DH11CD			9	5	5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10154061	HỒ TẤN PHONG	DH10OT			8	5	5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01714

Trang 1/1

Môn Học : Kỹ thuật đo lường, cảm biến (207503) - Số Tín Chỉ : 3

Ngày Thi : 14/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD102

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08153034	LÊ HỒNG PHONG	DH08CD		<i>[Signature]</i>	9		2	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11153009	VÕ MINH PHƯƠNG	DH11CD		<i>[Signature]</i>	8		5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	08153021	TRẦN THANH QUẤT	DH08CD		<i>[Signature]</i>	8		6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11138004	DƯƠNG PHƯỚC PHÚ	DH11CD		<i>[Signature]</i>	8		7	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10153030	NGUYỄN VĂN QUỲNH	DH10CD		<i>[Signature]</i>	9		6	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	09138013	NGUYỄN VĂN TÀI	DH09TD		<i>[Signature]</i>	8		6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10153033	NGUYỄN TƯỜNG TAM	DH10CD		<i>[Signature]</i>	8		6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11153013	LÊ VĂN TÂM	DH11CD		<i>[Signature]</i>	8		10	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10153069	LÊ VĂN TÂN	DH10CD		<i>[Signature]</i>	8		7	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11153032	PHẠM CÔNG TÂN	DH11CD		<i>[Signature]</i>	8		7	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154178	PHAN QUỐC THÁI	DH12OT		<i>[Signature]</i>	8		3	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11153029	LÊ DUY THANH	DH11CD		<i>[Signature]</i>	8		9	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	09154095	TRẦN HUY THÀNH	DH09OT		<i>[Signature]</i>	8		3	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11153037	PHAN HIỀN THẢO	DH11CD		<i>[Signature]</i>	9		9	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10153039	HÀ LÊ THÂN	DH10CD		<i>[Signature]</i>	7		4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11138016	NGUYỄN LÊ HOÀNG THÔNG	DH11CD		<i>[Signature]</i>	8		6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10153046	LÊ VĂN THƯƠNG	DH10CD		<i>[Signature]</i>	8		3	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11153028	HUỲNH NGỌC TIẾN	DH11CD		<i>[Signature]</i>	7		6	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature]
[Signature]

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

[Signature]
[Signature]

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature]
[Signature]

Ngày tháng năm

Trang 2/1

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 1

Số bài: ; Số tờ:
 Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
 Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
 Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và
 đã nhân trong số

Đang Trung Nam
Đào Duy Vinh

Andy Leung

Trần Thị Kim Ngân
Lão Đại Việt

Ngày tháng năm

Trang 1/1

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

Số bài: 8; Số từ: 8.
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thứ: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trong số

Ngày 13 tháng 01 năm 2019

Ngày 10/10/2023
 Giảng viên: Nguyễn Thị Ngọc Anh

(Quản lý môn học)

Vũ Ngọc Bích

Nguyễn Hoàng Anh
Đào Duy Việt

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01727

Trang 1/1

Môn Học : Kỹ thuật lập trình (207605) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 15/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi TV201

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (80%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11153006	HUỖNH VŨ AN	DH11CD		<i>[Signature]</i>	8	8	3	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154223	LÊ CÔNG TUÂN	DH12OT		<i>[Signature]</i>	4	4	2	2.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	08154046	NGUYỄN HUY	DH08OT		<i>[Signature]</i>	✓	✓		<i>[Signature]</i>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11153012	BÙI THÁI CHINH	DH11CD		<i>[Signature]</i>	5	5	4	4.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154051	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC	DH12OT		<i>[Signature]</i>	7	7	2	3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154225	LÊ MINH CƯỜNG	DH12OT		<i>[Signature]</i>	5	5	2	2.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	09153043	NGUYỄN TÂN CƯỜNG	DH09CD		<i>[Signature]</i>	8	8	7	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11138013	TRẦN MẠNH CƯỜNG	DH11CD		<i>[Signature]</i>	5	5	8.5	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12136002	LÊ ĐỨC DUY	DH12TD		<i>[Signature]</i>	2	2	5	4.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154094	ĐẶNG HẢI MINH	DH12OT		<i>[Signature]</i>	✓	✓	✓	<i>[Signature]</i>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11153018	ĐINH PHÚC ĐÀI	DH11CD		<i>[Signature]</i>	5	5	1.0	2.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154055	LÂM HỒNG ĐẠT	DH12OT		<i>[Signature]</i>	5	5	6	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154056	LÂM HỮU ĐẠT	DH12OT		<i>[Signature]</i>	6	6	1.0	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11118004	NGUYỄN MỘNG ĐẠT	DH11CC		<i>[Signature]</i>	4	4	4	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11153038	LÊ HẢI ĐĂNG	DH11CD		<i>[Signature]</i>	6	6	5	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11153016	TRẦN THANH HIỆU ĐẾ	DH11CD		<i>[Signature]</i>	8	8	5	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10153060	TRƯƠNG VĂN ĐIỀN	DH10CD		<i>[Signature]</i>	2	2	2	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10119019	MAI XUÂN ĐIỀU	DH10CC		<i>[Signature]</i>	8	8	6.5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 66 Số tờ: 66

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature] Nguyễn Khoa
[Signature] Trần Thị Kiều

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

[Signature] Trần Thị Kiều

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature] Nguyễn Khoa
[Signature] Trần Thị Kiều

Ngày 15 tháng 01 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01727

Trang 2/1

Môn Học : Kỹ thuật lập trình (207605) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 15/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi TV201

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12154085	LÊ ĐÌNH TRƯỜNG	GIANG	DH12OT	<i>Trần</i>	6	6	1.0	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12138046	NGUYỄN THẾ	HIẾN	DH12TD	<i>Trần</i>	2	2	3	2.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154222	LÊ QUANG	HÒA	DH12OT	<i>Trần</i>	8	8	3	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11153021	NGUYỄN VĂN	HÒA	DH11CD	<i>Trần</i>	8	8	5	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154084	LÊ NGỌC VINH	HUÂN	DH12OT		V	V	V	<i>Vinh</i>	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11118001	ĐÀO THANH	HUY	DH11CC	<i>Trần</i>	5	5	1.0	2.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	09153049	PHẠM XUÂN	HUY	DH09CD	<i>Trần</i>	8	8	4	5.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12154231	THÁI XUÂN	HUY	DH12OT	<i>Trần</i>	6	6	4	4.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11138008	HỒ VĂN	HƯNG	DH11CD		V	V	V	<i>Vinh</i>	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11119007	NGUYỄN PHƯỚC	HƯNG	DH11CC	<i>Trần</i>	5	5	4	4.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12154117	NGUYỄN DUY	KHANH	DH12OT		6	6	V	<i>Vinh</i>	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11137006	TRẦN VĂN	KHANH	DH11CC	<i>Trần</i>	3	3	3	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12154143	LƯU TÂN	KIỆT	DH12OT	<i>Trần</i>	7	7	2	3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11119001	NGUYỄN NGỌC	LÂM	DH11CC	<i>Trần</i>	5	5	2	2.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12154249	PHAN THÀNH	LÂM	DH12OT	<i>Trần</i>	6	6	2	3.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12154237	NGUYỄN CHÁNH	LÂN	DH12OT		V	6	V	<i>Vinh</i>	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11119008	HỒ TÀI	LINH	DH11CC	<i>Trần</i>	5	5	7	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	10119007	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	DH10CC	<i>Trần</i>	5	5	2	2.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 6.6 Số tờ: 6.6

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ;
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Khoa
Nguyễn Khoa

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Khoa

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Khoa
Nguyễn Khoa

Ngày 15 tháng 01 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01727

Trang 3/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật lập trình (207605) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 15/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi TV201

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11138005	HUYỀN THIÊN LỘC	DH11CD			2	2	V	Vùng	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11138009	PHAM MINH LÝ	DH11CD			8	8	7	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	10119027	VŨ TRUNG NGHĨA	DH10CC			8	8	V	Vùng	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12154146	PHAN TRUNG NHÂM	DH12OT			V	V	2	1.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12154138	MAI THÀNH NHÂN	DH12OT			4	4	4	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	10119010	PHAN THANH NHÂN	DH10CC			6	6	5	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12154152	NGUYỄN TÂN PHÁT	DH12OT			5	5	5	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11119013	QUÁCH ĐẠI HỒNG	DH11CC			3	3	2	2.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12154163	ĐÀO THANH PHƯỚC	DH12OT			6	6	2	3.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12154167	NGUYỄN VĂN QUẢ	DH12OT			7	7	4	4.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12154247	NGUYỄN CHÁNH QUANG	DH12OT			5	5	1.0	2.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12154164	TRẦN XUÂN QUANG	DH12OT			5	5	2	2.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	10138023	NGUYỄN TÂN QUÍ	DH10TD			4	4	5	4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12154235	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	DH12OT			4	4	2	2.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11119010	KIỀU VĂN THÁI	DH11CC			5	5	3	3.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	12154109	TRẦN QUỐC SƠN	DH12OT			7	7	2	3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	09138013	NGUYỄN VĂN TÀI	DH09TD			4	4	4	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	11153013	LÊ VĂN TÂM	DH11CD			8	8	9	8.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 66; Số tờ: 66

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature] Nguyễn Hoàng Khoa
[Signature] Đào Duy Vinh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

[Signature] Vương Đức Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature] Nguyễn Hoàng Khoa
[Signature] Đào Duy Vinh

Ngày 15 tháng 01 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01727

Trang 4/1

Môn Học : Kỹ thuật lập trình (207605) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 15/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi TV201

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	12154238	PHAN VĂN TÂM	DH12OT			V	V	V	Vàng	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	12154132	NGUYỄN MINH TÂN	DH12OT			5	5	2	2.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	11154025	TRẦN NHẬT TÂN	DH11OT			V	V	V	Vàng	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	12154246	NGUYỄN THÀNH TÂN	DH12OT			5	5	2	2.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	12154178	PHAN QUỐC THÁI	DH12OT			4	4	2	2.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	12154134	PHAN DUY THANH	DH12OT			7	7	2	3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	12154180	NGUYỄN VĂN THÀNH	DH12OT			4	4	5	4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	11118006	PHẠM TÂN THÀNH	DH11CC			5	5	1.0	2.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	12154021	TRẦN VĂN THẮNG	DH12OT			5	5	2	2.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	12154185	NGUYỄN VĂN THIÊN	DH12OT			4	4	2	2.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	11118007	LÊ SỸ THỊNH	DH11CC			4	4	2	2.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	12154187	NGUYỄN QUỐC THỊNH	DH12OT			5	5	2	2.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	09153076	TRẦN MINH THOẠI	DH09CD			7	7	2	3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	11118005	MAO THANH THUẬN	DH11CC			5	5	3	3.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	11153010	NGUYỄN QUỐC TOÀN	DH11CD			5	5	3	3.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	12154199	NGUYỄN THANH TÔNG	DH12OT			V	V	V	Vàng	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	10154049	DƯƠNG MẠNH TRÍ	DH10OT			V	V	V	Vàng	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	12138005	LÊ THÀNH TRUNG	DH12TD			2	2	3	2.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 66.....; Số tờ: 66.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Ng. Hùng Khoa
Ho. Duy Vinh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Vũ. Đức Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Ng. Hùng Khoa
Ho. Duy Vinh

Ngày 15 tháng 01 năm 2014

Trang 5/1

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

Số bài: 66; Số tờ: 66
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ;
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trong số

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Ngày 15 tháng 01 năm 2014

Nguyễn Khoa
Đào Duy Vĩ

(Quan lý môn học)

Đã Ng Đang Khác
no Đang Đang Đang

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01728

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : UD tin học trong TK và Đ.Khiến (207606) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 18/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD202

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11153006	HUỖNH VŨ AN	DH11CD		<i>Quat</i>	6	6	7	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10153001	NGUYỄN QUỐC ANH	DH10CD		<i>Lal</i>	6	7	9	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10153061	HỒ VĂN BÌNH	DH10CD		<i>Binh</i>	5	10	8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11153012	BÙI THÁI CHINH	DH11CD		<i>Chinh</i>	10	5	8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11138013	TRẦN MẠNH CUÔNG	DH11CD		<i>Tran</i>	4	8	7	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	09153002	VÕ VĂN CUÔNG	DH09CD		<i>Cuong</i>	0	0	7	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10153003	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	DH10CD		<i>Dung</i>	4	6	7	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11153001	NGUYỄN ĐỨC DUY	DH11CD		<i>Duy</i>	10	5	8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11153018	ĐÌNH PHÚC ĐÀI	DH11CD		<i>Dai</i>	4	5	8	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11153038	LÊ HẢI ĐĂNG	DH11CD		<i>Ha</i>	4	5	8	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11153016	TRẦN THANH HIỆU ĐỂ	DH11CD		<i>De</i>	8	9	9	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11137002	LÊ NGỌC ĐỨC	DH11CD		<i>Duc</i>	4	6	9	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11153026	PHAN TRUNG HẦU	DH11CD		<i>Hau</i>	4	5	8	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11153021	NGUYỄN VĂN HÒA	DH11CD		<i>Hoa</i>	4	6	9	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11153007	NGUYỄN MINH HOAN	DH11CD		<i>Hoan</i>	4	10	9	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	09153049	PHẠM XUÂN HUY	DH09CD		<i>Huy</i>	4	6	8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11153019	LÊ HOÀNG KHÁI	DH11CD		<i>Khai</i>	0	5	8	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	09153053	PHÙNG ĐĂNG KHOA	DH09CD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ

Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Kim Nga

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Dũng

Cán bộ chấm thi 1&2

Trần Thị Kim Nga

Bùi Duy Việt

Ngày tháng năm

Trang 2/1

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

Số bài:.....; Số từ:.....
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trong số

Ngày tháng năm

Aug Sat Out

Trên Thế Giới Ngà Đu
Đu Đu Đu Đu Đu

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01729

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : UD tin học trong TK và Đ.Khiến (207606) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 18/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD203

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11138005	HUỖNH THIÊN LỘC	DH11CD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11153036	NGUYỄN HỮU LUÂN	DH11CD			9	9	8	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09153014	HOÀNG THANH LƯC	DH09CD			9	5	8	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11138009	PHẠM MINH LÝ	DH11CD			5	5	9	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11153027	BÙI CÔNG NAM	DH11CD			4	5	7	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10153071	PHẠM KHÁ NGUYỄN	DH10CD			4	6	9	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11153008	NGUYỄN ĐÌNH NHON	DH11CD			5	8	8	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11137001	NGUYỄN MINH PHÁT	DH11CD			6	9	9	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	09153068	LÊ HOÀI PHONG	DH09CD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11153009	VÕ MINH PHƯƠNG	DH11CD			6	5	7	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	08153021	TRẦN THANH QUẤT	DH08CD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	09153023	NGUYỄN HÙNG SON	DH09CD			0	0	7	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10153033	NGUYỄN TƯỜNG TAM	DH10CD			4	5	8	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11153013	LÊ VĂN TÂM	DH11CD			7	9	9	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11153032	PHẠM CÔNG TÂN	DH11CD			4	5	8	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11153029	LÊ DUY THANH	DH11CD			4	5	9	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11153037	PHAN HIỀN THẢO	DH11CD			10	6	9	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10153040	PHAN CHÍ THIÊN	DH10CD			4	5	6	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Kim Ngân

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Dũng

Cán bộ chấm thi 1&2

Trần Thị Kim Ngân

Đỗ Duy Văn

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01729

Trang 2/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : UD tin học trong TK và Đ.Khiến (207606) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 18/01/14

Giờ thi: 12g15 - phút

Phòng thi RD203

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11153031	PHAN TRƯỜNG THỊNH	DH11CD			4	5	8	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10153044	PHAN CÔNG THỌ	DH10CD			4	6	7	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11138016	NGUYỄN LÊ HOÀNG THÔNG	DH11CD			4	6	9	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10153045	VÕ HUỖNH THUẬN	DH10CD			7	5	8	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10153046	LÊ VĂN THƯƠNG	DH10CD			4	5	8	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11153028	HUỖNH NGỌC TIẾN	DH11CD			10	10	9	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11118009	NGUYỄN THÁI TÌNH	DH11CD			6	5	7	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11153010	NGUYỄN QUỐC TOÀN	DH11CD			4	6	8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10153064	HOÀNG VĂN TRANG	DH10CD			10	8	8	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01730

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật ROBOT 2 (207609) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 07/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV302

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (50%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10153001	NGUYỄN QUỐC ANH	DH10CD	1	<i>anh</i>	8	9	4,5	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10153002	HOÀNG THANH BÌNH	DH10CD	1	<i>anh</i>	8	8	9	8.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10153061	HỒ VĂN BÌNH	DH10CD	1	<i>anh</i>	7	8.5	6.5	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	09153039	PHÙNG HUY BÌNH	DH09CD	1	<i>anh</i>	7	7	5.5	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10153085	NGUYỄN MINH CHÍNH	DH10CD	1	<i>anh</i>	8	9	5.5	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10153060	TRƯƠNG VĂN ĐIỀN	DH10CD	1	<i>anh</i>	8	8	4	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10153005	TRẦN ĐỨC ĐÔNG	DH10CD	2	<i>anh</i>	8	8	6	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10153006	HOÀNG VĂN ĐÔNG	DH10CD	2	<i>anh</i>	7	8.5	7	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10153007	NGUYỄN THÀNH ĐÔNG	DH10CD	1	<i>anh</i>	8	9	6	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10153062	ĐỖ VĂN ĐỨC	DH10CD	2	<i>anh</i>	8	9	9	8.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10153008	HOÀNG MINH ĐỨC	DH10CD	2	<i>anh</i>	8	8	8.5	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10153009	PHẠM HỮU ĐỨC	DH10CD	1	<i>anh</i>	8	8	5.5	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10153075	HUỖNH PHÚC HẬU	DH10CD	1	<i>anh</i>	8	9	8.5	8.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10153010	NGUYỄN MẠNH HẬU	DH10CD	1	<i>anh</i>	8	9	8.5	8.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10153011	NGUYỄN PHƯỚC HẬU	DH10CD	1	<i>anh</i>	8	8	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10153012	LÂM QUANG HIỀN	DH10CD	1	<i>anh</i>	8	8	9	8.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10153013	NGÔ HỮU HIẾU	DH10CD	1	<i>anh</i>	8	10	4.5	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10153014	TRẦN NHỰT HÒA	DH10CD	2	<i>anh</i>	8	10	7	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 9 tháng 1 năm 2014

Dương Trung Nam
Nguyễn Đăng Khoa

Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Văn Hùng
Nguyễn Tấn Phước

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01730

Trang 2/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật ROBOT 2 (207609) - Số Tín Chỉ : 3

Ngày Thi : 07/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV302

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (15%)	Đ2 (35%)	Điểm thi (50%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10153015	TRƯƠNG QUỐC HOÀI	DH10CD	1	<i>[Signature]</i>	8	9	8	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	09153007	NGUYỄN VĂN HUỠNH	DH09CD	1	<i>[Signature]</i>	7	7	4	5.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10153016	NGUYỄN NGỌC HƯNG	DH10CD	1	<i>[Signature]</i>	8	8	9	8.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	09153052	NGÔ VĂN KHÁNH	DH09CD	2	<i>[Signature]</i>	7	7	5	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10153017	NGUYỄN DUY KHÁNH	DH10CD	1	<i>[Signature]</i>	7	8.5	6	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10153019	NÔNG VĂN KHIÊM	DH10CD	1	<i>[Signature]</i>	8	8	5	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	09153053	PHÙNG ĐĂNG KHOA	DH09CD	1	<i>[Signature]</i>	8	8	6	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10153020	NGUYỄN TRUNG KIÊN	DH10CD	1	<i>[Signature]</i>	7.5	8	4	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10153068	ĐẶNG TRẦN HOÀI	DH10CD	1	<i>[Signature]</i>	7.5	8	7	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10153022	ĐOÀN VĂN LÔI	DH10CD	1	<i>[Signature]</i>	8	9	7	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10153023	NGUYỄN VĂN LY	DH10CD	1	<i>[Signature]</i>	8	9	8	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	10153056	HOÀNG VĂN MỸ	DH10CD	1	<i>[Signature]</i>	7	8.5	6	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	10153077	NGUYỄN THÀNH NAM	DH10CD	2	<i>[Signature]</i>	8	9	8.5	8.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	10153065	TRƯƠNG NGỌC HẢI	DH10CD	1	<i>[Signature]</i>	8	8	8.5	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	10153024	KHIU XUÂN NGỌC	DH10CD	1	<i>[Signature]</i>	8	9	5.5	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	10153071	PHẠM KHÁ NGUYỄN	DH10CD	2	<i>[Signature]</i>	8	9	8	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	10153025	VÕ VĂN NHÂN	DH10CD	1	<i>[Signature]</i>	8	9	8.5	8.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	10153026	PHẠM ĐỨC NHẬT	DH10CD	1	<i>[Signature]</i>	8	8	7.5	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 9 tháng 1 năm 2014

[Signature]
Đặng Trung Nam
Nguyễn Đăng Khoa

[Signature]
Trần Văn Hùng

[Signature]
Nguyễn Văn Hùng
Trần Văn Hùng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01730

Trang 3/1

Môn Học : Kỹ thuật ROBOT 2 (207609) - Số Tín Chỉ : 3

Ngày Thi : 07/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV302

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (1%)	Đ2 (2%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	1015302B	LÊ TRỌNG TẤN	PHÁT	DH10CD	2	8	9	8	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	0915306B	LÊ HOÀI	PHONG	DH09CD	1	8	9	4.5	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	10153029	BÙI ĐẮC	PHƯƠNG	DH10CD	2	8	9	8	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	10153030	NGUYỄN VĂN	QUYNH	DH10CD	1	7	7	7	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	10153032	PHAN VĂN	SÁNG	DH10CD	1	8	8	6.5	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	10153033	NGUYỄN TƯỜNG	TAM	DH10CD	1	8	9	5.5	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	10153034	HOÀNG SỸ MINH	TÂN	DH10CD	1	8	8	6	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	10153069	LÊ VĂN	TÂN	DH10CD	2	7.5	8	8.5	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	10153037	HÀ QUANG	THÁI	DH10CD	2	8	10	8.5	8.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	10153036	LÊ ĐỨC	THẢO	DH10CD	1	8	8	7	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	10153038	ĐOÀN TRẦN CAO	THẮNG	DH10CD	1	8	9	6	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	10153078	NGUYỄN CHỈ	THẮNG	DH10CD	1	8	9	8	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	10153040	PHAN CHỈ	THIỆN	DH10CD	2	8	9	9	8.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	10153042	NGUYỄN CÔNG	THỊNH	DH10CD	2	8	9	8	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	10153044	PHAN CÔNG	THỌ	DH10CD	1	8	10	8.5	8.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	10153045	VÕ HUỖNH	THUẬN	DH10CD	1	8	9	8	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	10153064	HOÀNG VĂN	TRANG	DH10CD	1	8	8	6	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	10153049	TÔ TÂN	TRỌNG	DH10CD	1	8	9	7	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 9 tháng 1 năm 2014

Đặng Trung Nam
Nguyễn Văn Khoa

Võ Văn Tuấn

Nguyễn Văn Hùng
Nguyễn Văn Phúc

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01730

Trang 4/1

Môn Học : Kỹ thuật ROBOT 2 (207609) - Số Tin Chì 3

Ngày Thi : 07/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV302

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	10153050	NGUYỄN NGỌC TRUNG	DH10CD	1	<i>[Signature]</i>	8	9	8,5	8.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	10153076	TRẦN THÁNH	DH10CD	2	<i>[Signature]</i>	8	9	8	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	10153083	TRẦN THIÊN	DH10CD	1	<i>[Signature]</i>	8	9	8	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	10153052	HUỖNH THANH	DH10CD	1	<i>[Signature]</i>	8	8	6	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	10153053	NGUYỄN THIÊN	DH10CD	1	<i>[Signature]</i>	7	8.5	7	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	10153088	VÕ BÉ	DH10CD	2	<i>[Signature]</i>	8	9	8	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	10153089	ĐOÀN TUẤN	DH10CD	1	<i>[Signature]</i>	8	9	8	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	10153054	NGUYỄN DUY	DH10CD	1	<i>[Signature]</i>	8	8	6,5	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature] *[Signature]*
Đặng Trung Nam
Nguyễn Đăng Khoa

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature] *[Signature]*
Nguyễn Văn Hùng
Nguyễn Tân Phúc

Ngày 9 tháng 1 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01732

Trang 1/1

Môn Học : Phương pháp số (207615) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 14/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD305

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12154022	BÙI NGỌC AN	DH12OT				8	5	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153022	VÕ CÔNG TUẤN	DH12CD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12153028	DƯƠNG GIA BẢO	DH12CD				8	5	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154026	VÕ QUANG BÌNH	DH12OT				8	5	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153001	TRẦN QUỐC BỬU	DH12CD				9	8	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153031	LÊ VĂN CÀNH	DH12CD				8	4.5	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153036	HỨA THANH CHUNG	DH12CD				8	5	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12153039	LƯƠNG HOÀNG CHƯƠng	DH12CD				8	0.5	2.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12153003	LAI VĂN CƯỜNG	DH12CD				8	6	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153041	NGUYỄN CHÍ CƯỜNG	DH12CD				8	4	5.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153053	DƯƠNG NGỌC ĐÀ	DH12CD				9	8	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154058	PHẠM TRỌNG ĐẠT	DH12OT				9	8.5	8.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153048	TRẦN VĂN ĐẠT	DH12CD				8	0.5	2.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12153065	TRẦN VĂN HÀNH	DH12CD				8	2.5	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153174	NGUYỄN KHẮC HÒA	DH12CD				9	7	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153080	NGUYỄN VĂN HÒA	DH12CD				8	4	5.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10153014	TRẦN NHỰT HÒA	DH10CD				8	6	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12153079	VÕ VĂN HUY HOÀNG	DH12CD				8	5.5	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 25.....; Số tờ: 25.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Đăng Khoa
Trần Trung Nam

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Vũ Tuấn Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Đăng Khoa
Nguyễn Văn Hùng

Ngày 22 tháng 01 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01732

Trang 2/1

Môn Học : Phương pháp số (207615) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 14/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD305

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12153108	NGUYỄN NHẬT HỒ	DH12CD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12153084	NGUYỄN HOÀNG HUY	DH12CD		<i>Huy</i>		8	5	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12153046	VŨ QUANG	DH12CD		<i>Quang</i>		8	6	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12153176	ĐOÀN TỐ HỮU	DH12CD		<i>Tổ Hữu</i>		9	8	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12153074	TRẦN TRỌNG KHIÊM	DH12CD		<i>Khiêm</i>		9	7	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12153089	NGUYỄN HOÀNG ANH	DH12CD		<i>Anh</i>		8	0.0	2.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12153090	NGUYỄN MINH KHOANH	DH12CD		<i>Khoanh</i>		9	8	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12153005	TRẦN MINH KHUÔNG	DH12CD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12153190	LÊ CÔNG MINH	DH12CD		<i>Công Minh</i>		8	0.5	2.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12153086	TRẦN ĐÌNH MINH	DH12CD		<i>Đình Minh</i>		8	5	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 2.5; Số tờ: 2.5

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Đình Khoa
Đặng Trung Nam

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Vũ Đình Dũng

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Đình Khoa
Nguyễn Văn Hùng

Ngày 22 tháng 01 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01733

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phương pháp số (207615) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 14/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi RD504

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (40%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10153056	HOÀNG VĂN MỸ	DH10CD		<i>my</i>		8	2.5	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153114	NGUYỄN HOÀI NHÂN	DH12CD		<i>thai</i>		9	9.5	9.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12153119	ĐỖ THÀNH PHÁT	DH12CD		<i>phat</i>		9	9.5	9.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	09153068	LÊ HOÀI PHONG	DH09CD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153128	LÊ HỒNG PHÚC	DH12CD		<i>phuc</i>		8	5	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153068	LÊ HOÀNG PHƯƠNG	DH12CD		<i>phuong</i>		8	5	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153070	VÕ HIỀN QUẢN	DH12CD		<i>hien</i>		8	4	5.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10154091	NGUYỄN DƯƠNG ĐỨC SANH	DH10OT		<i>san</i>		9	7.5	9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154174	LÊ TRẦN MINH TÂM	DH12OT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11154016	TRƯƠNG CHÍ TÂM	DH11OT		<i>tram</i>		9	9	9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153104	PHẠM VĂN TÂY	DH12CD		<i>tay</i>		8	4.5	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12153081	TRẦN ĐĂNG THÔNG	DH12CD		<i>thong</i>		8	5	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154179	TRẦN TRUNG THÀNH	DH12OT		<i>thanh</i>		8	2	3.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12153012	LÂM MINH THẮNG	DH12CD		<i>thang</i>		8	7	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153144	LƯU THẾ THẮNG	DH12CD		<i>thanh</i>		8	5	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153141	TRẦN NGỌC THẮNG	DH12CD		<i>thai</i>		8	0.5	2.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12153183	TRẦN THANH THOA	DH12CD		<i>thoa</i>		9	9	9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12153150	NGUYỄN DƯ TOÀN	DH12CD		<i>toan</i>		9	9.5	9.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 30; Số tờ: 30

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Kim Ngọc
Đào Duy Vinh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Vương Thị Hằng

Cán bộ chấm thi 1&2 * Ngày 22 tháng 01 năm 2010

Nguyễn Thị Hằng
Trần Thị Hằng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phương pháp số (207615) - Số Tin Chì: 2

Ngày Thi : 14/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi RD504

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12153151	PHẠM VĂN	TOÁN	DH12CD		8	1.5	3.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12118006	NGUYỄN VĂN	TRÔNG	DH12CK		9	100	9.7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12153199	ĐẶNG NHƯ	TRUNG	DH12CD						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12153156	NGÔ NHẬT	TRƯỜNG	DH12CD		9	100	9.7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10153083	TRẦN THIÊN	TRƯỜNG	DH10CD		9	85	8.7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12153014	CAO MINH	TÚ	DH12CD		9	7	7.6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12153157	NGUYỄN ANH	TUẤN	DH12CD		8	0.5	2.8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11154054	PHẠM NHƯ	VĂN	DH11OT		9	8	8.3		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12153165	NGUYỄN THANH	VĨ	DH12CD		8	5	5.9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12153160	PHẠM VĂN	VIỆN	DH12CD		8	5	5.9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11138011	HUỖNH MINH	VŨ	DH11CD		8	1.0	3.1		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	09153085	NGUYỄN PHONG	VŨ	DH09CD		8	1.0	3.1		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	09118020	NGUYỄN VĂN	VŨ	DH09CK		9	100	9.7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12153126	TRƯỜNG QUANG	VŨ	DH12CD		9	100	9.7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	10153054	NGUYỄN DUY	VƯƠNG	DH10CD		9	8.5	8.7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 30; Số tờ: 30

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2.
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Kim Nga
Đào Duy Vinh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Vũ Thị Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 01 năm 2014

Ngô Anna Khoa
N. V. Hùng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01734

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phương pháp số (207615) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 10/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD204

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12153025	TRẦN PHẠM TUẤN ANH	DH12CD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10154058	ĐẬU VĂN CÔNG	DH10DT	1	Công	9	8.5	6.5	7.35	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12137002	LÊ HÙNG	DH12NL	1	Hùng	9	9	4.5	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11138013	TRẦN MẠNH	DH11CD	1	Trần	9	9	7.5	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153042	NGÔ ANH DŨNG	DH12CD	1	Ngô	9	8	1.5	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10153003	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	DH10CD	1	Nguyễn	9	9	4.5	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153187	HỒ HỮU ĐẠT	DH12CD	1	Hồ	9	8	5.0	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12153167	TRƯƠNG PHÁT ĐẠT	DH12CD	1	Trương	9	8	6.0	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10154005	VƯƠNG TÂN ĐẠT	DH10DT	1	Vương	9	8.5	8.0	8.25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154148	NGUYỄN TRIỆU ĐÌNH	DH12OT	1	Nguyễn	9	7.5	5.5	6.45	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10153009	PHẠM HỮU ĐỨC	DH10CD	1	Phạm	9	9	4.5	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154215	BÙI ĐỨC GIANG	DH12OT	1	Bùi	9	8	6.0	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154226	KIỀU VĂN HÂN	DH12OT	1	Kiều	9	8	6.0	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154227	HỒ THANH HẬU	DH12OT	1	Hồ	9	8	7.0	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154112	NGUYỄN CÔNG HẬU	DH12OT	1	Nguyễn	9	7	2.5	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154092	NGUYỄN ĐỨC HIỀN	DH12OT	1	Nguyễn	9	8	8.5	8.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154104	ĐẶNG NGỌC HÒA	DH12OT	1	Đặng	9	8	7.0	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12153037	NGUYỄN AN HOÀI	DH12CD	1	Nguyễn	9	8	4.5	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 22; Số tờ: 33

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2.
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Ng Tân Phúc
Phạm Minh Hiền

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Trần Văn Hùng

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Tân Phúc
Đào Duy Vinh

Ngày 15 tháng 01 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01734

Trang 2/1

Môn Học : Phương pháp số (207615) - Số Tin Chì: 2

Ngày Thi : 10/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD204

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12154032	CAO VĂN HOAN	DH12OT	1	Hoan	9	7	3.5	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154102	TRẦN TUÂN	DH12OT	1	Hoang	9	7	2.0	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10154015	HỒ XUÂN	DH10OT	1	Th	9	8.5	6.5	7.35	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11154063	TRẦN HOÀNG	DH11OT	1	Huy	9	9	9.0	9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10154087	HOÀNG VĂN KHÁNH	DH10OT	1	Kh	9	8.5	8.5	8.55	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12137007	VŨ ĐÌNH LỊCH	DH12NL	1	Lịch	9	9	9.0	9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10119007	NGUYỄN ĐÌNH LONG	DH10CC	1	Long	9	9	2.5	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12153189	TA DUY	DH12CD	1	Duy	9	8	4.0	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12153106	BÙI VIỆT NAM	DH12CD	1	Vi	9	8	5.5	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10154071	NGUYỄN KHOA NAM	DH10OT	1	Khoa	9	9	5.5	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12154070	VŨ HỮU NGHĨA	DH12OT	1	Nghĩa	9	7	5.0	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	09137010	NGUYỄN ĐÌNH NGHIỆP	DH09NL	1	Nghiep	9	7.5	7.0	7.35	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	10154025	ĐOÀN ĐỨC NGUYỄN	DH10OT	1	Duc	9	9	10.0	9.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12153087	HỒ VĂN NHÂN	DH12CD	1	Nhan	9	5	5.0	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	10154027	PHAN XUÂN NHẬT	DH10OT	1	Nhat	9	9	10.0	9.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12153088	ĐẶNG HOÀNG NHIÊN	DH12CD	1	Nhan	9	8	10.0	9.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 37; Số tờ: 33

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Ngô Tân Phúc
Phạm Minh Hiền

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)

Nguyễn Tân Phúc

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Tân Phúc
Đào Duy Vinh

Ngày 15 tháng 01 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01735

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phương pháp số (207615) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 10/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD301

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11153008	NGUYỄN ĐÌNH NHON	DH11CD	1	Nhôn	9	9	8	8.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153112	ĐẶNG PHAN TẤN	DH12CD	1	Phan	9	8	3.5	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11137001	NGUYỄN MINH	DH11CD	1	Minh	9	9	10	9.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11154012	NGUYỄN THANH	DH11OT	1	Thanh	9	9	7	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154122	NGUYỄN XUÂN	DH12OT	1	Xuân	9	8	6.5	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12137054	BÙI VĂN	DH12NL	1	Văn	9	7.5	2.5	4.65	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11154014	NG NGOC	DH11OT	1	Ngoc	9	9	7.5	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154206	PHAM HÙNG	DH12OT	1	Hùng	9	7.5	5.5	6.45	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12153130	ĐỖ VĂN	DH12CD	✓	✓	✓	✓	✓	✓	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10153032	PHAN VĂN	DH10CD	1	Sang	9	9	1.0	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10154034	NGUYỄN PHƯỚC	DH10OT	1	Phước	9	8.5	5.5	6.75	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12137038	VÕ DUY	DH12NL	1	Duy	9	9	1.0	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11154043	TRẦN ĐỨC	DH11OT	1	Đức	9	9	1.5	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	09154090	NGUYỄN MINH	DH09OT	1	Minh	9	9	7.0	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153138	ĐOÀN VĂN	DH12CD	1	Văn	9	8	1.0	3.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154182	PHAN DUY	DH12OT	1	Duy	9	7.5	6.0	6.75	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12153145	TRƯƠNG	DH12CD	✓	✓	✓	✓	✓	✓	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154177	NGUYỄN THÀNH	DH12OT	1	Thành	9	7.5	5.5	6.45	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 24.....; Số tờ: 24.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Hồng Khoa

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Tuấn

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Tân Phúc
Đào Duy Vinh

Ngày 15 tháng 01 năm 2014

Trang 2/1

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 1

Số bài: 24; Số tờ: 24
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2.
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trong số

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Ngày 15 tháng 01 năm 2014

Khai Lê Văn Tiến
Đã Ngã Đông Khảo

23 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36 37 38 39 40 41 42 43 44 45 46 47 48 49 50 51 52 53 54 55 56 57 58 59 60 61 62 63 64 65 66 67 68 69 70 71 72 73 74 75 76 77 78 79 80 81 82 83 84 85 86 87 88 89 90 91 92 93 94 95 96 97 98 99 100 101 102 103 104 105 106 107 108 109 110 111 112 113 114 115 116 117 118 119 120 121 122 123 124 125 126 127 128 129 130 131 132 133 134 135 136 137 138 139 140 141 142 143 144 145 146 147 148 149 150 151 152 153 154 155 156 157 158 159 160 161 162 163 164 165 166 167 168 169 170 171 172 173 174 175 176 177 178 179 180 181 182 183 184 185 186 187 188 189 190 191 192 193 194 195 196 197 198 199 200 201 202 203 204 205 206 207 208 209 210 211 212 213 214 215 216 217 218 219 220 221 222 223 224 225 226 227 228 229 230 231 232 233 234 235 236 237 238 239 240 241 242 243 244 245 246 247 248 249 250 251 252 253 254 255 256 257 258 259 260 261 262 263 264 265 266 267 268 269 270 271 272 273 274 275 276 277 278 279 280 281 282 283 284 285 286 287 288 289 290 291 292 293 294 295 296 297 298 299 300 301 302 303 304 305 306 307 308 309 310 311 312 313 314 315 316 317 318 319 320 321 322 323 324 325 326 327 328 329 330 331 332 333 334 335 336 337 338 339 340 341 342 343 344 345 346 347 348 349 350 351 352 353 354 355 356 357 358 359 360 361 362 363 364 365 366 367 368 369 370 371 372 373 374 375 376 377 378 379 380 381 382 383 384 385 386 387 388 389 390 391 392 393 394 395 396 397 398 399 400 401 402 403 404 405 406 407 408 409 410 411 412 413 414 415 416 417 418 419 420 421 422 423 424 425 426 427 428 429 430 431 432 433 434 435 436 437 438 439 440 441 442 443 444 445 446 447 448 449 450 451 452 453 454 455 456 457 458 459 460 461 462 463 464 465 466 467 468 469 470 471 472 473 474 475 476 477 478 479 480 481 482 483 484 485 486 487 488 489 490 491 492 493 494 495 496 497 498 499 500 501 502 503 504 505 506 507 508 509 510 511 512 513 514 515 516 517 518 519 520 521 522 523 524 525 526 527 528 529 530 531 532 533 534 535 536 537 538 539 540 541 542 543 544 545 546 547 548 549 550 551 552 553 554 555 556 557 558 559 560 561 562 563 564 565 566 567 568 569 570 571 572 573 574 575 576 577 578 579 580 581 582 583 584 585 586 587 588 589 590 591 592 593 594 595 596 597 598 599 600 601 602 603 604 605 606 607 608 609 610 611 612 613 614 615 616 617 618 619 620 621 622 623 624 625 626 627 628 629 630 631 632 633 634 635 636 637 638 639 640 641 642 643 644 645 646 647 648 649 650 651 652 653 654 655 656 657 658 659 660 661 662 663 664 665 666 667 668 669 670 671 672 673 674 675 676 677 678 679 680 681 682 683 684 685 686 687 688 689 690 691 692 693 694 695 696 697 698 699 700 701 702 703 704 705 706 707 708 709 710 711 712 713 714 715 716 717 718 719 720 721 722 723 724 725 726 727 728 729 730 731 732 733 734 735 736 737 738 739 740 741 742 743 744 745 746 747 748 749 750 751 752 753 754 755 756 757 758 759 760 761 762 763 764 765 766 767 768 769 770 771 772 773 774 775 776 777 778 779 780 781 782 783 784 785 786 787 788 789 790 791 792 793 794 795 796 797 798 799 800 801 802 803 804 805 806 807 808 809 810 811 812 813 814 815 816 817 818 819 820 821 822 823 824 825 826 827 828 829 830 831 832 833 834 835 836 837 838 839 840 841 842 843 844 845 846 847 848 849 850 851 852 853 854 855 856 857 858 859 860 861 862 863 864 865 866 867 868 869 870 871 872 873 874 875 876 877 878 879 880 881 882 883 884 885 886 887 888 889 890 891 892 893 894 895 896 897 898 899 900 901 902 903 904 905 906 907 908 909 910 911 912 913 914 915 916 917 918 919 920 921 922 923 924 925 926 927 928 929 930 931 932 933 934 935 936 937 938 939 940 941 942 943 944 945 946 947 948 949 950 951 952 953 954 955 956 957 958 959 960 961 962 963 964 965 966 967 968 969 970 971 972 973 974 975 976 977 978 979 980 981 982 983 984 985 986 987 988 989 990 991 992 993 994 995 996 997 998 999 1000 1001 1002 1003 1004 1005 1006 1007 1008 1009 1010 1011 1012 1013 1014 1015 1016 1017 1018 1019 1020 1021 1022 1023 1024 1025 1026 1027 1028 1029 1030 1031 1032 1033 1034 1035 1036 1037 1038 1039 1040 1041 1042 1043 1044 1045 104

Tp Nguyễn Tân Phúc
m. Đào Duy Vinh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01736

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thiã kế hệ thống cơ điện tử (207616) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi :

08/01/14

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi RD301

Nhóm Thi :

Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10153002	HOÀNG THANH BÌNH	DH10CD		<i>[Signature]</i>	8	8	7.5	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10153061	HỒ VĂN BÌNH	DH10CD		<i>[Signature]</i>	7	8.5	6.0	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10153085	NGUYỄN MINH CHÍNH	DH10CD		<i>[Signature]</i>	8	9	4.0	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10153003	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	DH10CD	2	<i>[Signature]</i>	8	9	9.0	8.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10153060	TRƯƠNG VĂN ĐIỀN	DH10CD		<i>[Signature]</i>	8	8.5	6.0	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10153006	HOÀNG VĂN ĐÔNG	DH10CD		<i>[Signature]</i>	7	8.5	7.0	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10153007	NGUYỄN THÀNH ĐÔNG	DH10CD		<i>[Signature]</i>	8	9	9.0	8.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10153062	ĐỖ VĂN ĐỨC	DH10CD		<i>[Signature]</i>	8	9	7.0	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10153008	HOÀNG MINH ĐỨC	DH10CD		<i>[Signature]</i>	8	8	9.0	8.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10153009	PHẠM HỮU ĐỨC	DH10CD		<i>[Signature]</i>	8	8	7.0	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10153075	HUỖNH PHÚC HẬU	DH10CD		<i>[Signature]</i>	8	9	7.0	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10153010	NGUYỄN MANH HẬU	DH10CD		<i>[Signature]</i>	8	9	6.0	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10153011	NGUYỄN PHƯỚC HẬU	DH10CD		<i>[Signature]</i>	8	8	5.0	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10153012	LÂM QUANG HIỀN	DH10CD		<i>[Signature]</i>	8	8	10	9.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10153013	NGÔ HỮU HIẾU	DH10CD		<i>[Signature]</i>	8	10	4	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10153014	TRẦN NHỰT HÒA	DH10CD		<i>[Signature]</i>	8	10	8.5	8.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10153015	TRƯƠNG QUỐC HOÀI	DH10CD		<i>[Signature]</i>	8	9	9.0	8.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10153016	NGUYỄN NGỌC HƯNG	DH10CD		<i>[Signature]</i>	8	8	9.0	8.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 26; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature] N.V. Kiệp
[Signature] Nguyễn Khoa

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

[Signature] Lê Văn Tuấn

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature] Nguyễn Tấn Phúc
[Signature] Trần Duy Vinh

Ngày 16 tháng 01 năm 2014

Trang 2/1

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

Số bài: 2; Số từ:
 Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
 Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
 Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
 đã nhân trong số

Trưởng N.V. Kíp
Họ: Hoàng Nhân

উইথিং টেন

Nguyễn Tấn Phước
Đào Duy Việt

Ngày 16 tháng 01 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01737

Trang 1/1

Môn Học : Thiết kế hệ thống cơ điện tử (207616) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 08/01/14

Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD302

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10153026	PHAM ĐỨC NHẬT	DH10CD		<i>Pham</i>	8	8	70	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10153028	LÊ TRONG TẤN	DH10CD		<i>Le</i>	8	9	40	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09153068	LÊ HOÀI	DH09CD		<i>Le</i>	8	8	60	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10153029	BÙI ĐẮC	DH10CD		<i>Bui</i>	8	9	9.5	9.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	08153021	TRẦN THANH QUẤT	DH08CD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10153030	NGUYỄN VĂN QUỲNH	DH10CD		<i>Nguyen</i>	7	7	60	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10153032	PHAN VĂN SÁNG	DH10CD		<i>Phan</i>	8	8	90	8.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10153033	NGUYỄN TƯỜNG TAM	DH10CD		<i>Nguyen</i>	8	9	80	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10153034	HOÀNG SỸ MINH	DH10CD		<i>Hoang</i>	8	8	8.5	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10153037	HÀ QUANG THÁI	DH10CD		<i>Ha</i>	8	10	10	9.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10153038	ĐOÀN TRẦN CAO	DH10CD		<i>Doan</i>	8	9	60	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10153078	NGUYỄN CHÍ THẮNG	DH10CD		<i>Nguyen</i>	8	9	90	8.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10153040	PHAN CHÍ THIÊN	DH10CD		<i>Phan</i>	8	9	80	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10153042	NGUYỄN CÔNG THỊNH	DH10CD		<i>Nguyen</i>	8	9	70	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10153044	PHAN CÔNG THỌ	DH10CD		<i>Phan</i>	8	10	70	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10153045	VÕ HUỖNH THUẬN	DH10CD		<i>Vu</i>	8	9	70	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10153049	TÔ TẤN TRỌNG	DH10CD		<i>To</i>	8	9	60	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10153050	NGUYỄN NGỌC TRUNG	DH10CD		<i>Nguyen</i>	8	9	75	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 25; Số tờ: 85

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Phan Minh Hien
Do Duc Vinh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)

Le Viet Hoa

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyen Tan Phuc
Do Duc Vinh

Ngày 16 tháng 01 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01737

Trang 2/1

Môn Học : Thiết kế hệ thống cơ điện tử (207616) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 08/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD302

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10153076	TRẦN THÀNH	TRUNG	DH10CD		8	9	8.5	8.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10153052	HUỖNH THANH	TÙNG	DH10CD		8	8	7.5	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	09153033	NGUYỄN NHƯ LONG	TUYỂN	DH09CD		8	8	4.0	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10153051	NGUYỄN TRỌNG	TUYỂN	DH10CD		8	9	7.0	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10153053	NGUYỄN THIÊN	TỬ	DH10CD		7	8.5	8.0	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10153088	VÕ BÉ	VIỆT	DH10CD		8	9	7.0	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10153089	ĐOÀN TUẤN	VŨ	DH10CD		8	9	9.0	8.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10153054	NGUYỄN DUY	VƯƠNG	DH10CD		8	8	8.0	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 25; Số tờ: 25

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 06 tháng 01 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01738

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Mạch điện (207623) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 09/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD403

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12153027	LÊ ĐỨC ANH	DH12CD		<i>Anh</i>		4	0.5	1.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	09153002	VÕ VĂN CƯỜNG	DH09CD		<i>Cuong</i>		4	0.5	1.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09153003	ĐÀO KHẮC DIỄN	DH09CD		<i>Diễn</i>		4	0.5	1.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10153055	ĐOÀN ANH DUY	DH10CD		<i>Duy</i>		4	0.5	1.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12138049	NGUYỄN TRỌNG HOÀN	DH12TD		<i>Hoan</i>		4	0.0	1.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153108	NGUYỄN NHẬT HỒ	DH12CD						<i>Vắng</i>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11153019	LÊ HOÀNG KHÁI	DH11CD		<i>Khai</i>		4	0.0	1.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12153177	TRẦN QUỐC KHANH	DH12CD		<i>Khanh</i>		4	1.0	1.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12138126	NGUYỄN DUY KHƯƠNG	DH12TD		<i>Khương</i>		4	1.0	1.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153085	TRẦN MINH KHƯƠNG	DH12CD						<i>Vắng</i>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153086	TRẦN ĐÌNH MINH	DH12CD		<i>Minh</i>		7	5	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12153007	HÀ TRUNG NGHĨA	DH12CD		<i>Nghia</i>		4	1.0	1.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12138123	NGUYỄN TẤN NGHIÊM	DH12TD		<i>Tan</i>		6	2.0	3.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12153114	NGUYỄN HOÀI NHẢN	DH12CD		<i>Nhan</i>		4	1.0	1.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153093	HỒ VINH PHU	DH12CD		<i>Phu</i>		5.5	1.5	2.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	06153022	CHÂU TRUNG QUỐC	DH08CD		<i>Quoc</i>		5	1.0	2.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12153130	ĐỖ VĂN SANG	DH12CD		<i>Sang</i>		5.5	1.5	2.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12153181	ĐẶNG QUỐC SỸ	DH12CD		<i>Sy</i>		4	0.0	1.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 28; Số tờ: 28

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Ngô Hoàng Khoa
Đặng Trung Nam

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Vũ Thị Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngô Hoàng Khoa
Nguyễn Duy Vinh

Ngày 22 tháng 01 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01738

Trang 2/1

Môn Học : Mạch điện (207623) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 09/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD403

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	D1 (%)	D2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12153139	ĐỖ TRỌNG TÂM	DH12CD				4	0.0	1.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12153146	NGUYỄN LÝ THỜI	DH12CD				5	1.0	2.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12138129	NGUYỄN CÔNG THUẬN	DH12TD				5	1.0	2.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12153194	ĐẶNG MINH TRON	DH12CD				4	0.0	1.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12153199	ĐẶNG NHƯ TRUNG	DH12CD						Vừa	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10138060	PHẠM QUỐC TRUNG	DH10TD				5.5	1.5	2.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12138130	PHẠM VIỆT TRUNG	DH12TD				4	0.0	1.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12138109	ĐẶNG KHÁNH TÙNG	DH12TD						Vừa	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12153122	TRẦN VĂN TUYẾN	DH12CD				4	0.0	1.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12138087	TRƯƠNG THỊ TUYẾT	DH12TD				7	4	4.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12153193	LÊ VĂN TƯ	DH12CD				5	1.0	2.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12153165	NGUYỄN THANH VĨ	DH12CD				6	2	3.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12153160	PHẠM VĂN VIỆN	DH12CD				6	2	3.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12153162	HOÀNG TRONG VINH	DH12CD				5	1.0	2.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 28 Số tờ: 28

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2.
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Hồng Khoa
Đặng Trung Nam

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Hồng Khoa

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Hồng Khoa
Nguyễn Đức Việt

Ngày 22 tháng 01 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01739

Trang 1/1

Môn Học : Mạch điện (207623) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 09/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi TV303

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12138012	Ê TUÂN ANH	DH12TD							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12138027	LƯƠNG THẾ ANH	DH12TD		HL		4	0.0	1.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12138009	NGÔ HOÀNG ANH	DH12TD		NG		5	1.0	2.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12138011	NGÔ NHẬT ANH	DH12TD		AR		5	1.0	2.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12138010	TRẦN ĐỨC ANH	DH12TD		TR		6	2.0	3.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153025	TRẦN PHẠM TUÂN ANH	DH12CD							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153140	VÕ VĂN QUỐC ANH	DH12CD		AV		4	0.0	1.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12138017	TRẦN ĐỨC BẢO	DH12TD		TR		7	5	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12138115	BÙI VĂN BẢO	DH12TD		BV		7	4.5	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10153061	HỒ VĂN BÌNH	DH10CD		HT		6	3	3.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153033	NGUYỄN TIÊU BÌNH	DH12CD		NT		4	1.0	1.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12138025	PHẠM THANH BÌNH	DH12TD		PT		6.5	3.5	4.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12138001	NGUYỄN TRƯỜNG CHÍNH	DH12TD		NT		6	2	3.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12153002	NGUYỄN TUÂN CHÍNH	DH12CD		NT		6	2	3.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153036	HỨA THANH CHUNG	DH12CD		HT		6	2	3.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153041	NGUYỄN CHÍ CƯỜNG	DH12CD		NC		4	0.0	1.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11138013	TRẦN MẠNH CƯỜNG	DH11CD		TM		6	3	3.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12138032	NGUYỄN QUỐC DŨNG	DH12TD							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 28; Số tờ: 28

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Văn Hiệp
Nguyễn Duy Vinh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Vũ Ngọc Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Văn Khoa
Nguyễn Duy Vinh

Ngày 22 tháng 01 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01739

Trang 2/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Mạch điện (207623) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 09/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi TV303

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12138002	LÊ ĐỨC DUY	DH12TD		Duy		6	3	3.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12138034	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	DH12TD		Hoàng		4	0.0	1.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12153053	DƯƠNG NGỌC ĐÀ	DH12CD		Đà		6	2	3.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12153187	HỒ HỮU ĐẠT	DH12CD		Hồ Đạt		6	5	4.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12138035	PHAN TIẾN ĐẠT	DH12TD		Phan Đạt		6	3	3.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10153005	TRẦN ĐỨC ĐÔNG	DH10CD		Trần Đông		6	3.0	3.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12138068	LÊ HOÀNG ĐÚ	DH12TD		Đức		6	3.0	3.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12138060	NGUYỄN VĂN HẢI	DH12TD		Hải		4	0.0	1.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12153018	DƯƠNG SỸ HẠNH	DH12CD		Hạnh		4	0.0	1.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12138117	NGUYỄN VĂN HẢO	DH12TD		Hảo		6	2	3.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12138018	NGUYỄN VIỆT HẢO	DH12TD		Hảo					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12138014	ĐOÀN TRỌNG HIẾU	DH12TD		Hiếu		5	1.0	2.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12138020	MAI PHẠM MINH HIẾU	DH12TD		Hiếu		4	0.0	1.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12138047	DƯƠNG VĂN HOAN	DH12TD		Hoan		5	1.0	2.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12138098	PHAN HUY HOÀNG	DH12TD		Huy Hoàng		5	1.0	2.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12153079	VÕ VĂN HUY HOÀNG	DH12CD		Huy Hoàng		6	3.0	3.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12138042	HOÀNG PHI HÙNG	DH12TD		Phi Hùng		4	0.0	1.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12138003	NGUYỄN HUY HÙNG	DH12TD		Huy Hùng		6	2	3.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 28; Số tờ: 28

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Văn Kiệp
Đào Duy Vinh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Võ Thị Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Văn Khoa
Đào Duy Vinh

Ngày 22 tháng 01 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01739

Trang 3/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Mạch điện (207623) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 09/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi TV303

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	12153082	PHAM NGOC ĐĂNG	HUY	DH12CD		5	1.0	2.2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12138055	HUYNH TẤN	HƯNG	DH12TD		5	1.0	2.2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12138056	PHAM NGOC	KHA	DH12TD		5	1.0	2.2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12138071	TRẦN VŨ NAM	KHA	DH12TD		5	1.0	2.2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12138058	NGUYỄN XUÂN	KHA	DH12TD		4	0.0	1.2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12138121	LÊ PHÚC	KHANH	DH12TD		5	1.0	2.2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	10153020	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	DH10CD		6	2	3.2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12138062	TĂNG VŨ	LÂM	DH12TD		5.5	1.5	2.7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12153097	TRƯƠNG NHỊ	LÂM	DH12CD		5	1.0	2.2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12138118	DƯƠNG HỒNG	LĨNH	DH12TD		6	3	3.9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12138066	ĐẶNG TIỂU	LONG	DH12TD		5	1.0	2.2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	10153070	NGUYỄN DUY	LONG	DH10CD					Vắng	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12138072	DƯƠNG VĂN	LỘC	DH12TD		6	2.5	3.6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11138005	HUYNH THIÊN	LỘC	DH11CD					Vắng	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	12138069	NGUYỄN BÀ	LỘC	DH12TD		6	2.5	3.6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	12138122	NGUYỄN THANH	MỸ	DH12TD		4	0.0	1.2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	12153006	TRƯƠNG HOÀI	NAM	DH12CD		4	0.0	1.2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12153191	NGUYỄN GIA	NGHĨA	DH12CD		6	3	3.9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 28 Số tờ: 28

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 01 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01739

Trang 4/1

Môn Học : Mạch điện (207623) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 09/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi TV303

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (/10)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	12138131	LÊ QUANG NGỌC	DH12TD		<i>[Signature]</i>		5	1.0	2.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	12138044	PHẠM PHÚC	DH12TD		<i>[Signature]</i>		4	0.0	1.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	12138054	NGUYỄN HỮU NHÂN	DH12TD						Vắng	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	12138125	NGUYỄN THANH NHÂN	DH12TD						Vắng	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	12153088	DẶNG HOÀNG	DH12CD		<i>[Signature]</i>		4	0.0	1.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	08153034	LÊ HỒNG	DH08CD		<i>[Signature]</i>		5	1.0	2.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	12153009	NGUYỄN THANH PHONG	DH12CD		<i>[Signature]</i>		4	0.0	1.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	10153029	BÙI ĐẮC	DH10CD		<i>[Signature]</i>		7	5	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	12153011	NGUYỄN VĂN QUANG	DH12CD						Vắng	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	12138127	PHAN THANH QUÍ	DH12TD		<i>[Signature]</i>		6	2	3.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	12138004	HUỲNH	DH12TD		<i>[Signature]</i>		6	2	3.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	12138090	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	DH12TD		<i>[Signature]</i>		7	4	4.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	12138092	NGUYỄN THỌ SON	DH12TD						Vắng	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	12138067	NGUYỄN THÀNH TÂM	DH12TD		<i>[Signature]</i>		4	0.0	1.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	12138093	NGUYỄN MINH TÂM	DH12TD		<i>[Signature]</i>		6	2	3.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	10153034	HOÀNG SỸ MINH	DH10CD		<i>[Signature]</i>		6.5	3.5	4.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	12153137	HỒ BẢO THÁNH	DH12CD						Vắng	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	12153136	LÊ VĂN THÀNH	DH12CD		<i>[Signature]</i>		5	1.0	2.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 38; Số tờ: 98

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature] N. V. Kiep
[Signature] Đào Duy Vinh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

[Signature] Võ Bàng

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature] Nguyễn Hoàng Khoa
[Signature] Đào Duy Vinh

Ngày 22 tháng 01 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01739

Trang 5/1

Môn Học : Mạch điện (207623) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 09/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi TV303

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số lô	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	12153141	TRẦN NGỌC THẮNG	DH12CD		Thắng		5.5	1.5	2.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	12138041	Ê TRỌNG THẾ	DH12TD						Vàng	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	12138099	NGUYỄN ĐÌNH THY	DH12TD		Thy		6	2	3.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	12153198	PHẠM NGỌC TỊNH	DH12CD		Tĩnh		4	0.0	1.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	12138103	PHẠM VĂN TRƯỜNG	DH12TD		Trường		6	2	3.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	12138134	VÕ ĐÌNH TRƯỜNG	DH12TD		Trường		5	1.0	2.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	12138132	LÊ ĐẮC TUẦN	DH12TD		Tuần		6	2.5	3.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	12153192	NGÔ QUANG TUẦN	DH12CD		Tuần		4	0.0	1.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
81	12138107	VŨ MINH TUỆ	DH12TD		Tuệ		6	2	3.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
82	10153052	HUỖNH THANH TÙNG	DH10CD		Tùng		6	2	3.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
83	12153123	THIẾU DUY TÙNG	DH12CD		Tùng		7	5	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
84	09153033	NGUYỄN NHƯ LONG TUYẾN	DH09CD						Vàng	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
85	12138111	NGÔ VĂN VIỆN	DH12TD		Viễn		10.0	9	9.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
86	12149092	HOÀNG VĂN VIỆT	DH12TD		Việt		6	3	3.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
87	12138006	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	DH12TD		Việt		7	4	4.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
88	12138007	VŨ QUỐC VINH	DH12TD		Vinh		5.5	1.5	2.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
89	12138135	PHẠM VĂN VŨ	DH12TD		Vũ		7	5	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
90	12138008	TRẦN LÊ TUẦN	DH12TD		Tuần		4	0.0	1.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 28 Số tờ: 28

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trong số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn N.V. Kiên
Đào Duy Vinh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Đình Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Đình Khoa
Đào Duy Vinh

Ngày 22 tháng 01 năm 2014

Trang 6/1

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đạt 1

Số bài: 72; Số tờ: 78
Lưu ý: Đ1, Đ2. Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trong số

Trần Văn Kính
Đầu Dãy Vĩnh

Vũ Ngọc Bích

Can bộ chấm thi 18/2
~~18/2~~ Nguyễn Khoa
~~18/2~~ Đào Duy Việt

Ngày 12 tháng 01 năm 2011

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01742

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : An toàn lao động & MT CN (207701) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 17/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD403

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12137001	ĐỖ HOÀNG	AI	DH12NL		10	10	6	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11154001	TRẦN THẾ	AN	DH11OT		10	10	8	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10137061	NGUYỄN NGỌC	BÁCH	DH10NL		10	10	7	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12153001	TRẦN QUỐC	BỬU	DH12CD		5	10	5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153002	NGUYỄN TUÂN	CHÍNH	DH12CD		10	5	9	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11154004	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	DH11OT		10	10	7	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12137002	LÊ HÙNG	CUÔNG	DH12NL		10	10	8	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	09153002	VÕ VĂN	CUÔNG	DH09CD		5	10	6	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	09153045	LÊ TIẾN	DỪNG	DH09CD		5	10	5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153062	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	DH12CD		5	10	5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154003	ĐẶNG VĂN ỨT	EM	DH12OT		10	10	8,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	09154015	NGUYỄN MINH	HẢI	DH09OT		10	5	6,5	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11154051	TRINH XUÂN	HÀNH	DH11OT		10	10	6	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10154065	LÝ MINH	HẢO	DH10OT		10	10	7,5	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	09137004	NGUYỄN VŨ	HIỆP	DH09NL					V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11154007	ĐẶNG MINH	HOÀNG	DH11OT		10	10	5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12153079	VÕ VĂN HUY	HOÀNG	DH12CD		5	10	5,5	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11154056	NGUYỄN TÂM	HỌC	DH11OT		10	10	6	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: Số tờ:
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 07 năm 14

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01742

Trang 2/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : An toàn lao động & MT CN (207701) - Số Tin Chỉ: 2

Ngày Thi : 17/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD403

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11154035	LÊ HUY HÙNG	DH11OT		Hùng	10	10	9	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11153024	NGUYỄN VIỆT HÙNG	DH11CD		Việt	10	10	7	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11154063	TRẦN HOÀNG HUY	DH11OT		Huy	10	10	7,5	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11154038	NGUYỄN CAO VĨNH KHƯƠNG	DH11OT		Khương	10	10	7,5	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	09153054	VŨ DUY KIẾN	DH09CD		Duy	5	10	7	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10153068	ĐĂNG TRẦN HOÀI LỘC	DH10CD		Hoài	10	10	8,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11154060	ĐOÀN THẾ LUÂN	DH11OT		Thế	10	10	6,5	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10154022	NGUYỄN VĂN LỰC	DH10OT		Văn	10	10	5,5	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11154045	CHU ĐỨC MINH	DH11OT		Đức	5	5	3,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12153007	HÀ TRUNG NGHĨA	DH12CD		Trung	5	10	4	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12153008	LÊ TRONG NGHĨA	DH12CD		Trong	5	10	5,5	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11154010	NÔNG TRONG NGHĨA	DH11OT		Nông	10	10	7,5	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2
Phạm Văn Cường
Phạm Mạnh Hùng

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)
Đặng Văn Dũng

Cán bộ chấm thi 1&2
Phạm Văn Cường
Phạm Mạnh Hùng

Ngày 22 tháng 07 năm 14

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01743

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : An toàn lao động & MT CN (207701) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 17/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD404

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11154028	LÊ ANH NGUYỄN	DH11OT	1	<i>Thanh</i>	10	10	7	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11154041	VŨ ĐÌNH NHINH	DH11OT		<i>Nhinh</i>	10	10	5,5	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11154046	NGUYỄN TRONG NHON	DH11OT		<i>Choi</i>	10	10	6	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11154047	NGUYỄN LÊ DUY PHÁT	DH11OT		<i>Phat</i>	10	10	7	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11154012	NGUYỄN THANH PHONG	DH11OT		<i>Phong</i>	10	10	8	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12137054	BUI VĂN PHÚC	DH12NL		<i>Phu</i>	10	10	6,5	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153070	VŨ HIỀN QUÂN	DH12CD		<i>Nhuan</i>	10	10	8	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10154031	NGUYỄN VĂN QUÍ	DH10OT		<i>Qui</i>	10	10	8	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11154014	UNG NGỌC QUÝ	DH11OT		<i>Mu</i>	10	5	6,5	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11154013	NGÔ VĂN QUYẾT	DH11OT		<i>Quy</i>	10	10	7,5	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11154015	THÔNG PHỔ SÂU	DH11OT		<i>Se</i>	10	10	6	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11154043	TRẦN ĐỨC TÀI	DH11OT		<i>Tai</i>	10	10	5,5	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11154016	TRƯƠNG CHÍ TÂM	DH11OT		<i>Cham</i>	10	10	8	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11154017	DƯƠNG NGUYỄN KHÁNH TÂN	DH11OT		<i>Oai</i>	10	10	6,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11154025	TRẦN NHẬT TÂN	DH11OT		<i>Tan</i>	5	10	5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154134	PHAN DUY THANH	DH12OT		<i>Tha</i>	10	10	6	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11154044	TRẦN MINH THANH	DH11OT		<i>Tha</i>	10	10	6	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11154058	LÊ VĂN THÁNH	DH11OT		<i>Thanh</i>	10	10	6	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Nguyễn Văn Nguyễn
Wanh Le Quang Thoi

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)

Kul
Đặng Văn Dũng

Cán bộ chấm thi 1&2

Phan Bui Long Khanh

Ngày 22 tháng 01 năm 14

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01743

Trang 2/1

Môn Học : An toàn lao động & MT CN (207701) - Số Tin Chỉ: 2

Ngày Thi : 17/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD404

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11154059	LÊ XUẤT THÂN	DH11OT			10	10	6	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11154048	BÙI MINH THIÊN	DH11OT			10	10	7	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10153042	NGUYỄN CÔNG THỊNH	DH10CD			5	10	5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154177	NGUYỄN THÀNH THUẬN	DH12OT			10	10	6	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12153173	ĐOÀN LÝ THUYẾT	DH12CD			10	10	6,5	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11154062	NGUYỄN MINH TIẾN	DH11OT			10	5	6	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11154020	VŨ TRẦN TIẾN	DH11OT			10	10	5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11154031	NGUYỄN CHÍ TRAI	DH11OT			10	10	8	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12154018	NGUYỄN VĂN TRANG	DH12OT			10	10	7	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12137057	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	DH12NL			10	10	7,5	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11154052	PHAN THANH TRUNG	DH11OT			10	10	5,5	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11154054	PHẠM NHƯ VÂN	DH11OT			10	10	7,5	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và

đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 01 năm 14

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01747

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Công nghệ lắp ráp Ô tô (207706) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 17/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD503

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số	Chữ	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (Đ1+Đ2)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10154002	NGUYỄN VĂN TUẤN ANH	DH100T	1		2	1,6	4,5	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10154066	NGUYỄN VĂN CA	DH100T	1		2	0,8	4,5	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09154006	NGUYỄN TRỌNG DUY	DH090T	1		2	0	4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10154006	PHẠM DUY ĐĂNG	DH100T	1		2	1	4,8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10154012	PHẠM TRUNG HIẾU	DH100T	1		2	0,8	4,5	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10154069	NGUYỄN CẢNH HOÀNG	DH100T	1		2	0,7	3,9	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10154070	DƯƠNG MINH HỌP	DH100T	1		2	0,8	3	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10154019	NGUYỄN KỲ LÂN	DH100T	1		2	1,7	4,5	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10154074	BÙI THANH LINH	DH100T	1		2	0	4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10154021	NGUYỄN THÀNH LUÂN	DH100T	1		2	1,4	4,5	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10154023	THẠCH MÂN	DH100T	1		2	1,6	4,5	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10154071	NGUYỄN KHOA NAM	DH100T	1		2	1,5	5,1	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10154099	NGUYỄN THẾ NHÂM	DH100T	1		2	0,8	4,2	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10154028	TRẦN VĂN NHƯ	DH100T	1		2	0,8	2,7	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10154081	MAI HÀ SANG	DH100T	1		2	1,5	5,1	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10154091	NGUYỄN DƯƠNG ĐỨC SANH	DH100T	1		2	0,8	4,2	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10154095	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	DH100T	1		2	0,8	4,5	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10154086	DƯƠNG CHÍ THANH	DH100T	1		2	0	2,4	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 22; Số tờ: 23
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 23 tháng 01 năm 2014

Trang 2/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Công nghệ lắp ráp Ô tô (207706) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 17/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RDS03

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

[illegible]

Số bài: 22 Số tờ: 25
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 18.2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Cán bộ chấm thi 182

Ngày 23 tháng 01 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01749

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kiểm định và chẩn đoán Ô tô (207710) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 19/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi CT305

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10154055	VƯƠNG THÀNH AN	DH100T	7		10	10	7,5	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10154002	NGUYỄN VĂN TUẤN	DH100T	7		10	10	8,5	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10154003	NGUYỄN VĂN BÌNH	DH100T	7		10	10	6	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10154066	NGUYỄN VĂN CA	DH100T	7		10	10	6	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10154075	LÊ VĂN CHIẾN	DH100T	7		10	10	7	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10154058	ĐẬU VĂN CÔNG	DH100T	7		10	10	7,5	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10154004	LÊ QUỐC DŨNG	DH100T	7		10	10	6,5	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10154005	VƯƠNG TẤN ĐẠT	DH100T	7		10	10	8,5	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10154065	LÝ MINH HẢO	DH100T	7		10	10	6	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10154010	NGUYỄN MINH HẬU	DH100T	7		10	10	8	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10154012	PHẠM TRUNG HIẾU	DH100T	7		10	10	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10154069	NGUYỄN CẢNH HOÀNG	DH100T	7		10	10	5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10154070	DƯƠNG MINH HỢP	DH100T	7		10	10	5,5	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10154067	DƯƠNG HOÀNG HUY	DH100T	7		10	10	6,5	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10154063	PHẠM CHÁNH HƯNG	DH100T	7		10	10	7,5	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10154087	HOÀNG VĂN KHÁNH	DH100T	7		10	10	7,5	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10154017	TRẦN DẮNG KHOA	DH100T	7		10	10	7	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10154018	VƯƠNG NHẬT KHÔI	DH100T	7		10	10	6,5	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: Số tờ:
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 07 năm 14

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01749

Trang 2/1

Học Kỳ I - Năm Học 13-14

Môn Học : Kiểm định và chẩn đoán Ôtô (207710) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 19/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi CT305

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10154019	NGUYỄN KỲ LÂN	DH100T	→	<i>[Signature]</i>	10	10	7	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10154074	BÙI THANH LINH	DH100T	→	<i>[Signature]</i>	10	10	6	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10154020	ĐOÀN NGUYỄN THÀNH LONG	DH100T	→	<i>[Signature]</i>	10	10	7	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10154097	HUỶNH THANH LONG	DH100T	→	<i>[Signature]</i>	10	10	7,5	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10154021	NGUYỄN THÀNH LUÂN	DH100T	→	<i>[Signature]</i>	10	10	7,5	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10154023	THẠCH MÃN	DH100T	→	<i>[Signature]</i>	10	10	7,5	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10154077	NGUYỄN ẬU VÂN	DH100T	→	<i>[Signature]</i>	10	10	7,5	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10154071	NGUYỄN KHOA NAM	DH100T	→	<i>[Signature]</i>	10	10	7	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10154025	ĐOÀN ĐỨC NGUYỄN	DH100T	→	<i>[Signature]</i>	10	10	7	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	08154020	NGUYỄN KHOA NGUYỄN	DH080T	→	<i>[Signature]</i>	10	10	5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10154068	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	DH100T	→	<i>[Signature]</i>	10	10	6,5	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	10154099	NGUYỄN THẾ NHÂM	DH100T	→	<i>[Signature]</i>	10	10	5,5	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	10154027	PHAN XUÂN NHẬT	DH100T	→	<i>[Signature]</i>	10	10	5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	10154028	TRẦN VĂN NHƯ	DH100T	→	<i>[Signature]</i>	10	10	3,5	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	10154061	HỒ TẤN PHONG	DH100T	→	<i>[Signature]</i>	10	10	3,5	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	10154030	TRẦN VĂN QUANG	DH100T	→	<i>[Signature]</i>	5	5	3	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	10154031	NGUYỄN VĂN QUÍ	DH100T	→	<i>[Signature]</i>	10	10	5,5	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	10154032	ĐỖ VĂN QUÝ	DH100T	→	<i>[Signature]</i>	10	10	7	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
				→	<i>[Signature]</i>	5	10	7,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi. Điểm thi cuối kỳ
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature] Bùi Văn Văn
[Signature] Lê Quang Trí

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

[Signature]
[Signature] Nguyễn Dũng

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature] Bùi Văn Văn
[Signature]

Ngày 29 tháng 01 năm 14

Trang 3/1

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

Số bài.....; Số tờ.....
 Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
 Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ
 Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và
 đã nhân trong số

Đặt bút Cẩn, Khẩu
Đặt bút Cẩn, Khẩu

Kính
Anh Kieu Dung

Đã: Vũ Văn Hoàng

Ngày 24 tháng 07 năm 14

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01750

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kiểm định và chẩn đoán Ôtô (207710) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 19/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi T2

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10154091	NGUYỄN DƯƠNG ĐỨC	SANH	DH100T	2	10	10	7	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10154033	ĐẶNG VĂN	SIL	DH100T	Sil	10	10	6	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10154034	NGUYỄN PHƯỚC	SON	DH100T	Phuoc	10	10	6	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10154095	NGUYỄN TRƯỜNG	SON	DH100T	Truong	10	10	5,5	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	09154090	NGUYỄN MINH	TAM	DH090T	Minh	10	5	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10154086	DƯƠNG CHỈ	THANH	DH100T	Chi	10	10	5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10154037	NGUYỄN VĂN	THANH	DH100T	Van	10	10	8	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10154039	VĂN TIẾN	THÀNH	DH100T	Tien	10	10	9	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10154079	LÂM MINH	THAO	DH100T	Minh	10	10	7,5	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10154042	LÂM QUANG	THIỆN	DH100T	Thien	10	10	3,5	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10154044	LÊ TRƯƠNG TRƯỜNG	THOAI	DH100T	Thoi	10	10	7	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10154047	NGUYỄN VĂN	TİM	DH100T	Van	10	10	8	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10154085	NGUYỄN QUANG CÔNG	TOAI	DH100T	Quang	10	10	7	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10154048	ĐẶNG VĂN	TOÁN	DH100T	Van	10	10	9	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10154050	HUỖNH CÔNG	TRỊ	DH100T	Hong	10	10	8	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	09154048	DƯƠNG VĂN	TRUNG	DH090T	Van	10	10	7,5	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10154051	TRƯƠNG TRẦN HIỆU	TRUNG	DH100T	Hieu	10	10	6,5	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10154084	TRỊNH VĂN	TUÂN	DH100T	Van	10	10	7,5	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 22; Số tờ: 22

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;

Điểm thi, Điểm thi cuối kỳ

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

La Đăng Trung Nam
Khanh Minh Thien

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Ang Kim Dung

Cán bộ chấm thi 1&2

Hay Bui Long Khanh

Ngày 24 tháng 01 năm 14

Trang 2/1

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

Handwritten: Hand Big Long Hard

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01751

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật mô tô và xe máy (207711) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 11/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD502

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10154066	NGUYỄN VĂN CA	DH100T		<i>Thư</i>	10	10	4	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11154004	NGUYỄN THÀNH CÔNG	DH110T		<i>Thư</i>	10	10	6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11154024	LÊ PHÚC	DH110T			10	88	6	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10118016	ĐÀNG HOÀNG	DH10CK		<i>Công</i>	10	8	4	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10154013	PHẠM VĂN HIỆP	DH100T		<i>Hiệp</i>	10	8	4	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10154015	HỒ XUÂN	DH100T		<i>Hiệp</i>	10	8	3,5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11154035	LÊ HUY	DH110T		<i>Thư</i>	10	8	6	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10154097	HUỖNH THANH	DH100T		<i>Hiệp</i>	10	10	5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11154028	LÊ ANH	DH110T		<i>Hiệp</i>	10	10	5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10154061	HỒ TÂN	DH100T		<i>Tân</i>	10	8	4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11154059	LÊ XUẤT	DH110T		<i>Xuất</i>	10	10	6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11154048	BÙI MINH	DH110T		<i>Minh</i>	10	8	6	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10154088	LÊ VĂN TUÂN	DH100T		<i>Tuân</i>	10	8	5	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
					<i>Thư</i>	10				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 13; Số tờ:
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Phan Minh Hien
Phan Minh Hien

Duyệt của Trường Bộ môn
(Quản lý môn học)

Kul
Đặng Văn Dũng

Cán bộ chấm thi 1&2

Phan Minh Hien

Ngày 15 tháng 01 năm 13

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập kỹ thuật lái xe - 01-207721

CBGD: Bùi Công Hạnh (306)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số lô	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11154055	CHÂU NGỌC HIỆP	DH11OT						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11154033	NGUYỄN VĂN HÓA	DH11OT						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11154063	TRẦN HOÀNG HUY	DH11OT						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11154057	NGÔ TRÍ HỮU	DH11OT						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10154087	HOÀNG VĂN KHÁNH	DH10OT						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11154009	ĐÌNH CÔNG LỰC	DH11OT						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11154041	VŨ ĐÌNH NHINH	DH11OT						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11154046	NGUYỄN TRỌNG NHON	DH11OT						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	09154035	TRẦN QUANG	DH09OT						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11154014	UNG NGỌC QUÝ	DH11OT						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11154049	NGUYỄN HOÀNG SƠN	DH11OT						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11154017	DƯƠNG NGUYỄN KHÁNH TÂN	DH11OT						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154178	PHAN QUỐC THÁI	DH12OT						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11154058	LÊ VĂN THÀNH	DH11OT						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11154019	TRƯƠNG HỮU THIÊN	DH11OT						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154186	LÊ QUÝ THIỆU	DH12OT						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11154062	NGUYỄN MINH TIẾN	DH11OT						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11154020	VŨ TRẦN TIẾN	DH11OT						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 02 tháng 07 năm 14

(Chữ ký)
Nguyễn Văn Dũng

(Chữ ký)
Nguyễn Văn Hạnh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

CBGD: Bùi Công Hành (306)

Số bài:.....; Số tờ:.....
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trong số

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Ngày 02 tháng 07 năm 14

Đang Hưu Dưỡng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập kỹ thuật lái xe - 02-207721

CBGD: Bùi Công Hạnh (306)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11154002	NGUYỄN TUẤN ANH	DH110T						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11154004	NGUYỄN THÀNH CÔNG	DH110T						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11154024	LÊ PHÚC CƯỜNG	DH110T						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11154035	LÊ HUY HÙNG	DH110T						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	09154024	NGUYỄN VĂN HÙNG	DH090T						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10154022	NGUYỄN VĂN LỰC	DH100T						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11154045	CHU ĐỨC MINH	DH110T						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11154010	NÔNG TRỌNG NGHĨA	DH110T						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10154025	ĐOÀN ĐỨC NGUYỄN	DH100T						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11154028	LÊ ANH NGUYỄN	DH110T						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11154012	NGUYỄN THANH PHONG	DH110T						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11154013	NGÔ VĂN QUYẾT	DH110T						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11154015	THÔNG PHỔ SẦU	DH110T						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10154034	NGUYỄN PHƯỚC SƠN	DH100T						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11154016	TRƯƠNG CHÍ TÂM	DH110T						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11154044	TRẦN MINH THANH	DH110T						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10154039	VĂN TIẾN THÀNH	DH100T						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11154059	LÊ XUẤT THÂN	DH110T						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 02 tháng 07 năm 14

Trần Văn Dũng

Trần Văn Dũng

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

CBGD: Bùi Công Hành (306)

Số bài: Số tờ:
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trong số

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Cán bộ chấm thi 18/2

Ngày 02 tháng 07 năm 14

July
Daisy Hester Dwyer

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

CBGD: Bùi Công Hạnh (306)

Môn Học : Thực tập kỹ thuật lái xe - 03-207721

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11154001	TRẦN THẾ AN	DH11OT						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154037	TRẦN THIÊN AN	DH12OT						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154052	NGUYỄN QUỐC CÔNG	DH12OT						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11154051	TRỊNH XUÂN HẠNH	DH11OT						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11154007	ĐẶNG MINH HOÀNG	DH11OT						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11154056	NGUYỄN TÂM HỌC	DH11OT						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11154038	NGUYỄN CAO VĨNH	DH11OT						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11154060	ĐOÀN THẾ LUẬN	DH11OT						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11154047	NGUYỄN LÊ DUY PHẬT	DH11OT						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11154043	TRẦN ĐỨC TÀI	DH11OT						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11154052	PHAN THANH TRUNG	DH11OT						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154043	DƯƠNG NHẬT TRƯỜNG	DH12OT						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11154061	NGUYỄN ANH TUÂN	DH11OT						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11154054	PHẠM NHƯ VÂN	DH11OT						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 02 tháng 07 năm 14

Nguyễn Văn Dũng

Nguyễn Công Hạnh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập điện Ô tô - 01-207722

CBGD: Bùi Công Hạnh (306)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10154067	DƯƠNG HOÀNG HUY	DH100T						4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10154087	HOÀNG VĂN KHÁNH	DH100T						6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10154022	NGUYỄN VĂN LỰC	DH100T						3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10154023	THẠCH MÃN	DH100T						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10154071	NGUYỄN KHOA NAM	DH100T						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10154025	ĐOÀN ĐỨC NGUYỄN	DH100T						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10154068	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	DH100T						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10154099	NGUYỄN THẾ NHÂM	DH100T						3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10154089	THÁI SINH NHẬT	DH100T						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10154061	HỒ TÂN PHONG	DH100T						3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10154034	NGUYỄN PHƯỚC SON	DH100T						5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10154086	DƯƠNG CHÍ THANH	DH100T						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10154038	NGUYỄN HOÀNG THÀNH	DH100T						3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10154047	NGUYỄN VĂN TÍM	DH100T						5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10154085	NGUYỄN QUANG CÔNG TOẠI	DH100T						6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10154088	LÊ VĂN TUÂN	DH100T						6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 03 tháng 07 năm 14

Nguyễn Văn Dũng

Bùi Công Hạnh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập điện Ôtô - 02-207722

CBGD: Bùi Công Hạnh (306)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số lời	Chữ ký SV	D 1 (%)	D 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10154002	NGUYỄN VĂN TUÂN ANH	DH100T						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10154003	NGUYỄN VĂN BÌNH	DH100T						5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10154066	NGUYỄN VĂN CA	DH100T						6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10154058	ĐẬU VĂN CÔNG	DH100T						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10154005	VƯƠNG TẤN ĐẠT	DH100T						5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10154010	NGUYỄN MINH HẬU	DH100T						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10154012	PHẠM TRUNG HIẾU	DH100T						6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10154017	TRẦN ĐĂNG KHOA	DH100T						6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10154018	VƯƠNG NHẬT KHÔI	DH100T						5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10154020	ĐOÀN NGUYỄN THÀNH LONG	DH100T						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10154091	NGUYỄN DƯƠNG ĐỨC SANH	DH100T						6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10154041	ĐỖ TÂN THÁI	DH100T						5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10154037	NGUYỄN VĂN THANH	DH100T						6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10154039	VĂN TIẾN THÀNH	DH100T						6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10154044	LÊ TRƯƠNG TRƯỜNG THOAI	DH100T						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10154051	TRƯƠNG TRẦN HIẾU TRUNG	DH100T						6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10154084	TRỊNH VĂN TUÂN	DH100T						6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10154098	NGUYỄN TIẾN TÙNG	DH100T						7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi, Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 08 tháng 07 năm 14

Handwritten signature
Trưởng Bộ môn

Handwritten signature
Bùi Công Hạnh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

CBGD: Bùi Công Hành (306)

[illegible]

Ngày 03 tháng 01 năm 14

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Amey Kulkarni

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập điện Ô tô - 03-207722

CBGD: Bùi Công Hạnh (306)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10154055	VƯƠNG THÀNH AN	DH100T						5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10154075	LÊ VĂN CHIẾN	DH100T						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10154004	LÊ QUỐC DŨNG	DH100T						6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10154065	LÝ MINH HẢO	DH100T						6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10154069	NGUYỄN CẢNH HOÀNG	DH100T						5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10154070	DƯƠNG MINH HOP	DH100T						5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10154019	NGUYỄN KỲ LÂN	DH100T						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10154097	HUỖNH THANH LONG	DH100T						5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10154021	NGUYỄN THÀNH LUÂN	DH100T						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10154077	NGUYỄN ẬU VĂN NAM	DH100T						5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10154027	PHAN XUÂN NHẬT	DH100T						6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10154030	TRẦN VĂN QUANG	DH100T						7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10154031	NGUYỄN VĂN QUÍ	DH100T						7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10154032	ĐỖ VĂN QUÝ	DH100T						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10154081	MAI HÀ SANG	DH100T						6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10154033	ĐẶNG VĂN SIL	DH100T						6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10154079	LÂM MINH THAO	DH100T						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10154048	ĐẶNG VĂN TOÀN	DH100T						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ

Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 03 tháng 07 năm 14

Kul
Trần Kiều Dương

Trần Công Hạnh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập điện Ôtô - 03-207722

Số bài:; Số tờ:
 Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
 Điểm thi, Điểm thi cuối kỳ.
 Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và
 đã nhân trong số

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Ngày 03 tháng 07 năm 14

(Quản lý môn học)
tu
 Ông Tuấn Dũng